

diễn đàn

Số 57 / 1.11.1996

ISSN 1164-2378

F O R U M



Tô Ngọc Vân, *Thiếu nữ bên hoa huệ*, sơn dầu (1943)

Tiến bộ, huyền thoại & thực tế

bùi mông hùng

Khi cụ Phan Châu Trinh cùng các nhà nho cấp tiến xuống lên phong trào duy tân, hô hào học theo Tây phương, vào thời 1905 ấy, chẳng hiểu các cụ có ngờ được chăng, không đầy năm mươi năm sau, cái nhìn của thế hệ hậu sinh con cháu sẽ ngược hẳn với thời các cụ. Đúng 180 độ.

Từ như đinh đóng cột...

Cái thời bước qua đầu thế kỷ XX ấy, học trò còn đua nhau đi thi. Ngay trong những năm loạn lạc, sôi động phong trào cần vương, chỉ riêng một trường Nam Định số sĩ tử thi hương là 8000 năm 1889, 10 000 năm 1891, 11 000 năm 1894. Mà đã tấp tểnh lều chõng đến trường thì ai chẳng tâm niệm câu dẫn dò truyền thống :

Tam hoàng Ngũ đế thì khen

Hán, Đường trở xuống phải lên cho đau

Các đế vương huyền thoại là gương mẫu cho muôn thuở. Chói lọi như mặt trăng mặt trời. Đời sau chỉ có thể trông đó mà noi theo. Được bằng chấm sáng lấp lóe của vì sao đã là giỏi ; lập lòe như đom đóm trong đêm đã là tài. Từ khi có sử sách biên chép, đời Hán đời Đường trở về sau, toàn là những chuyện đáng chê đáng trách, làm bài văn phải đả kích cho thật đau. Càng gần hiện đại bao nhiêu càng thêm kém cỏi, càng đáng công kích bấy nhiêu.

Hướng nhìn nhà Nho quay về quá khứ ; toàn bích thuộc thời Nghiêu Thuấn xa xăm, đời sau chỉ có thể là thoái hoá và thoái bộ.

Khi ta chuyển theo cái học Tây phương, ta tin vào ý niệm tiến bộ. Tiến bộ không ngừng. Về hướng tương lai tươi sáng.

(xem tiếp trang 12)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

4 Tại sao tôi...

Hàn Thuý

Thời sự, những vấn đề

1 Tiến bộ, huyền thoại & thực tế

Bùi Mông Hùng

5 Tin tức

14 Mừng giận

N.T.

15 Yêu cầu của bà Hà Sĩ Phu
và ông Hoàng Minh Chính

Văn hoá, khoa học, nghệ thuật

17 Tưởng nhớ anh Tạ Trọng Hiệp

N.T. Nghĩa

18 Giải Nobel văn học 1996

Thiên Nam

20 Giải Nobel kinh tế học 1996

Vũ Quang Việt

21 Sổ tay

Kiến Văn

22 Đọc sách

Kiến Văn

24 Hội hoạ Việt Nam :

Thành tựu và giới hạn

Văn Ngọc

28 Những còn những mất (truyện ngắn)

Lê Minh Hà

29 Mẹ tôi (truyện ngắn)

Nguyễn Quang Thân

30 Một trích đoạn cũ (truyện ngắn)

Đỗ Phước Tiến

Thơ Wislawa Szymborska (trg.18), Lê Bi (trg.17)

NOVEMBRE 1996

Dernières représentations

SECHERESSE ET PLUIE
Hạn hán và Còn mưa
de la Compagnie Ea Sola

4 nov.	Utrecht (Pays-Bas)
7 nov.	Den Bosch (Pays-Bas)
9 nov.	Den Haag (Pays-Bas)
13 nov.	Kortrijk (Belgique)
14 nov.	Tilburg (Pays-Bas)
16 nov.	Groningen (Pays-Bas)
19 nov.	Amersfoort (Pays-Bas)
20 nov.	Eindhoven (Pays-Bas)
22 nov.	Le Mans (France)

NB pour la représentation du 22 (et non pas 23) : Centre Culturel de l'ESPAL, 60-62 Rue de l'Estérel, 72100 LE MANS (Téléphone : 02 43502150)

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf dimanche et lundi)

programme de novembre 1996

EXPOSITION DE PHOTO

Jean-Marc VANTOURNOUDT
& **Nguyễn Thái HOÀNG :**

DES NOUVELLES DE HA-NOI

du 8 au 30 novembre

vernissage : Vendredi 8 novembre à 18 h 30

RENCONTRE POETIQUE

Claude MICOSKI dit les Poètes de
l'“Ecole de Rochefort”

INTERMEDES MUSICAUX DE Quỳnh Hạnh

Vendredi 8 novembre à 20 h

CONFERENCES :

* Samedi 2, à 17 h : **Hommage à Đào Trọng Đù** à l'occasion de la parution de son ouvrage *Répertoire-Lexique de 16 000 idéogrammes chinois*, rencontre avec **Đào Trọng Nguyên**.

* Samedi 16, à 18 h : *Réforme de l'écriture vietnamienne*, proposée par **Bùi Ngọc Sánh**

* Vendredi 29, à 20 h 30 : en hommage à Jacques Boule, linguiste :

“La théorie du volcan” de Jacques Boule,
par Gilles Bernard.

RÉCITAL : DUO DE CLARINETTE ET DE PIANO

Mayumi NAGAI & Denise REVE :

Vendredi 15 novembre à 20 h 30

THEATRE

Giọt tình cay đắng (De l'amertume de l'amour)

Đoàn kịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam

Dimanche 17, à 16 h.

THÉ DANSANT

Dimanche 24, à 15 h

Bạn đọc viết cho chúng tôi

Những phụ nữ nạn nhân của “ vụ án xét lại ”

May quá, tôi nhận được số tháng 10 rất sớm. Lá thư của bà Nguyễn Thị Ngọc Lan rất cảm động. Thu viết cách đây 15 năm rồi, nhưng ngày nào vụ việc của thập niên 1960 chưa được làm sáng tỏ, thì nó còn giữ nguyên tính thời sự.

Trong lời giới thiệu, Diễn Đàn có viết bà Nguyễn Thị Ngọc Lan là “ phụ nữ duy nhất bị giam tù ” trong “ vụ án xét lại – chống Đảng ”.

Sự thật, ngoài bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, còn hai phụ nữ khác cũng đã bị bắt giam một thời gian là Nguyễn Thị Vy và Vũ Thị Thuý. Họ bị bắt không phải vì lập trường chính trị bản thân, mà chỉ vì có quan hệ với những người trong nhóm “ xét lại – chống Đảng ”. Điều này càng bộc lộ tính chất tùy tiện của vụ đàn áp.

N.T.C. (Hà Nội, Việt Nam)

Dân chủ, phát triển và văn hoá

Mấy lời cùng bạn đọc của Ban biên tập (ĐĐ số 56) tới đúng lúc.

Trong 5 năm qua, thông điệp dân chủ của Diễn Đàn đã rõ nét, không thể lẫn lộn. Tôi không nói là không cần nữa : ngày nào nền dân chủ chưa được thiết lập ở Việt Nam, nó vẫn giữ nguyên tính thời sự. Song nếu không đặt vấn đề dân chủ hoá từ những tình huống cụ thể, thì sự đơn thuần lặp lại các nguyên tắc để trở thành nhàm và biến thành bài giảng đạo “ biết rồi, khổ lắm, nói mãi ”.

Mặt khác, theo ý tôi, Diễn Đàn nên mở rộng thêm trên hai lãnh vực phát triển và văn hoá, gắn liền với tình hình cụ thể của đất nước.

Hoàng Ngọc (Melbourne, Úc)

Chân cứng đá mềm

Tôi gửi vội ngân phiếu để khỏi quên như năm ngoái, lại bị cắt báo. Không có thời giờ viết thư góp ý kiến, nên nhân dịp tờ báo vừa tròn 5 tuổi, xin vắn tắt một câu : chúc Diễn Đàn chân cứng đá mềm.

Trần Quang X. (Paris, Pháp)

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30
après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Lời bạn đọc

Ngày 19.10 vừa qua, ban biên tập Diễn Đàn đã họp buổi đầu trong một loạt cuộc họp nhằm xác định lại nội dung và hình thức tờ báo sau 5 năm hoạt động (xem số trước).

Buổi họp này đồng thời cũng là “ đại hội đồng ” của tập thể xuất bản Diễn Đàn lẽ ra phải họp mỗi năm một lần vào đầu thu, nhưng hai năm qua, đã xao lãng. Nhân dịp này, ban biên tập Diễn Đàn khẳng định lại nguyên tắc luân phiên nhiệm vụ tổng biên tập, và chấp nhận yêu cầu của anh Trần Hải Hạc được ngừng trách nhiệm tổng biên tập sau 5 năm liên tục. Ban biên tập Diễn Đàn đã cử anh Hà Dương Tường làm tổng biên tập, và anh Nguyễn Quang Đỗ đã nhận làm chủ nhiệm báo Diễn Đàn thay thế anh Hà Dương Tường. Trước đó, ban biên tập đã quyết định lưu nhiệm ban chủ biên gồm 5 người : Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Trần Hải Hạc, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường.

Trong ba tháng tới, ban biên tập Diễn Đàn tiếp tục các cuộc họp như đã nói trên. Chúng tôi xin thành thực cảm ơn những bạn đọc đã vui lòng gửi thư góp ý kiến cùng với ngân phiếu gia hạn báo. Chúng tôi rất mong bạn đọc tiếp tục phê bình và đề nghị để cải tiến tờ báo.

Diễn Đàn

nhắn tin

Ông Bùi Quang Đại, sinh ngày 2.12.1935, sang Pháp du học từ năm 1950, khoảng 1954-55 sang Anh học tiếp và đến 1956 thì sang Tây Đức học y khoa, có mẹ là cụ bà Bùi Hưng Gia tìm kiếm. Mẹ ông năm nay đã 84 tuổi vẫn ngày ngày mong tin. Xin viết thư ngay về cho gia đình. Ai biết tin gì về ông Đại cũng xin cho gia đình biết. Thư từ xin gửi về : Cụ Bùi Hưng Gia, 54-56 phố Hàng Trống, Hà Nội, Việt Nam.

Tin buồn

Chúng tôi được tin ông

Tạ Trọng Hiệp,

nhà nghiên cứu Hán-Nôm, đã từ trần ngày 25.10.1996 tại bệnh viện Bicêtre (ngoại ô Paris) sau một cơn bệnh nặng, thọ 63 tuổi.

Diễn Đàn thành thực chia buồn cùng tang quyến.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Trần Hải Hạc, Bùi Mộng Hùng.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :
1/8 trang : 180 F
1/4 trang : 300 F
1/2 trang : 550 F
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liền tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, sec đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Tại sao tôi...

Cuộc đời cho tôi cho tôi tiếng nói đôi khi vui tươi
Cuộc đời cho tôi cho tôi tiếng nói đôi khi ngậm ngùi
Trịnh Công Sơn

Tại sao tôi (đôi lúc) viết Diễn Đàn ? Tại sao tôi cần có người bỏ tiền mua báo đọc ? Tại sao tôi mỗi tháng đều đặn bỏ hai ngày cuối tuần để góp sức (cộng với góp vài chai rượu nho) vào làm tờ báo, tức thỉnh thoảng viết, thỉnh thoảng đánh máy, thỉnh thoảng dịch, và phần lớn dò lại các bản đánh máy để tôn trọng bản thảo ? Vâng nói ra vô duyên. Vâng không phải chỉ tôi làm cái chuyện không ai thấy. Để có được mấy trang tin tức đất nước cung cấp cho bạn đọc, biết bao nhiêu công sức ? Để mỗi đầu tháng báo tới tay bạn đọc, nhiều người trong ban quản lý Diễn Đàn vẫn mỗi tháng mất hai ngày cuối tuần rất âm thầm, đều đặn.

Nhưng hình như ai đó vẫn không biết và không hiểu. Không biết chính vì không thể tin rằng Diễn Đàn sống được trên ba yếu tố : một diễn đàn vì dân chủ và phát triển, một số bạn đọc bỏ tiền mua báo, và công sức những người làm báo chừa. Không tin vì không hiểu tại sao. Vậy cần trình bày tại sao nó quá dở như vậy. Hơn thế nữa, nói theo cái giọng quen thuộc của làng toán, tại sao cái sự quá dở đó lại là một điều kiện « ắt có và đủ » cho sự hiện diện, khi vui tươi khi ngậm ngùi, và đôi lúc rất là khó chịu, của tờ Diễn Đàn.

Ở đây, chính vì trong ĐĐ có cả một mafia dân toán, nên xin xác định rõ cái ý nghĩa « ắt có », hay « ắt phải có » của toán, nó hơi khác cách hiểu thông thường. Khi nói « có dân chủ và phát triển ắt phải có một cái bọn quá dở như bọn Diễn Đàn » thì « ắt phải có » không hàm ý một quy luật nhân quả nào đó sẽ xảy ra theo thời gian, mà là... đã có rồi. Nói cách khác « có A ắt phải có B » có nghĩa B đã nằm ở trong A, mỗi lần thấy A là tự nhiên phải thấy B. Thấy có mục đích dân chủ và phát triển thì tự nhiên phải thấy có một bọn như bọn ĐĐ, dĩ nhiên không cần thiết đây là một nhóm duy nhất. Vì điều giản dị là có dân chủ thì có tự do ngôn luận, mà có tự do ngôn luận thì có ngôn luận. Không thể đặt ra mục đích dân chủ mà tự mình không phát ngôn một cách tự do. Phát ngôn một cách tự do để hướng về mục đích DC và PT nghĩa là không phá đám những nỗ lực phát triển mà còn phải đóng góp vào đó, dĩ nhiên. Nhưng phải nói thêm, đóng góp một cách tự do vào những nỗ lực phát triển tự nó đã là thể hiện dân chủ. Vì, theo thiên nghi, không nên đòi dân chủ suông, mà nên đòi được tự do ngôn luận để bàn bạc, nhận định và phê phán một cách dân chủ trên những vấn đề thiết yếu tới phát triển đất nước. Vì, có lẽ, nội dung tiếng nói đòi dân chủ không quan trọng bằng sự hiện diện của những tiếng nói dân chủ, đó là điều kiện « ắt có » toán học, một đòi hỏi có tính cách bản thể.

Thế còn những điều kiện đủ để cho có sự hiện diện của một tờ báo như Diễn Đàn ? Xin nhắc lại : một mục đích chung, bạn đọc, và những người làm chừa. Cái mục đích chung vì dân chủ và phát triển nói ra thì nó quá rộng để có một nội dung cụ thể, vì thế nội dung của nó có lẽ là... làm được tới đâu hay tới đó, mỗi người theo sở trường cụ thể của mình. Và lại, có ai mà chống lại mục đích này ? vì vậy điều

chính yếu là thiện chí, nói về những vấn đề cụ thể với thiện chí. Như thế không có nghĩa hiền như cục đất không biết nổi giận. Thành thực mà nói, chúng tôi không ai là Bồ Tát. Và cũng vì thế cho nên nói làm chừa là nói không có thù lao chứ dĩ nhiên không phải tự nhiên làm mà không có « động cơ cá nhân ». Cái mục đích chung đủ rộng để cho phép mỗi người có sở nguyện riêng trong phạm vi sở trường của mình : đóng góp trong văn học, nghệ thuật, kinh tế, xã hội, chính trị, khoa học, kỹ thuật, vân vân ... và ai viết thì cũng mong có người đọc, và vì không là Bồ Tát cho nên cũng có thể có những điều viết ra « khách quan » mà nói là sai trái, có hại.

Vì thế trong ba điều kiện đủ của tờ báo cần có điều kiện : bạn đọc bỏ tiền mua báo. Báo nào thì cũng cần bạn đọc, nhưng chưa chắc báo nào cũng cần bạn đọc bỏ tiền ra mua. Chúng tôi thì cần tiền bạn đọc như cá cần nước. Thật vậy, cần theo nhiều nghĩa, nghĩa đen nhất là theo tính toán cân đối thu nhập thì mỗi năm Diễn Đàn chỉ trên dưới 150 000 quan, năm năm rồi ! Mặt khác, với số lượng của cộng đồng, với bộ mặt của ĐĐ thì làm sao có thể nghĩ tới việc sống vào tờ báo ? Dĩ nhiên không thể nhờ tài trợ của bất cứ tổ chức nào. Vì vậy nguyên tắc « chỉ góp công chứ không góp của » là thực tế. Nhưng, ngoài ra, đối với người viết, mỗi lần nghĩ rằng có được gần nghìn người đọc, trong đó hơn năm trăm thấy « đáng đồng tiền » thì đó vừa là hậu thuẫn cho tiếng nói của mình, vừa là sự nhắc nhở thận trọng ngòi bút, vừa là sự khích lệ quý báu. Bỏ tiền túi ra in những điều mình nghĩ hay/và viết rồi gửi đến cho mọi người đọc, cũng là một hình thức tự do tư tưởng. Nhưng hình thức ấy thật không thích hợp cho một tờ Diễn Đàn muốn sống lâu và muốn có nhiều người viết.

Tôi có một người bạn đồng nghiệp hiện đang công tác tại thành phố, trình độ nghiệp vụ cũng như vị thế của anh cho phép anh có lần sang Pháp, và chúng tôi đã từng ngồi uống cà phê thoải mái tại khu Latinh bàn cãi rất lâu từ chuyện chuyên môn sang tới chuyện đời. Không có gì cấm kỵ, và chúng tôi hiểu được nhau mặc dù anh và tôi đã lớn lên và được đào tạo trong những môi trường hoàn toàn khác biệt, và mặc dù nói chung anh bảo vệ chế độ và hôm ấy thì tôi vì có dịp thả dãn, « mần » một trận khá căng. Tôi nhiều lần nghĩ tới những người như anh, và nhất là nghĩ tới buổi hôm ấy trước khi chia tay nhau tôi có hỏi anh tại sao không có thể có một cuộc thảo luận công khai tại Việt Nam trên mặt báo về những gì chúng tôi đã thảo luận. Anh bảo, đại khái, trình độ dân trí chưa đủ để đọc những bài nhận định và phê phán chính quyền. Đó là ý của anh, tôi nghĩ rằng người dân luôn luôn có những nhận định và phê phán ; chỉ có điều là cho phép công khai hay không mà thôi, và chính điều ấy cũng lại là điều kiện để nâng cao dân trí. Công khai nhận định và phê phán không có nghĩa là « đứng trên », và cũng không phải là « phạm thượng », không những như thế không có nghĩa là không chấp nhận chính quyền, mà đó là quyền hạn và còn là nghĩa vụ của người dân. Chưa hiểu được như thế thì chưa hiểu thế nào là dân chủ, và chừa nào trong nước chưa có một tờ báo « khó chịu » như tờ Diễn Đàn thì không phải người dân mà chính là giới lãnh đạo chưa hiểu. Và chừa ấy thì tôi người phó thường dân ở nước ngoài vẫn sẵn sàng, trong điều kiện của mình, làm báo, chừa.

Với điều kiện làm sao để có đủ bạn đọc mua báo.

Hàn Thuý

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Kinh tế : kết quả 96, mục tiêu 97

Theo bản báo cáo của chính phủ được giới thiệu trước kỳ họp quốc hội, kinh tế Việt nam năm 1996 vẫn giữ được tốc độ phát triển khá, dự kiến GDP sẽ đạt 9,5 % (so với kế hoạch là 9 - 10 %). Giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp ước tăng 4,8 - 5 % : sản lượng lương thực, nhờ vụ lúa đông xuân được mùa, đạt 28,2 triệu tấn, trong khi chăn nuôi tăng chậm và lâm nghiệp giảm sút. Giá trị sản lượng công nghiệp ước tăng 14 % : khu vực tư nhân tiếp tục phát triển khá trong khi công nghiệp quốc doanh địa phương có xu hướng tăng chậm ; tình trạng ứ đọng hàng hóa đã đến mức báo động, nhất là xi-măng, sắt thép, giấy viết.

Trong chín tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu vượt xuất khẩu 3,24 tỷ đô la (nhập 8,43 tỷ và xuất 5,19 tỷ) : chính phủ dự kiến giữ được mức nhập siêu này đến hết năm, không cho tăng thêm. Thiệt hụt giữa mức chi và thu ngân sách dự kiến khoảng 3 % GDP, dưới mức bội chi mà quốc hội cho phép (3,5%). Lạm phát chín tháng đầu năm ở mức 2,5 % (2,9 % so với tháng 9 năm trước) : chính phủ cho biết sẽ có biện pháp nâng giá nhằm kích thích sản xuất và nhằm một chỉ số lạm phát khoảng 6 - 7 % cho cả năm.

Chính phủ sẽ trình bày trước quốc hội kế hoạch năm 1997 với những chỉ tiêu như sau : GDP tăng 9 - 10 % ; nông nghiệp tăng 4,6 - 4,9 % ; công nghiệp tăng 14 - 15 % ; dịch vụ tăng 12 - 12,5 % ; xuất khẩu tăng 27 %. Vốn đầu tư toàn xã hội (bao gồm vốn từ bên ngoài) dự kiến lên tới 30 % GDP, tăng khoảng 35 % so với năm 1996. Thu ngân sách dự kiến đạt 19 - 20 % GDP, tăng 12,2 % so với năm 1996, trong khi chi ngân sách chỉ tăng 5,6 %. Riêng về chỉ số lạm phát, chính phủ chờ biết chỉ số của năm 1996 để xác định cho năm 1997 (có thể là khoảng 6 - 7 %). Kế hoạch năm 1997 cũng như toàn bộ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng chính phủ huy động vốn đến mức cao nhất trong và ngoài nước. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 3.10.96)

Vốn : nguồn lực trong nước là quyết định

Tại kỳ họp quốc hội này, bản báo cáo của thủ tướng Võ Văn Kiệt khẳng định quan điểm “ *nguồn lực trong nước là yếu tố quyết định để phát triển* ” Ông nhấn mạnh đến sức mạnh của các thành phần kinh tế và đề ra chủ trương “ *phát huy sức mạnh nhân dân, giải phóng mọi tiềm năng trong nước* ”.

Để thực hiện mục tiêu này, chính phủ sẽ khuyến khích người sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, và ở các khâu : lập doanh nghiệp (tạo thuận lợi trong đăng ký kinh doanh, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, vay vốn ...) cũng như tiến hành kinh doanh (có chính sách về thuế suất đối với các loại hàng hóa khác nhau, về ứng dụng công nghệ mới, về

liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước, về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, về tiếp cận với thị trường bên ngoài ...).

Trước mắt chính phủ xác định các thành phần kinh tế đều có quyền trực tiếp thu hút vốn đầu tư nước ngoài và cho biết sẽ sửa đổi các qui định pháp luật về đất đai trong hướng công nhận “ quyền sử dụng đất ” là một nguồn vốn quan trọng để góp vốn liên doanh với nước ngoài : các doanh nghiệp tư nhân cũng như các doanh nghiệp nhà nước, sau khi nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất dài hạn, sẽ có quyền góp vốn liên doanh bằng giá trị đất đai. (Tuổi Trẻ 17 và 19.10 ; Thời báo kinh tế Việt Nam 16.10.96)

Tham nhũng : vẫn là đe dọa

Nói về tình trạng tham nhũng trong kỳ họp quốc hội, bản báo cáo của thủ tướng Võ Văn Kiệt cho rằng nạn tham nhũng “ *tiếp tục cản trở, đe dọa sự phát triển của đất nước* ”. Bản tường trình của Thanh tra nhà nước nhấn mạnh đến hiện tượng tham nhũng có tổ chức thành đường dây trong nội bộ các cơ quan nhà nước : chẳng hạn như 14 bị can tại Công ty xây dựng bưu điện tham ô 1,4 tỷ đồng ; 12 bị can ở Xí nghiệp liên lập địa trắc ăn hối lộ và gây thiệt hại 10 tỷ đồng ; 8 bị can ở Vietnamex (bộ giao thông vận tải) gây thiệt hại 30 tỷ đồng ; ở Công ty dệt Nam Định, những thiệt hại lên đến 207 tỷ đồng và nợ lên tới 648 tỷ đồng ... Thanh tra nhà nước nhận định rằng tình trạng tham nhũng xảy ra ở khắp các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước : cán bộ duyệt kinh phí, cấp *quota* thì lợi dụng quyền hạn và thủ tục rườm rà để nhận hối lộ ; cán bộ quản lý doanh nghiệp thì gian lận, ăn chia.

Nghe thấy ở kỳ họp quốc hội

Ông Hồ Tế (bộ trưởng tài chính) : Tôi phải mất tám năm rưỡi làm thú trưởng, bốn năm làm bộ trưởng mới hiểu được gánh nặng ngân sách. Chưa có nước nào đối tượng trả lương rộng như ta : hệ thống nhà nước, hệ thống Đảng từ trung ương đến cơ sở, hệ thống đoàn thể từ trung ương tới cơ sở. ... Lương chiếm 48 % ngân sách chi thường xuyên.

Ông Lê Quang Đạo (chủ tịch Mặt trận Tổ quốc) : Nghị quyết quốc hội quyết định nếu trượt giá 2 % phải bù vào lương. Từ khi điều chỉnh lương đến nay, trượt giá đã tới 30 %, tại sao lương vẫn chưa được điều chỉnh ?

Ông Nguyễn Hữu Khương (nguyên giám đốc sở công an TPHCM) : Không có sự công bằng trong điều tra, truy tố, xét xử tham nhũng. Cán bộ nhỏ xử nghiêm, cán bộ to xử nhẹ. Bọn tham nhũng khi tham nhũng không phải không sợ, nhưng vì chúng biết chắc sẽ có người bao che nên cứ làm. Tôi đề nghị phải xử lý cả những người được báo cáo tham nhũng mà không xử lý ...

Bà Nguyễn thị Ngọc Phượng (bác sĩ, đại biểu TPHCM) : Ý anh nói là nên xử lý anh ? Vì anh nguyên là giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh, người luôn được nghe báo cáo về tham nhũng ...

Ông Nguyễn Hữu Khương : Không ! Tôi cũng chỉ là người báo cáo. Thời gian làm giám đốc Công an thành phố, tôi đã thấy khó chống tham nhũng lớn ! (Tuổi Trẻ 19.10.96)

Từ năm 1993 đến tháng 9 năm nay, theo thống kê chính thức, các hoạt động chống tham nhũng đã :

- phát hiện 4 903 vụ tham nhũng với số tiền và tài sản bị thiệt hại trị giá hơn 1 222 tỷ đồng và hơn 34 triệu đô la.

- xử lý hành chính 8 903 người tham nhũng, trong đó có 2 cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, 29 cán bộ cấp vụ, viện, cục và tương đương, 29 chánh, phó giám đốc sở, 18 chủ tịch và phó chủ tịch huyện, 19 tổng và phó tổng giám đốc, 282 giám đốc, phó giám đốc doanh nghiệp, 484 cán bộ cấp phòng, 252 chủ tịch, phó chủ tịch xã, phường ...

Bản báo cáo của chính phủ đề nghị quốc hội ra một văn bản pháp luật về nguyên tắc liên đới chịu trách nhiệm đối với những người đứng đầu cơ quan để xảy ra các vụ vi phạm luật pháp nghiêm trọng. Chính phủ cũng đề nghị một số biện pháp nhằm công khai hóa tài chính doanh nghiệp, tăng cường công tác kế toán và kiểm toán, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, qui định rõ những điều cấm và giảm bớt việc xin phép, công khai hóa qui trình xét duyệt của các cơ quan chức năng. (Tuổi Trẻ 17 và 20.10.96)

Đầu tư trực trở

Một trong những nhiệm vụ chính của khoá họp quốc hội mùa thu này (mở đầu ngày 15.10 và sẽ kéo dài hơn một tháng) là sửa đổi luật đầu tư nước ngoài để mong thu hút nhiều hơn vốn nước ngoài vào Việt Nam. Đây là lần thứ hai đạo luật ra đời cuối năm 1987 này được đưa ra sửa đổi, lần trước là vào năm 1992. Một kỷ lục trong quá trình làm luật Việt Nam, được cắt nghĩa bằng tỷ số giám xuống 20 % vốn đầu tư mới vào trong 6 tháng đầu năm, so với cùng thời kỳ năm ngoái. Mặc dầu bộ kế hoạch và đầu tư, người đưa ra con số nói trên, đã mạnh mẽ phủ nhận rằng nó phản ánh một khuynh hướng đáng quan ngại, rằng bộ còn đang khẩn trương xem xét nhiều dự án trị giá tổng cộng lên tới 6,2 tỷ đôla, các nhà đầu tư sẵn sàng đưa ra nhiều sự kiện khác nói lên sự không thoả mãn của họ để thúc đẩy đổi thay. Sự thiếu nhất quán và thiếu trong suốt của luật pháp, những thủ tục nhiều khi, nặng nề, và nhất là quá nhiều rủi ro khó lường trước..., là những lời than van thường gặp, mà chính thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhắc lại trong bài diễn văn khai mạc khoá họp của ông. Từ khi đạo luật đầu tư ra đời, đã có hàng ngàn dự án được thông qua với tổng vốn đầu tư 22 tỷ đôla, song chính phủ dĩ nhiên cũng không thể hài lòng với con số mới khoảng 25 % số vốn nói trên được triển khai. Mặt khác, gần đây các nhà đầu tư nước ngoài càng ngày càng bỏ rơi công thức hợp doanh với một đối tác Việt Nam, và tìm kiếm những cơ hội mở các doanh nghiệp mà họ đầu tư 100 % vốn. Lý do là để tránh tình trạng họ không chủ định được hưởng kinh doanh, dù nắm đa số vốn, vì luật hiện nay đòi hỏi nhiều quyết định quan trọng phải được hội đồng quản trị nhất trí thông qua...

Tuy nhiên, theo một luật gia người Âu nói với AFP, sau khi đọc tài liệu được công bố về việc sửa đổi đạo luật này, thì "nhiều điểm tối nghĩa trong luật cũ vẫn không được đề cập tới trong dự thảo sửa đổi, thậm chí nhiều đề nghị sửa đổi còn làm khó hơn cho việc cắt nghĩa luật lệ". Các nhà đầu tư có mặt tại Việt Nam cũng không tỏ vẻ hy vọng gì lớn vào bản thứ ba của đạo luật rất quan trọng đối với họ này. Đầu tháng

10, một phái đoàn cấp cao của hiệp hội các chủ nhân Nhật Bản (Keidaren) tới thăm Hà Nội cũng đã nhấn mạnh nhiều tới việc Việt Nam cần "cải thiện môi trường đầu tư" của mình để cạnh tranh với các nước lân cận.

Vấn đề là không chỉ có chuyện đầu tư ! Một người Mỹ trong nghề ngân hàng, hoạt động tại Hà Nội, đã lên tiếng cảnh báo "Đất nước này cần thức tỉnh. Nếu Việt Nam không thay đổi các chính sách của mình thì sẽ không thể nào bắt kịp các nước chung quanh". Trong khi đó, một cố vấn của thủ tướng cũng thẳng thắn thừa nhận khi nói chuyện với phóng viên tờ Tạp chí kinh tế Viễn đông rằng công cuộc đổi mới còn lâu mới hoàn tất, tuy mười năm qua nhiều việc đã được thực hiện. Cũng theo ông, "bây giờ là lúc phải đụng đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế, và do đó cải tổ không còn dễ như trước". Một đạo luật quan trọng khác có trong lịch trình làm việc của quốc hội khoá này là luật thủ tục hành chính. Liệu hai đạo luật có đạt được mục tiêu góp phần giải quyết những vấn đề cơ bản nói trên ? (AFP 3, 14 và 15.10, FEER 24.10.1996)

Lụt lội

Tiếp theo những trận bão lụt lớn mùa hè chủ yếu ở các tỉnh miền Trung (xem ĐĐ số 55), nước sông Mê-Kông lên cao từ hạ tuần tháng 9 ở Cam-Bốt đã tràn về các tỉnh Nam bộ gây lụt lớn kéo dài hơn ba tuần đầu tháng 10. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tới thăm các vùng bị lụt để đẩy mạnh các biện pháp cứu trợ. Theo những con số ngày 21.10, 64 người đa số là trẻ em đã bị nước cuốn chết đuối, và 120 000 người đã phải di tản khỏi nơi sinh sống. Chính quyền các tỉnh bị lụt (nặng nhất là An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và Tiền Giang) dự trù còn khoảng 10 % trên tổng số 2 375 000 dân vùng bị lụt cũng sẽ phải dời nhà đi tới các vùng đất cao hơn. Thiệt hại vật chất tuy đã được hạn chế do được báo động sớm vẫn vượt số 500 tỉ đồng (ngót 50 triệu đôla). Mặt khác, một dịch sốt xuất huyết đã lan tràn ở vùng bị lụt, làm hơn 7 000 người bị bệnh và riêng trong tỉnh Tiền Giang 31 người bị chết. Đây là năm thứ ba liên tiếp đã xảy ra lụt lớn ở đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1994, 400 người đã thiệt mạng vì nước cuốn, thiệt hại vật chất lên đến 300 triệu đôla. Năm 1995, có 142 nạn nhân khác.

Cũng trong đầu tháng 10, mưa lớn ở nhiều tỉnh miền núi Bắc bộ đã làm 7 người thiệt mạng và 4 người khác mất tích. (Reuter, AFP 14, 15 và 21.10.1996)

Nhà cửa Hà Nội nguy ngập

Theo một báo cáo của Pnud (Chương trình Liên hiệp quốc vì Phát triển) nhân Ngày nhà cửa thế giới (mỗi năm, vào thứ

Tạ lỗi - Tạ lỗi

Diễn Đàn số vừa rồi có hàng tạ lỗi, nhất là trong những trang tin. Lý do là vì giờ chót vô ý chúng tôi đã nhầm đưa cho nhà in bản chưa chữa của tập văn bản Tin tức (tập là từ tin học dịch chữ tiếng Anh file). Điều này dĩ nhiên các thầy và cô cò vốn rất kỹ tính của Diễn Đàn không những hoàn toàn không có trách nhiệm gì mà còn mang tiếng oan.

Rất mong được bạn đọc từ bi lượng thứ.

hai đầu tháng 10), khoảng 70 % nhà cửa ở Hà Nội bị coi là hư hỏng nặng, và 10 % lẽ ra phải được phá huỷ ngay. Pnud cảnh báo " Các vấn đề quy hoạch đô thị ở Hà Nội sẽ ngày càng khó khăn hơn nếu không có biện pháp cấp bách ". Theo một quan chức đại diện Pnud đóng tại Hà Nội, ông Nicholas Rosellini, chính phủ Việt Nam " thừa nhận rằng tình hình cơ sở hạ tầng của thủ đô tiếp tục xấu đi ", " trong thời gian chuyển tiếp sang kinh tế thị trường, thành phố này chịu một sức ép rất lớn (về gia tăng dân số), và nhiều vấn đề đô thị rất nghiêm trọng đang đặt ra ". Dân số tăng nhanh (2 % mỗi năm) và các hoạt động thương mại nhân lên làm tắc nghẽn thành phố, và làm cho các công trình tân trang nhà ở, phương tiện giao thông, cấp và tháo nước v.v... không theo kịp. Hà Nội hiện có 2,3 triệu dân, sống chen chúc với diện tích trung bình 5,6 mét vuông mỗi người. Nhân Ngày nhà cửa thế giới năm nay, Pnud đã viện trợ cho Hà Nội 983 000 đôla. (AFP 6.10.1996)

Hà Nội - Vatican

Một đoàn đại diện cấp cao Toà thánh La Mã, do Hồng y Claudio Celli dẫn đầu đã tới thăm Việt Nam từ 14 đến 18.10 và làm việc với nhà cầm quyền về các vấn đề quan hệ giữa nhà nước Việt Nam và nhà thờ Thiên chúa giáo. Hồng y Claudio Celli, nhân vật số hai của bộ ngoại giao Vatican, được coi là một vị Hồng y gần gũi với giáo hoàng Jean Paul II, đã nhiều lần tới Hà Nội để thương lượng về các mối tranh chấp giữa hai bên, trong đó một vấn đề nổi cộm là việc cử người kế vị tổng giám mục Nguyễn Văn Bình ở địa phận thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn đã hội kiến với thủ trưởng ngoại giao Nguyễn Đình Bin, gặp gỡ các đại diện của Hội đồng giám mục Việt Nam, và đã có nhiều buổi làm việc với Ban tôn giáo chính phủ, đứng đầu là trưởng ban Vũ Gia Thắm. Theo lời một quan chức của ban này ngày 17.10, các buổi hội đàm đã diễn ra trong tinh thần thiện chí của hai bên và " kết quả nói chung là tốt ", " hai bên đã đạt tới thoả thuận trên một số điểm " được nêu ra. Tuy nhiên, người ta chưa biết cụ thể gì về những thoả thuận đó. (AFP 17.10.1996)

Giày dép đứng đầu hàng xuất khẩu

Theo Hiệp hội Da và Giày dép Việt Nam, 67 triệu đôi giày sản xuất ở Việt Nam đã được xuất sang 15 nước Cộng đồng châu Âu (UE) trong năm 1995, chiếm vị trí đầu bảng hàng Việt Nam xuất cảng sang châu Âu, với 37 % giá trị sản lượng, vượt qua hàng may mặc (với 26 %). Trong khi hàng may mặc xuất sang UE phải chịu một cô-ta được hai bên thoả thuận năm 1995 và có giá trị đến hết năm 1977, không có cô-ta nào cho giày dép. Do đó, nhiều chuyên gia UE dự tính rằng lượng giày Việt Nam xuất sang UE có thể lên tới 200 triệu đôi mỗi năm trong vài ba năm tới. Từ 5 năm nay, kỹ nghệ giày dép Việt Nam đã hiện đại hoá dây chuyền sản xuất với khoảng 200 triệu đôla đầu tư. Khoảng một phần ba các nhà máy giày lớn ở Việt Nam là có vốn toàn phần hay bán phần của nước ngoài. Theo Hiệp hội Da và Giày dép Việt Nam, tổng công suất của kỹ nghệ này sẽ đạt mức 300 triệu đôi giày và 900 000 tấn hàng da hoặc giả da khác vào năm 2000, với chất lượng ngày càng cao. Hiệp hội ước tính

hầu hết sản lượng trên được dành cho xuất khẩu, với kim ngạch có thể đạt mức một tỉ đôla mỗi năm. (AFP 30.9.1996)

Tổng thống Angiêri thăm Việt Nam

Hà Nội đã trải thảm đỏ đón tiếp tổng thống Angiêri Liamine Zéroual trong chuyến đi thăm chính thức Việt Nam những ngày 21-23.10 vừa qua. Đây là lần thứ hai một vị nguyên thủ Angiêri sang thăm Việt Nam, lần trước là tổng thống Boumediene, cách đây 22 năm, khi cả hai nước đóng vai trò tích cực trong " phong trào giải phóng dân tộc " của các nước thế giới thứ ba. Việt Nam và Angiêri tiếp tục giữ những quan hệ hữu nghị rất mật thiết, tuy về mặt kinh tế không có gì đáng kể. Khoảng 300 bác sĩ, y tá, giáo viên Việt Nam tiếp tục có mặt tại Angiêri trong một chương trình hợp tác y tế-giáo dục từ nhiều năm nay, mặc dù một giáo sư đại học và một tuỳ viên thương mại Việt Nam đã bị bọn khủng bố Hồi giáo ám sát trong năm 1994.

Cùng đi với tổng thống Zéroual, ngoài ngoại trưởng Ahmed Attaf, còn có các bộ trưởng bộ thương mại, bộ chuyên trách các xí nghiệp vừa và nhỏ, bộ y tế và bộ đại học và nghiên cứu. Hai hiệp định hợp tác, về thương mại và về thông tin - văn hoá đã được ký kết. Ngoài những buổi hội đàm chính thức với chủ tịch Lê Đức Anh, tổng bí thư Đỗ Mười, thủ tướng Võ Văn Kiệt, tổng thống Zéroual cũng đã tới thăm đại tướng Võ Nguyên Giáp, người anh hùng của trận Điện Biên vẫn được coi như đã soi đường cho chiến tranh giải phóng Angiêri bắt đầu năm 1954. (AFP 21-23.10.1996)

Na Uy - Việt Nam

Nữ thủ tướng Na Uy, bà Gro Harlem Brundtland là thủ tướng đầu tiên của nước bắc Âu này đã tới thăm Việt Nam trong hai ngày 8 và 9.10 vừa qua. Cùng đi với bà Brundtland còn có một đoàn 30 doanh nhân Na Uy. Trong buổi họp báo ngày 8.10, thủ tướng Brundtland cho biết bà đã thảo luận rất " cởi mở " với thủ tướng Võ Văn Kiệt, và hai bên đã thoả thuận sẽ tiếp tục đối thoại về nhiều vấn đề như xây dựng nền dân chủ, việc phát triển hệ thống pháp quyền và các vấn đề quyền con người. Bà cũng đã trao cho các nhà lãnh đạo Việt Nam một lá thư của tổ chức Amnesty International đề cập tới " một số trường hợp cụ thể " đề nghị Hà Nội giải quyết.

Về các quan hệ khác, hai bên đã ký kết 4 hiệp định hợp tác : một về vấn đề giúp đỡ trẻ em không được ưu đãi, một về đầu mỏ và bảo vệ môi trường, một về bản đồ vùng biển, và một về thống kê dân số. Ngoài thủ tướng Võ Văn Kiệt, bà Brundtland cũng đã gặp tổng bí thư Đỗ Mười, chủ tịch Lê Đức Anh, các nhà lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh (ngày 9.10) và các nhà đầu tư Na Uy có mặt tại thành phố, như đại diện các tập đoàn Statoil và Norkshydro. Cho tới nay, Na Uy mới đầu tư vào Việt Nam 23 triệu đôla. (AFP 8, 9.10.1996)

Học sinh bỏ học, giáo viên bỏ nghề

Theo thống kê của bộ giáo dục, năm học 1995-1996, có tới nửa triệu học sinh tiểu học bỏ học, phần lớn là những trẻ em không đi học ở tuổi qui định (6 tuổi). Số liệu điều tra cho biết có 19 % trẻ em bắt đầu đi học khi trên 7 tuổi, và trung bình cứ năm em thì có một em đi học muộn

Bộ giáo dục cũng cho biết, trong năm học 1995-1996, bậc tiểu học thiếu 58 ngàn giáo viên, trung học cơ sở thiếu 45 ngàn và trung học phổ thông thiếu 3 ngàn giáo viên. Riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong mười năm vừa qua, số thầy cô bỏ việc lên đến 22 900 người, trong khi đó, số giáo viên được đào tạo thêm chỉ có 33 000 người. Đó là chưa tính đến số người tốt nghiệp bỏ nhiệm sở, trung bình mỗi năm khoảng từ 1 đến 3 ngàn người. Được biết thu nhập của ngành sư phạm hiện được xếp vào hạng thứ 14 / 18 ngành nghề có thu nhập thấp nhất trong xã hội.

Năm học 1996 - 1997, chỉ có 31 / 196 sinh viên trường đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và 250 / 600 sinh viên trường cao đẳng sư phạm thành phố đã tốt nghiệp đến sở giáo dục nhận nhiệm vụ. Đặc biệt, sinh viên khoa tiếng Anh, nhiều năm liền, không một người nào nhận nhiệm vụ. Trong khi đó, Thành phố Hồ Chí Minh đang thiếu 3 ngàn giáo viên cấp hai và ba. Lương bình quân của giáo viên cấp 3 hiện nay là 300 000 đồng/tháng. Vừa qua, ngành giáo dục thành phố có kiến nghị nâng tiền lương tối thiểu của giáo viên bằng mức thu nhập bình quân của người lao động có tay nghề là 1 triệu đồng/tháng. (Tuổi Trẻ 14.9 và 8.10 ; Lao Động 3 và 17.9.96)

Ma túy : xâm nhập học Đường

Theo báo cáo của bộ nội vụ, trong tháng 9 vừa qua, có đến 1 948 người bị bắt giữ vì sử dụng ma túy, tăng 5,9 lần so với bình quân các tháng trước đây. Trong số này có 170 sinh viên và 50 học sinh Hà Nội.

Một tài liệu của cục phòng chống tệ nạn xã hội cho biết, trong hai năm trở lại đây, heroin qua biên giới phía bắc vào nội địa ngày càng nhiều, và trong 8 vụ buôn heroin với số lượng lớn bị bắt giữ, có tới 6 vụ thuộc địa bàn các tỉnh từ Nghệ An trở ra. Ở các tỉnh như Quảng Ninh, Bắc Thái, Thái Bình, Hà Bắc ... người nghiện tìm mua heroin “ không khó khăn gì ”. Một cuộc xét nghiệm nước tiểu của 103 học sinh ở Lạng Sơn cho thấy có đến 7 % có chất ma túy.

Ở Hà Nội, “ mua heroin không khó như mua bao 555 hồi cấm thuốc lá ngoại ”. Dân nghiện có thể tìm mua ở cổng các trường đại học Luật, Mỏ - Địa chất, Giao thông, Tài chính - Kế toán, Bách khoa hay Tổng hợp. Nếu ngại đến những nơi có màu trí thức ấy thì có thể ra bãi Phúc Xá, sang phố huyện Gia Lâm hay đến xóm Thanh Xuân Bắc, Thanh Nhân hoặc về ngõ Trung Phụng, Khâm Thiên ... Ở những nơi này, heroin được mua bán thường xuyên dưới dạng gói nhỏ hay trong những cọng nhựa, giá từ 20 đến 25 ngàn đồng, hình thức “ khá công khai ” trong một số quầy, sạp hàng. Riêng tại khu Khâm Thiên, Phúc Xá, các cháu bé, phần nhiều đều nghiện ma túy, được “ chủ ” thuê giao hàng và được trả công bằng những gói heroin.

Thống kê của bộ nội vụ còn cho biết Việt Nam hiện có khoảng 185 ngàn người nghiện hút các chất ma túy, trong đó công an đã lập hồ sơ quản lý 90 ngàn đối tượng. Cuối tháng 10 vừa qua, người ta được biết công an Hà Nội lại phá vỡ một đường dây ma túy lớn mà đứng đầu là đại úy cảnh sát hình sự Vũ Xuân Trường và đại úy công an biên phòng Bùi Danh Ca. (Tuổi Trẻ 15 và 19.10 ; Lao Động 28.9.96)

Từ điển bách khoa Việt Nam : ngừng xuất bản

Cuộc hội thảo về Từ điển bách khoa Việt Nam, tổ chức đầu tháng 10 ở Thành phố Hồ Chí Minh, đã nhất trí kiến nghị tạm ngưng việc xuất bản tập 2 để sửa chữa, bổ sung những sai sót, thiếu sót đã có ở tập 1; đồng thời, đề nghị đầu tư trước hết cho việc soạn thảo các từ điển chuyên ngành để tránh lãng phí. Các đại biểu tham dự hội nghị cho rằng ở tập đầu tiên Từ điển bách khoa Việt Nam đã có nhiều sai sót cả về kỹ thuật lẫn kiến thức, vừa thiếu toàn diện, vừa không nhất quán, không tuân thủ các qui tắc cơ bản về thực hiện từ điển.

Được biết công trình soạn thảo bộ Từ điển bách khoa Việt Nam đã tiến hành khoảng 20 năm nay. Cuối năm 1995, tập 1 (từ vần A đến vần Đ) đã được phát hành rộng rãi với số lượng khoảng 10 000 bản. (Tuổi Trẻ 3.10.96)

Taekwondo : một phong trào đang lên

Giải Taekwondo quốc tế thứ 3, do Việt Nam đăng cai tổ chức tháng 9 vừa qua tại Hà Nội, đã tập hợp võ sĩ của bảy nước. Bảng xếp hạng huy chương như sau : Việt Nam (3 vàng, 2 bạc, 1 đồng), Hàn Quốc (3 vàng, 1 đồng), Trung Quốc (2 vàng, 1 bạc), Thái Lan (1 vàng, 2 bạc, 4 đồng), Indonesia (2 bạc), Hồng Kông (1 bạc, 2 đồng), Mỹ (4 đồng).

Tuy đứng đầu bảng song trình độ của các võ sĩ Việt Nam còn có khoảng cách khá xa so với các võ sĩ của Hàn Quốc, quê hương của môn võ thuật này. Mặc dù vậy nhiều nhà quan sát nước ngoài nhận định rằng phong trào Taekwondo ở Việt Nam đang lên, có bề rộng và chiều sâu. Và Việt Nam có thể hy vọng giành huy chương Olympic đầu tiên của mình tại thể vận hội Sydney (Australia) năm 2000, khi môn Taekwondo được đưa vào thi đấu chính thức. (Lao Động 19.9.96)

Hồn vọng phu ...

Nhạc sĩ Lê Thương, tác giả của chùm ca khúc Hồn Vọng Phu (Ngày ra đi ; Ai xuôi vạn lý ; Người chinh phu về), đã từ trần tại Hà Nội ngày 18.9 vừa qua. Ông để lại chỉ vài mươi bài, nhưng có sức lan tỏa cao trong lòng đại chúng, như : Bà Tư bán hàng, Chiếc khăn thương nhớ, Mười thương ... Thập niên 40 là khoảng thời gian sáng tác sung sức nhất của ông với : Đàn bao tuổi rồi (1940), Tiếng thùy dương (1943), Lời Kỹ nữ (1944), Hồn vọng phu (1945-1947), Người chơi độc huyền (1948) ...

Không những thế, mảng âm nhạc cho tuổi thơ của ông gồm những bài mà bao thế hệ vẫn tiếp tục hát : Thăng Cuội, Rước đèn tháng tám, Ông Ninh ông Nang, Hoa thủy tiên, Tuổi thơ ... Nhạc sĩ Lê Thương ra đi trong những ngày lễ Trung Thu, thọ 82 tuổi. (Tuổi Trẻ 21.9.96)

Giải thưởng Hồ Chí Minh

Nhà nước Việt Nam vừa thông báo danh sách tác giả của 77 tác phẩm văn học, nghệ thuật và công trình khoa học được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt 1) là “ hình thức khen thưởng cao nhất ” của nhà nước Việt Nam đối với những tác phẩm, công trình “ công bố hoặc sử dụng ” từ khi nước Việt

Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Danh sách này gồm đa số là những người đã qua đời !

Văn học : Nam Cao, Huy Cận, Xuân Diệu, Tố Hữu, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Ngô Tất Tố, Chế Lan Viên, Hải Triều, Nguyễn Huy Tưởng, Tế Hanh, Tô Hoài – **Mỹ Thuật :** Tô Ngọc Vân, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Phan Chánh, Diệp Minh Châu – **Nhiếp ảnh :** Lâm Hồng Long, Vũ Năng An, Võ An Ninh, Nguyễn Bá Khoản – **Sân khấu :** Học Phi, Trần Hữu Trang, Tống Phước Phổ, Đào Hồng Cẩm, Tào Mạt – **Văn nghệ dân gian :** Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đồng Chi, Cao Huy Đình – **Âm nhạc :** Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước, Văn Cao, Hoàng Việt, Nguyễn Xuân Khoát – **Múa :** Thái Ly – **Điện ảnh :** Nguyễn Hồng Sến – **Kiến Trúc :** Nguyễn Cao Luyện, Hoàng Như Tiếp, Huỳnh Tấn Phát.

Khoa học xã hội : Nguyễn Khánh Toàn, Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Vũ Khiêu, Cao Xuân Huy, Hồ Tôn Trinh, Đinh Gia Khánh – **Khoa học y dược :** Hồ Đắc Di, Nguyễn Văn Hưởng, Đặng Vũ Hỷ, Phạm Ngọc Thạch, Tôn Thất Tùng, Đỗ Xuân Hợp, Đặng Văn Ngũ, Trần Hữu Tước, Nguyễn Xuân Nguyên, Trương Công Quyền, Đỗ Tất Lợi, Hoàng Tích Mịch – **Khoa học tự nhiên :** Trần Đại Nghĩa, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Xiển, Lê Văn Thiêm, Hoàng Tụy, Đào Văn Tiến, Nguyễn Văn Hiệu – **Khoa học nông nghiệp :** Lương Đình Của, Bùi Huy Đáp. (Tuổi Trẻ 21.9.96)

Berlin : Trùm mafia thuốc lá Việt Nam sa lưới

Cơ quan công an thủ đô Berlin đã phá vỡ mạng lưới buôn lậu quan trọng nhất của người Việt Nam ở Đức mà người cầm đầu là Lê Duy Bảo đã bị bắt ngày 21 tháng 9 vừa qua. Giám đốc sở công an Berlin, Hagen Saberschinsky cho biết băng của Lê Duy Bảo, mang tên Ngọc Thiện, kiểm soát hai phần ba trong số 1 200 điểm bán thuốc lá lậu ở thủ đô nước Đức và thu hàng tháng đến 14 000 DM (9 300 đô la) từ mỗi điểm bán đó. Chính quyền Đức ước tính hoạt động buôn lậu thuốc lá của những mafia người Việt gây thất thu hàng năm đến 2 tỉ DM (1,4 tỉ đô la) thuế cho ngân sách nhà nước.

Lê Duy Bảo, 25 tuổi, đã bị bắt cùng với bạn gái là Mai Thu Liễu, 15 tuổi, và 3 người khác trong băng Ngọc Thiện. Qua đợt bắt giữ này, công an Berlin còn cho biết đã làm sáng tỏ ít nhất 9 vụ giết người Việt Nam tại Berlin và bang Brandebourg. Từ năm 1992, có đến 92 người Việt Nam ở Đức đã bị ám sát trong những tranh chấp giữa các băng người Việt giành giật nhau thị trường thuốc lá lậu.

Mặt khác, ngày 17 tháng 9 trước đó, bộ nội vụ Bonn cho biết đã thuê chuyến máy bay riêng đầu tiên nhằm trục xuất thêm 239 người Việt Nam cư trú không giấy tờ ở Đức. Sau một năm buộc Hà Nội ký hiệp định tháng 9.1995 đưa khoảng 40 000 người Việt Nam sinh sống không hợp pháp ở Đức hồi hương, Bonn đến nay chỉ mới trục xuất được 657 người qua đường hàng không thường kỳ. Trong năm thứ hai này, theo bộ trưởng Werner Hoyer, chỉ tiêu của Bonn nhắm tới là tổ chức cho 1 500 người Việt hồi hương, thay vì 4 500 như dự kiến trong bản hiệp định 1995.

Song, một quyết định mới đây của tòa án hành chính liên bang ngày 24.9 không còn cho phép chính phủ Đức trục xuất người Việt Nam mà không xem xét trước hoàn cảnh riêng của từng người. Tòa án hành chính liên bang Đức đã hủy một lệnh trục xuất đối với một cặp vợ chồng người Việt Nam từng bị xử phạt vì tội buôn lậu thuốc lá năm 1991. (AFP 17, 14 và 26.9.96)

TIN NGẮN

• Ngoại trưởng Anh Malcolm Rifkind sẽ tới Việt Nam 3 ngày cuối tháng 10, đầu tháng 11, để thúc đẩy Hà Nội nỗ lực góp phần giải quyết việc nhận về nước hơn 11 000 thuyền nhân Việt Nam còn đọng lại ở các trại tị nạn Hồng Kông, trước ngày 30.6.1977, là ngày Anh chính thức trao trả Hồng Kông cho Trung Quốc.

• Theo báo Tuổi Trẻ ngày 30.9, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định thành lập một uỷ ban kiểm soát mạng lưới Internet ở Việt Nam. Uỷ ban cấp nhà nước này sẽ do bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, với sự tham gia của các bộ Nội vụ, Thông tin - Văn hoá, Giáo dục và Đào tạo, và tổng cục Bưu điện - Viễn thông.

• Thái Lan đã đòi Việt Nam giải thích việc một tàu quân sự Việt Nam nổ súng bắn chết hai ngư phủ Thái và bắt giữ hai tàu đánh cá Thái cùng 14 ngư phủ khác ngày 9.10 vừa qua. Bằng Cốc nhấn mạnh là việc Việt Nam có muốn bắt giữ tàu đánh cá nước ngoài xâm phạm hải phận là một chuyện, nổ súng bắn chết người là chuyện khác không chấp nhận được.

• Ông Serge Degallaix đã được chính phủ Pháp cử làm đại sứ tại Việt Nam thay thế ông Gilles d'Humières mãn nhiệm kỳ. Tân đại sứ Pháp năm nay 49 tuổi, từng công tác ở nhiều nước châu Phi và châu Á (đại sứ tại Bangladesh trong các năm 1989-1992), và từ năm 1992 là phó vụ trưởng vụ quan hệ văn hoá, khoa học kỹ thuật của bộ ngoại giao Pháp.

• Theo bộ Y tế, Việt Nam sẽ mở một *ngân hàng thân xác* đầu tiên vào cuối năm nay, nhằm phục vụ nhu cầu cấy, ghép các bộ phận thân thể như da, tim, gan, thận v.v... Sau anh Nguyễn Đức Minh, người đầu tiên để di chúc tặng xác cho Y học (xem ĐĐ số 55), 140 người khác đã cho biết họ cũng có ý nguyện này.

• Gần 300 tay buôn và 1650 chủ chứa những nơi tiêu thụ ma tuý đã bị bắt từ giữa tháng 9, trong một đợt đẩy mạnh chiến dịch bài trừ ma tuý của chính phủ. Từ đầu năm, cảnh sát đã khám phá gần 1500 vụ buôn bán và tiêu thụ ma tuý, tịch thu 330 kg thuốc phiện và 30 kg heroin. Một tay buôn bị bắt quả tang chuyên chở 1,4 kg heroin ở Lạng Sơn đã bị toà án kết tội tử hình.

• Theo báo Lao Động, do mưa rừng kéo dài, một mỏ vàng trong tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng đã bị sụp vào trung tuần tháng 10, làm cho ít nhất 10 người tìm vàng bị thiệt mạng. Trong những năm qua, nhiều đợt người vào rừng tìm vàng đã làm việc trong những điều kiện an ninh rất bất bênh, hàng chục người đã bỏ mình.

• Sau một cuộc gặp gỡ với ngoại trưởng Mỹ Warren Christopher tại Washington đầu tháng 10, ngoại trưởng

Nguyễn Mạnh Cầm đã tuyên bố Việt Nam hy vọng có thể ký kết một hiệp định thương mại với Hoa Kỳ vào đầu năm tới.

- Trong một chuyến đi thăm Việt Nam, tân bộ trưởng Canada phụ trách về hợp tác quốc tế và Francophonie, ông Boudria đã cùng với ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm chủ trì một lễ ký kết một nghị định thư tài chính theo đó Canada sẽ đóng góp 4 triệu đôla Canada (ngót 3 triệu đôla Mỹ) vào Hội nghị thượng đỉnh Francophonie sẽ được tổ chức tại Hà Nội năm tới.

- Tổng thống Kim Young Sam sẽ là nguyên thủ Hàn Quốc đầu tiên tới thăm Việt Nam vào ba ngày 20-22 tháng 11 này. Chuyến đi được coi như một khách lệ của tận cường quốc kinh tế này đối với những cải tổ kinh tế của Việt Nam. Chỉ riêng năm nay, Hàn Quốc đã đầu tư vào Việt Nam 650 triệu đôla, trong khi khuynh hướng chung của các nước có đầu tư vào Việt Nam là có phần chững lại.

- Theo tờ Vietnam News, những người nước ngoài và Việt kiều làm việc trong các công ty kinh doanh ở Việt Nam (trừ khi họ thuộc vào ban quản trị của các công ty đó) từ nay sẽ phải xin thẻ lao động và thẻ cư trú có giá trị ba năm. Những người đã vào Việt Nam trước khi có quy định mới này phải hợp thức hoá tình trạng của họ trước tháng 3.1997.

- Sau nhiều tháng duyên tình trắc trở với nhà cầm quyền văn hoá Việt Nam, ca sĩ người Anh Sting cuối cùng đã được biểu diễn tài nghệ trước 4000 công chúng ở thành phố HCM ngày 17.10. Người tới nghe phần lớn là người nước ngoài, vì giá vào cửa quá cao (65 đôla).

- Cảnh sát đã phải can thiệp để cứu trọng tài của trận chung kết giải bóng đá Việt Nam giữa đội Đồng Tháp và đội... Công An Thành phố, ngày 7.10, khi các cầu thủ của đội này lao vào hành hung trọng tài sau khi trận đá kết thúc, với tỉ số 3-1 nghiêng về đội Đồng Tháp !

- Những chuyến hồi hương cưỡng bách của thuyền nhân Việt Nam ở Hồng Kông hầu như không làm nản chí một số người vẫn tìm cách lén lút tới đây tìm công ăn việc làm. Từ đầu năm nay, cảnh sát Hồng Kông đã bắt giữ 460 người Việt vượt biển tới bán đảo này, có khi là những người đã chịu trả tiền cho các đầu nậu trộm cướp để được chèo cho lên tàu ra đi, như 42 người vừa bị bắt giữ ngày 1.10.

- Những thống kê mới nhất của bộ kế hoạch và đầu tư cho biết đầu tư nước ngoài ở Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 1996 đã giảm rõ rệt so với năm trước : số vốn đăng ký giảm 27,4 %, số dự án giảm 20,5 %. Điều đáng chú ý là đầu tư của Nhật giảm 37,7 %, của Mỹ giảm 20 %.

- Liên doanh lắp ráp ô tô đầu tiên tại miền Trung vừa hình thành gồm các công ty Nissan (Nhật), Marubeni (Nhật), Tan Chong (Malaysia) và Nhà máy cơ khí ô tô Đà Nẵng với tổng số vốn 110 triệu đô la, trong đó phía Việt Nam góp 25 %. Đặt tại khu công nghiệp Hòa Khánh, liên doanh dự kiến ráp mỗi năm 1 000 xe Nissan, với 30 % phụ tùng sản xuất tại Việt Nam.

- Liên doanh với một công ty tư nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh, hai công ty Nhật Bản Lotte và Nissho Iwai sẽ xây dựng mạng lưới cửa hàng bánh mì thịt hamburger tại Việt

Nam. Lotte hiện nay điều hành nhiều mạng lưới hamburger ở Hàn Quốc, Trung Quốc và Đài Loan.

- Theo tin của đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội, doanh thu thương mại của Mỹ với Việt Nam hiện lên đến 1 tỷ đô la. Có 400 công ty Mỹ đang hoạt động tại Việt Nam và tổng số đầu tư của Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ đô la.

- Hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà đang ngưng đọng ở Thành phố Hồ Chí Minh : trên 1 700 giấy phép do sở nhà đất cấp từ tháng 9 năm 1996, chỉ có 232 trường hợp ký được hợp đồng thuê. Nhiều nhà xây cho người nước ngoài thuê bị bỏ trống hoặc phải cho người trong nước thuê tạm với giá rẻ.

- Tổng giám đốc Vietcombank Nguyễn Văn Dẽ và phó tổng giám đốc Nguyễn Duy Lộ đã bị khởi tố trong vụ án Tamexco vì có hành vi “ thiếu trách nhiệm, gây hiệu quả nghiêm trọng ”. Ông Dẽ và ông Lộ đã ký bảo lãnh cho Tamexco vay 11,1 triệu đôla của Vietcombank và 14 triệu đôla của Firstvinabank.

- Công ty Peregrine của ông Nguyễn Trung Trực, Việt kiều tại Úc, sẽ phải nộp 1,1 tỷ đồng thuế cho nhà nước Việt Nam. Theo nhà cầm quyền; đây là khoản tiền do ông Trực trốn thuế thu nhập trong ba năm vừa qua.

- Theo những tiêu chuẩn của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc UNDP, nền giáo dục Việt Nam hiện nay đạt mức trung bình ở bậc tiểu học và biết chữ (ngang Philippin, Thái Lan), mức thấp ở bậc trung học (thua Philippin, Indonesia, Malaysia). Riêng bậc đại học, Việt Nam đứng ở vị trí “ cuối ”, xa các nước khác (với một tỉ lệ sinh viên khoảng 2 - 3 % trong khi chỉ tiêu của UNDP là 5,7 %).

- Một tài liệu nghiên cứu của Hiệp hội ngôn ngữ hiện đại Hoa Kỳ cho biết số sinh viên đăng ký học các tiếng châu Á tăng như sau trong 5 năm vừa qua tại Mỹ : tiếng Việt tăng 209 %, tiếng Hawai 107 %, tiếng Triều Tiên 46 %, tiếng Hoa 36 %.

- Trong giải bóng đá Đông Nam Á (Tiger Cup) 1996, tổ chức tại Singapore tháng 9 vừa qua, đội Việt Nam đã xếp hạng ba sau Thái Lan và Malaysia ; và trước Indonesia, Myanmar, Singapore, Lào, Brunei, Campuchia và Philippines.

- Công ty viễn thông Canada Northern Telecom, hợp doanh với công ty Úc Telstra International và tổng cục bưu điện và viễn thông, đã hoàn thành công trình đặt 3 000 km đường dây cáp quang theo chiều dọc đất nước. Đường dây này cho phép nhân lên gấp 63 lần dung lượng đường điện thoại có thể mở ra trước mắt, từ nay tới cuối năm, tổng cục đã dự tính mở thêm 20 000 đường.

Bác sĩ Hồ Tá Khanh qua đời

Bác sĩ Hồ Tá Khanh, nguyên bộ trưởng kinh tế trong chính phủ Trần Trọng Kim (1945), đã từ trần tại Paris trong tháng 8 vừa qua, hưởng thọ 88 tuổi. Bác sĩ Hồ Tá Khanh là con cụ Hồ Tá Bang, một trong những sáng lập viên và rường cột của công ty Liên Thành, thương hội đầu tiên của Việt Nam thành lập theo tiếng gọi của Phong trào Duy Tân đầu thế kỷ. Do xung khắc với Việt Minh, ông đã sang Pháp sinh sống từ năm 1948 tới nay.

Chung quanh một vụ cháy nhà một vị bộ trưởng

LTS : Một đám cháy bình thường như mọi đám cháy khác, cũng có xe cứu hỏa, cảnh sát phòng cháy chữa cháy (PCCC) thoãn thoắt ngược xuôi, tiếng la í ới của người bị nạn ... và một chút “ táy máy ” của cảnh sát PCCC trong lúc “ tranh tối tranh sáng ”. Nhưng lần này, bức tranh ấy đã được vén lên. Điều mà bấy lâu nay, mọi người cho chỉ là lời đồn đại thì lần này chuyện đã xảy ra thật 100 %, bởi khi đám cháy bất ngờ đến với nhà của một vị bộ trưởng, các cảnh sát PCCC vô tình “ quên ” không biết chủ nhân của ngôi nhà này (1) ...

Lúc ấy khoảng 8 giờ 30 tối ngày 25.7 1996, cả nhà đang ngồi xem tivi cùng những khách từ Lâm Đồng mới xuống, khi một đám cháy ngùn ngụt bốc lên từ sau nhà thì mọi người cuống cuồng hoảng hốt chạy ra ngoài kêu cứu. Cô con gái của vị bộ trưởng hét hãi, vội vã nhờ được số điện thoại nào thì gọi số điện thoại ấy ... Chiếc xe cứu chữa cháy đầu tiên chạy đến, nhưng ... không có nước! Một lúc sau, hai chiếc khác tiếp tục đến tiếp cứu. Sự loay hoay của cảnh sát PCCC như thế nào chưa rõ nhưng trong khi người bị nạn hoảng loạn, thất thần kêu gào thì các vòi nước vẫn nín tịt, đội hình chữa cháy chưa triển khai xong, trong lúc ấy thì một số cảnh sát PCCC đã lọt được vào bên trong nhà vị bộ trưởng (nằm ở đường Dương Tử Giang, quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh), và sự “ táy máy ” của cảnh sát PCCC bắt đầu diễn ra ...

Chiếc tủ sắt rất tốt, chắc chắn, được khóa bằng hai lần cửa. Cả ngăn kéo bên trong cửa tủ cũng có khóa. Với chiếc tủ sắt này, nếu không có đúng chìa khóa thì phải dùng rựa phá thật mạnh, hoặc dùng xà beng nạy thật lực mới hy vọng mở tung được cửa tủ này. Ấy vậy mà, chỉ trong thời gian rất ngắn, cửa tủ đã bị các cảnh sát PCCC phá tung ra một cách rất ... phi thường !

Khi đám cháy được dập tắt, thân chủ trở vào lại trong nhà, nhìn thấy hiện trường, mới té ngửa : Mười mấy cây vàng của người cháu làm ở hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã biến mất ! (2) ... Một số vật dụng quý giá khác như các bộ tách kiểu, vật quý do bộ trưởng mua ở nước ngoài về trong các chuyến đi công tác, cũng ... không còn. Ngoài ra, tại phòng riêng của bà bộ trưởng, ba chỉ vàng trong bóp của bà bị lấy mất trong khi các giấy tờ trong bóp vẫn còn. Cô con gái cũng không tránh thoát khỏi cuộc càn quét này : Con heo đất của cô bé bị đập tan tành cùng với số tiền trong đó không cánh mà bay ...

Khi đám cháy bốc lên, ngôi nhà bên cạnh có nguy cơ lây lan, chủ nhà hoảng hốt kêu cứu các cảnh sát PCCC thì cuộc ngã giá cho việc chữa cháy được đặt ra. Chiếc xe thứ hai có nước chạy đến khi đám cháy ở nhà của vị bộ trưởng đã gần tắt và cảnh sát PCCC chỉ làm nhiệm vụ cho ngôi nhà bên cạnh khi “ tiền trao cháo đã mủ ” xong xuôi.

Mọi sự mất mát đều có những nỗi đau riêng. Điều mà bà bộ trưởng (cũng như đông đảo người dân) trước đây cho chỉ là những lời đồn đại, thậm chí còn bênh vực cả cho những người lính PCCC không quản ngại hiểm nguy, vất vả, đêm tối sẵn sàng lao vào cứu chữa, dập tắt kịp thời những đám cháy ở các khu dân cư, bây giờ khi nạn nhân giáp mặt với sự thật thì nỗi đau ấy không còn là nỗi niềm riêng mà là vấn đề chung cho tất cả mọi người. Sự thật cần phải được làm sáng tỏ ...

Ngay khi phát hiện ra các tài sản bị mất mát một cách vô lý như thế, người nhà đã phản ánh ngay với cảnh sát PCCC có mặt lúc đó. Hiện trường được giữ nguyên và công an tiến hành lập biên bản. Cái xui của những “ con sâu ” trong cuộc càn này là bà Hỏa đã không phù hộ họ. Sau khi đã lấy mất đi nhiều tài sản, với kinh nghiệm có sẵn trong nghề, họ đã đốt một số vật dụng như quần áo, giường để tạo hiện trường giả. Tuy nhiên khi đám cháy đã được dập tắt, hiện trường thật vẫn chưa được bà Hỏa ghé mắt tới, thế là phi vụ của những “ con sâu ” bị bắt quả tang. Qua ngày hôm sau, cánh cửa tủ bị chặt phá tung ra đã được chuyển lên cơ quan cảnh sát điều tra.

Chung quanh kinh nghiệm hôi của đó còn phải kể : Căn nhà của vị bộ trưởng thuộc diện thuê của nhà nước, nằm trên địa bàn khu vực Chợ Lớn. Chính vì làm tướng nhà của bộ trưởng là nhà dân thường nên cảnh sát PCCC đã không quên giật rút tấm tranh treo tường để tìm vàng vì họ nghĩ rằng ở khu này người dân thường hay cất vàng sau những tấm tranh như kinh nghiệm đã cho họ biết, nhưng lần này họ đã bị “ viêt vị ”. Thực hiện xong vụ cướp của trắng trợn một cách chớp nhoáng, những “ con sâu ” này phóng lên xe ra về ngay, và cũng không quên quơ luôn chai rượu quý trong nhà ...

Đi đêm có ngày gặp ma. Vụ việc bị phát giác và đội cảnh sát hình sự công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt tay ngay vào cuộc điều tra vụ cướp trắng trợn này. Khi các cảnh sát hình sự xuống đơn vị PCCC để điều tra thì chứng kiến một cảnh tượng cười ra nước mắt : Tốp cảnh sát PCCC tề hạm đó vừa chia nhau xong số tiền của cướp được và liên hoan ăn mừng chiến thắng ngay với chính ... chai rượu quý lấy được từ trong nhà của vị bộ trưởng ! ...

Trần Hùng - Hữu Phú (Thanh Niên 12.9 1996)

Chú thích của Diễn Đàn :

(1) Đó là bộ trưởng Nguyễn Kỳ Cẩm, trưởng ban chỉ đạo chống tham nhũng và buôn lậu trung ương.

(2) Đúng ra là 46,5 lượng vàng, theo lời khai của gia đình ông Nguyễn Kỳ Cẩm.

Khi nạn nhân là bộ trưởng...

Vụ cháy xảy ra ngày 25.7, báo Tuổi Trẻ ngày 12.9 (cùng ngày với bài báo Thanh Niên trên đây) đưa tin công an thành phố đã quyết định loại ngũ 5 viên cảnh sát phòng chữa cháy tham gia vụ trộm, ngày 1.8, và có bài bình luận ngày 17.9 không nhắc tới tên ông Nguyễn Kỳ Cẩm. Quả là tin có phần tế nhị !

Tiến bộ, huyền thoại & thực tế

(tiếp theo trang 1)

Lại cũng là một truyền thống. Truyền thống ước mơ một xã hội lý tưởng, như lý trí thuần túy quan niệm. Cái ước mơ nảy sinh với thời Phục hưng, lớn mạnh với phong trào triết gia Thế kỷ ánh sáng (Les Lumières). Vững chắc thêm với bước phát triển của khoa học thế kỷ thứ XIX. Cô đọng trong câu “*Khoa học, từ đấy mà dự kiến, dự kiến từ đấy mà hành động*” của Auguste Comte (1798–1857), nhà sáng lập thuyết thực chứng (positivisme). Vững chắc trong niềm tin: lý trí và khoa học sẽ phát hiện ra, soi sáng được mọi quy luật hoạt động và tiến hoá của thiên nhiên, của xã hội. Đó là sự đảm bảo hiển nhiên và chắc chắn cho tiến bộ mọi mặt, vật chất, tinh thần và xã hội.

Sang thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội cũng như chủ nghĩa tư bản, mỗi bên một vẻ, nhưng cả hai đều kế thừa truyền thống ấy, niềm tin ấy. Tiềm tàng trong đó niềm tin vào hướng tiến bộ *tất định* của Lịch sử.

Diễn giải quan niệm lịch sử của Mác kiểu thắng đượt như Stalin thì xuôi theo dòng là tất thắng. Ngoan cố ngược dòng tất sẽ bị cuốn vào漩 rác của Lịch sử. Niềm tin này đã nung nấu trong ta, góp phần tạo nên tinh thần sắt đá nhất định thắng suốt thời gian ta đứng trong phe xã hội chủ nghĩa đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, thống nhất cho đất nước.

Tư bản chủ nghĩa cũng tin tưởng chẳng kém vào lý trí và khoa học. Cứ xem như rằng tăng trưởng kinh tế đương nhiên là có kèm theo tiến bộ mọi mặt, về tinh thần, về xã hội.

Đến đặt lại vấn đề...

Nhưng rồi những sự kiện dồn dập làm cho Lịch sử bỗng trở chứng, mất đi bộ mặt tiến triển của nó.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ. Với huyền thoại của nó. Không còn gì che đậy cho những yếu kém về tổ chức kinh tế, xã hội. Và nghiêm trọng hơn, phơi bày những hành tung vi phạm trắng trợn nhân quyền, dày xéo tàn bạo nhân cách con người.

Tư bản chủ nghĩa khi ấy tưởng đâu là đã dứt khoát thắng trên toàn thế địa cầu. Hồ hởi tin chắc sẽ chứng minh hiệu năng của nó ở Đông Âu. Triết gia Hoa Kỳ Francis Fukuyama không ngần ngại mà cho rằng sự toàn thắng của chủ nghĩa tự do kinh tế báo hiệu “*sự chấm dứt của Lịch sử*”.

Hồ hởi để rồi thất vọng. Từ Đông qua Tây.

Chẳng những đa số dân chúng Đông Âu không tìm thấy trong tư bản chủ nghĩa con đường đưa đến hạnh phúc họ mong chờ. Mà dân chúng các nước Tây Âu đã ngao ngán lại càng thêm ngao ngán những trở bấp bọm của chủ nghĩa tư bản. Khủng hoảng, chính vì thích nghi với điều kiện khủng hoảng mà, theo số liệu của Tổng liên đoàn quốc gia nghiệp chủ Pháp (CNPF), từ những năm 80 trở lại đây tỷ số tổng lợi nhuận các doanh nghiệp Pháp tăng từ 25 lên hơn 30% giá trị gia tăng. Tổng sản lượng quốc nội (GDP) cũng không ngừng tiến triển, trong 20 năm với những đợt khủng hoảng liên tiếp, GDP của Pháp tăng 70%. Trong khi ấy thất nghiệp cũng tăng gấp bốn lần, dai dẳng chưa lối thoát. Xã hội rạn nứt.

Chuyện chẳng riêng gì ở Pháp. Hiện có 20 triệu người thất nghiệp, 50 triệu người nghèo ở Tây Âu. Đã xuất hiện những người phải chịu nạn đói ngay giữa những xã hội giàu

có nhất thế giới như ở Anh. Hoa Kỳ cũng chẳng hơn gì.

Và không ngừng xuất hiện những tai hoạ mới do tiến bộ công nghiệp sinh ra. Một chuyện thời sự: nuôi bò sữa bằng bột xương trâu, xương bò, lợi ai hưởng không hay, chỉ biết đó là nguyên nhân cho bệnh “*bò điên*” (vache folle) tràn lan. Rồi dường như đã từ bò lây qua người. Bệnh chẳng những nan y không thuốc chữa chạy, mà ngăn chặn cách nào cũng chưa rõ. Điều chắc là sẽ nhiều tổn kém, công sức và tiền của. Đương nhiên sẽ về phần xã hội gánh chịu.

Ấy chỉ là thêm một ví dụ tác hại mới do lợi ích công nghiệp thiển cận mà ra. Còn ngổn ngang những vấn đề chưa giải: nguồn nước ô nhiễm, lượng nước dự trữ kiệt quệ, đất đai hoang hoá, khí quyển tổn hại, tất cả loài người trên trái đất hôm nay và ngày mai phải gánh hệ quả. Về phí tổn, về môi trường sống, về sức khoẻ...

Niềm tin cũ lung lay từ cơ bản. Khoa học-kỹ thuật-công nghiệp, bộ ba ấy không còn cái hào quang vạn năng chẳng khác thượng đế nữa.

Trong khi đó các nhà tư tưởng hậu hiện đại đang còn bất lực, không quan niệm ra nổi một tương lai cho loài người. Những xu hướng tuyệt đối hoài nghi dấy lên. Phủ nhận ý niệm tiến bộ, cho đó chỉ là huyền thoại trong một thế giới đầy tiếng vang và phần nộ. Hoặc tìm cách làm sống lại huyền thoại “*con người muôn thuở*” với mãi mãi cái thân phận khiếm khuyết về đạo đức, về tinh thần, không có lấy chút khả năng cải tiến.

Và như vậy là phủ nhận khả năng thực hiện ước mơ tiến bộ, ước mơ một tương lai tươi sáng hơn. Phủ nhận niềm khát khao hy vọng của các dân tộc chậm tiến. Hy vọng đó mất đi, thì thay vào chỗ trống trái ấy sẽ là những xu hướng quay về với những giáo điều cổ truyền cực đoan. Điều ta thấy trong nhiều nước văn minh Hồi giáo.

Bấp bênh là hiện tại cùng tương lai

Tuy nhiên, những tiến bộ của tri thức trong khoa học, trong kỹ thuật là sự kiện hiển nhiên không thể chối cãi. Và đó là những bước lũy tích, bước sau tiếp sau bước trước mỗi bước mỗi xa, rộng hơn.

Cái ảo tưởng lớn là cho rằng trí tuệ, đạo lý, quan hệ giữa người và người đương nhiên sẽ tiến bộ song hành cùng với tri thức khoa học. Ảo tưởng đó biến ý niệm tiến bộ thành ý thức hệ tiến bộ.

Cũng hiển nhiên là con người thế kỷ hai mươi ăn ở với nhau không trí tuệ hơn, không đạo lý hơn con người Đông Chu chiến quốc. Anh hùng, đạo đức chẳng kém, nhưng tàn bạo dã man cũng chẳng nhường. Có khác chẳng là bạo Tàn tàn sát được vài vạn con người đã là gớm ghê lắm rồi, còn ngày nay với phương tiện, tổ chức công nghiệp lạnh lùng máy móc, những cuộc tiêu diệt hàng triệu nhân mạng còn rành rành trong trí não chúng ta.

Những sự kiện xảy ra cũng cho ta ý thức rằng mỗi bước tiến là mỗi có kèm theo mặt trái, tối tăm thoái bộ của nó. Kỹ thuật áp dụng vào công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp giải thoát sức lao động con người thật, nhưng nó cũng tạo nên ô nhiễm huỷ hoại thiên nhiên, huỷ hoại môi sinh. Thoát ra được khỏi những giáo điều truyền thống, tư tưởng con người tự do hơn, nhưng cũng là mất đi những mốc chỉ đường quen thuộc trong cuộc sống, dễ rơi vào hoang mang mất hướng. Nhệ bớt những ràng buộc cổ truyền của gia đình, của xã hội, làng xã,

con người cá nhân được giải phóng, tự chủ lấy mình hơn, nhưng cũng đứng trước nguy cơ biến thành một nguyên tử bỏ vợ giữa nhân loại vô tình.

Chúng ta đi giữa sương mù, trong một cuộc phiêu lưu chưa định.

Tiến bộ với những bước cụ thể

Không còn cơ sở cho ý thức hệ tiến bộ. Cho một quan niệm siêu hình cho một tiến bộ siêu nghiệm (transcendant). Chúng ta cũng không thể chấp nhận thái độ phi lý như nhà Nho xưa, quay về quá khứ đi tìm tương lai. Quả là sự kiện lịch sử mấy năm gần đây buộc chúng ta phải xét lại quan niệm lịch sử.

Điều học được trong những năm ấy là không trông mong gì được vào lời tiên tri của Lịch sử. Vì vậy mà chẳng phải ngẫu nhiên mà có những trí thức trở về với diễn giải của Merleau-Ponty khẳng định đặc điểm quan niệm lịch sử của Marx là “ *chấp nhận rằng vừa có một lô gích của Lịch sử và cũng có một tùy tiện của Lịch sử, rằng không có cái gì là tuyệt đối ngẫu nhiên, nhưng cũng không có cái gì là tuyệt đối nhất thiết.* ”. Cách nhìn đó lại không xa lạ gì với quan điểm của truyền thống Á Đông chúng ta. Lão giáo, và nhất là nhà Phật nhìn lịch sử như là một tiến trình ; chưa ngã ngũ quay về đầu, nhưng hướng của dòng tiến trình ấy không phải là không có những nguyên nhân, những điều kiện cụ thể. Trong đó có hành động của mỗi con người chúng ta.

Nhìn như thế thì cá nhân chúng ta biết là phù du như bướm bướm nhưng võ cánh cũng là quạt cho hướng tiến trình lịch sử. Lịch sử không nói gì, nhưng chính những con bướm phù du ấy làm nên lịch sử. Có thể là tệt hại, nhưng cũng có thể là xuất sắc. Ấy cũng là có phần trách nhiệm của mỗi người chúng ta.

Tiến bộ siêu nghiệm chỉ là một huyền thoại. Nhưng chẳng vì thế mà chúng ta không thể quan niệm những tiến bộ cụ thể. Cùng là một từ tiến bộ, nhưng ý nghĩa có khác nhau. Siêu nghiệm nhìn về tuyệt đối, cụ thể là tương đối. Như có ăn là một tiến bộ so với đói kém. Như được tự do là tiến bộ so với nô lệ, với trời buộc. Trẻ con được học hành thay vì chịu đốt nạt, luật pháp công minh thay cho luật của rừng rú, bất công được sửa đổi không để mỗi ngày mỗi nặng nề hơn, dân chủ thay cho độc tài, vân vân... Mặc tình mà bổ sung cho bản danh sách này.

Dù là tương đối, có được bước tiến bộ cũng phải hàm ba yếu tố : trước hết ta phải chọn lựa những chân trời mục tiêu mà ta cho là tốt hơn, hay hơn một số chân trời khác. Thứ đến là quyết định những con đường đưa đến chân trời đã chọn lựa. Được gọi là có tiến bộ khi có thực sự bước tới trên đường đến mục tiêu. Như vậy có nghĩa là phải có yếu tố thứ ba : tiêu chuẩn và phương tiện ước lượng, kiểm tra những bước tiến đến gần mục tiêu này hay mục tiêu khác. Không thấy dấu là chân trời cuối cùng, không một đường thênh thang thẳng tắp, không giải thoát, chẳng chiến thắng tối hậu.

Nhưng chẳng vì thế mà phải từ bỏ đề án thực hiện một chút công bằng, một chút hoà ái giữa người và người trên một mảnh đất hạn hẹp, trong một khoảng thời gian giới hạn. Đúng là hoạt động cho một cái gì bấp bênh chưa định thật, nhưng Pascal đã chẳng có một câu lý thú : “ *Khi mà ta hoạt động cho ngày mai và cho cái còn chưa định, khi ấy ta hành động có suy nghĩ* ” đó sao ?

Với điều kiện ...

Những lựa chọn, những quyết định ấy bấp bênh như đánh cuộc với tương lai thật, nhưng chúng có cơ sở suy luận theo lý trí và tình cảm. Nghĩ cho cùng đó là hành động chính trị, đúng với một trong những ý nghĩa cao đẹp của từ chính trị.

Hành động chính trị, phát minh khoa học, sáng chế kỹ thuật, sáng tạo nghệ thuật, yêu, những cái ấy có chung một đặc điểm : chúng tạo ra một tình thế thật sự mới, mở ra những khả năng không ngờ.

Và nếu yêu là ngày lại ngày nuôi dưỡng mối tình thì hành động chính trị cũng phải không ngừng bồi đắp vào hướng chọn lựa. Yêu nhất định không thể uỷ người khác yêu thay thì cũng không thể từ nhiệm hành động chính trị mặc tình cho những kẻ khác, chuyên gia, chánh trị gia suy nghĩ, chọn lựa, quyết định, mà mình không có quyền tham dự ý kiến.

Tuy nhiên chỗ khác xa giữa tình yêu và chính trị là cái không gian của chúng. Thế giới của tình yêu có thể khoan gọn trong vòng tay ôm tay, mắt đắm mắt. Và nó là một không gian riêng tư, chỉ của hai ta. Không một ai nào khác.

Không gian cho hoạt động chính trị, trái lại, là một không gian công cộng. Để thảo luận những vấn đề chung đặt ra cho xã hội. Những người tham gia gác qua việc riêng tư để bàn tính việc chung. Đó là những công dân.

Họ khác nhau ở vị trí trong xã hội, ở thế đứng, cách đặt, cách nhìn vấn đề. Quyền lợi cũng khác nhau. Vì thế mà tranh cãi, bàn bạc, thương thảo tìm cách nhìn vấn đề toàn diện hơn, tổng hợp hơn, đi đến giải pháp thoả đáng nhất cho tất cả mọi người. Có không gian công cộng mới có tập thể cùng chia sẻ hoà bão chung, ước mơ chung, dự án chung.

Chuyện oái oăm là xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân vẫn giành cho mình được một không gian công cộng. Để mà dựng lên nổi phong trào, như các phong trào duy tân, chống thuế, v.v... Để mà phổ biến, tranh luận về tư tưởng. Tuyên ngôn cộng sản được in công khai làm tám kỳ trên mặt báo **Tiếng chuông rền** (La cloche fêlée) năm 1926.

Phải chăng vì thế mà khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ người dân ta hiên ngang tự thể công dân giành lại độc lập. Phải chăng cũng vì thế khi ấy dân tộc ta có được dự án rạng rỡ cho tương lai, có được một thế hệ chính trị gia đau cái đau người dân, khổ cái khổ người dân. Cùng nhịp tim, yêu sách, đòi hỏi với người dân. Nhảy bèn và sáng suốt chọn lựa những giải pháp phù hợp với nguyện vọng quyền lợi của dân tộc.

Ngày nay xã hội Việt Nam đang chuyển biến. Đi về đâu, đương nhiên là chuyện can hệ đến mọi công dân. Và như đã nói ở đoạn trên bước tiến nào cũng có mặt thoái bộ tối tăm của nó. Những tác động phản diện này, chuyên gia chú đầu vào hồ sơ, người của bộ máy ngồi sau bàn giấy thường không nghĩ ra nổi. Nhảy cảm nhất vẫn những người chịu cái đau thiệt hại bản thân, nghĩa là người công dân. Qua họ mà xã hội phản ứng, tiếp nhận cái hay, từ bỏ điều hại.

Nhưng kích thước công dân bị vạt đi mất (xem **ĐĐ** số 56, tr.29-31), không gian công cộng eo hẹp. Ngay đến ý kiến của thủ tướng đương nhiệm về quản lý kinh tế, quản lý đời sống, người dân còn phải lén lút truyền tay đọc, chẳng hề thấy thảo luận công khai. Nói chi đến ý kiến của công dân.

So với thời Cách mạng tháng Tám dự án tương lai dân tộc mù mờ, tầm vóc chính trị gia loắt chất. Phải chăng cũng vì không gian công cộng quá hẹp ?

bùi mộng hùng (10.96)

mừng giận

Chọn lựa giữa học phát triển nhân cách và học thi đoạt giải

Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo Trần Hồng Quân vừa có chỉ thị không được mở trường chuyên hay lớp chuyên ở bậc tiểu học từ năm học 1996-1997.

Có thể bạn cho đó là việc con con chẳng có gì đáng lưu tâm. Tôi thì rất ngạc nhiên. Vì biết rằng phụ huynh học sinh nước ta chạy vạy chẳng ngại tốn kém cho con em mình được học trường chuyên, lớp chọn. Nghĩa là các trường các lớp luyện học sinh đi thi học sinh giỏi, giỏi văn, giỏi toán v.v... Các trường các lớp ấy thường yêu cầu đóng góp cao, riêng cái khoản sổ vàng đã có thể lên đến năm bảy triệu đồng một em học sinh.

Mà chẳng riêng gì cha mẹ học sinh, các nhà lãnh đạo cũng náo nức sao cho xã nhà, huyện nhà, tỉnh nhà có nhiều học sinh đoạt giải.

Tại sao lại có chỉ thị nói trên ? Các ông vụ trưởng Vụ tiểu học Nguyễn Kế Hào (NKH), vụ trưởng vụ trung học Vũ Quốc Anh (VQA) đã giải đáp cho tôi một số thắc mắc (Tuổi Trẻ, 31.8.96).

Tại sao không cho mở trường chuyên, lớp chuyên ở bậc tiểu học và trung học cơ sở ?

Ông NKH : “ Chúng tôi cho rằng học sinh lứa tuổi tiểu học chưa thể đi vào chuyên sâu, bởi vì đây là giai đoạn tạo cho các em một tiềm năng, một cơ sở phát triển lâu dài, toàn diện. Không thể chỉ tập trung vào môn toán hoặc tiếng Việt được, như thế là dạy và học lệch. Hiện bộ đã có quy định dần dần dạy cho các em học đủ các môn. Thậm chí không chỉ học đủ các môn mà còn tham gia nhiều hoạt động khác như vui chơi giải trí, tham quan du lịch, tìm hiểu thiên nhiên cộng đồng... Về phía ngành giáo dục, trước đây có nhiều điều không đúng trong chỉ đạo, định hướng dẫn tới tình trạng học lệch, chưa kể nhiều bậc cha mẹ cũng đã có cái nhìn không căn cơ về sự phát triển hài hoà của con em mình. Điều đó rất có hại cho các cháu. ”

Ông VQA : “ Việc không được mở trường chuyên, lớp chuyên ở bậc trung học cơ sở còn phải chờ Quốc hội thông qua. Chúng tôi cho rằng ở bậc học này, không nên hướng học sinh tập trung vào một số môn học. Điều đó sẽ hoàn toàn bất lợi cho sự phát triển và hình thành nhân cách của học sinh. Nếu ngay từ lớp sáu đã hướng học sinh chuyên về một môn nào đó như chuyên toán chẳng hạn, thì năng lực cảm thụ văn chương nghệ thuật, hiểu biết xã hội và những điều cần thiết đối với công dân tương lai không được chú ý. Bộ giáo dục và đào tạo chỉ chủ trương mở trường chuyên ở bậc phổ thông trung học (Tức cấp III). ”

Tại sao các trường chuyên phát triển ồ ạt ở tất cả các bậc học trong thời gian qua ?

Ông NKH : “ Lâu nay chúng ta chỉ tổ chức thi học sinh

giỏi toán, giỏi tiếng Việt, dẫn tới việc nhiều địa phương “ có nhu cầu phải có học sinh đoạt giải ” nên đã mở trường lớp chuyên luyện thi cho học sinh. Tức là vì lợi ích của người lớn mà làm hại trẻ em. ”

Sẽ dạy trung học trong tinh thần nào ?

Ông VQA : “ Vấn đề là không được dạy lệch. Nhà trường phải đảm bảo việc giảng dạy tất cả các bộ môn, học sinh phải biết nhạc, hoạ, biết thể thao và những kiến thức về xã hội khác. Và điều quan trọng trong khi bồi dưỡng năng khiếu toán học chẳng hạn, là phát huy óc sáng tạo, phát triển năng khiếu của học sinh, thay vì biến các em thành những người thợ giỏi toán, suốt ngày vật lộn với những bài toán hóc búa. ”

Ông NKH : “ bộ giáo dục đào tạo đang chủ trương phát triển các trường trọng điểm chất lượng cao. Khác với các trường chuyên, các trường này không dạy chuyên sâu vào một lĩnh vực, một môn học nào đó. Hệ thống các trường phổ thông trọng điểm chất lượng cao sẽ được đầu tư để góp phần nâng cấp toàn bộ bậc học. ”

Thế là giữa cái học hài hoà và cái học khéo làm trò được tiếng hội chợ vỗ tay khen hay ta đã lựa chọn. Một sự kiện nhỏ nhỏ nhưng nó đánh dấu một chuyển hướng lớn trong mục tiêu, trong tinh thần giáo dục đào tạo. Mong tinh thần chuyển hướng này được thể hiện cụ thể trong bộ luật giáo dục quốc hội sẽ xem xét thông qua vào năm 1997.

Nửa bầu trời còn bằng hai ngón tay tréo

Một tin đáng mừng khác. Ngày 11 tháng 7 vừa qua, trưởng ban tổ chức cán bộ chính phủ, bộ trưởng Phan Ngọc Tường đã ký quyết định ban hành “ tiêu chuẩn vụ trưởng, phó vụ trưởng và các chức vụ tương đương ở các bộ, các cơ quan ngang bộ, các cơ quan thuộc chính phủ ”. Trong đó có điều kiện về tuổi : đối với vụ trưởng không quá 50 tuổi (với nam) và 45 tuổi (với nữ)... (ĐD số 56, tr.5).

Theo lời ông vụ trưởng vụ Công chức Lưu Văn Mao lý do đưa ra tiêu chuẩn độ tuổi là “ ... để thúc đẩy việc trẻ hoá đội ngũ công chức lãnh đạo cấp vụ – nguồn chủ yếu để lựa chọn bổ nhiệm thứ trưởng, bộ trưởng... ”. Việc đáng hoan hô.

Nhưng sao cùng một chức vụ lại có qui định khác nhau về độ tuổi giữa nam và nữ ? Ông Mao giải thích :

– Đó là vì căn cứ vào bộ Luật lao động hiện hành, phụ nữ được nghỉ hưu trước nam giới 5 tuổi. Mặt khác còn nhằm mục đích lưu ý các bộ, ngành quan tâm hơn nữa đến việc trẻ hoá cán bộ nữ để nâng dần tỉ lệ công chức lãnh đạo là nữ trong bộ máy nhà nước (Tuổi Trẻ 5.9.96).

À ra là thế ! Ưu ái phái nữ cho nên có đặc biệt đối xử, đặt yêu cầu nữ phải vượt hơn hẳn đồng nghiệp nam cùng tuổi !

Chắc cũng vì được ưu ái kiểu này nên 50% dân số là nữ nhưng số phụ nữ có học hàm, học vị càng lên cao càng giảm, số chuyên gia nữ đầu ngành chỉ chiếm khoảng 3% (theo số liệu của thứ trưởng bộ Giáo dục và đào tạo Trần Xuân Nhĩ trong buổi hội thảo “ Hỗ trợ phụ nữ trong giáo dục và nghiên cứu khoa học ” tổ chức ở Đồ Sơn tuần 6 -12.8.96).

Nay ta mới rõ vì sao mà một nửa bầu trời teo lại chỉ bằng hai ngón tay tréo.

N.T.

Yêu cầu của Bà HÀ SĨ PHU và Ông HOÀNG MINH CHÍNH

**Khi nhà nước đi xe máy
cướp giật một công dân đi xe đạp**

Như chúng tôi đã đưa tin trên số 55 (tháng 9.1996), Toà án Nhân dân Hà Nội đã tuyên án 2 năm và 1 năm tù đối với các ông **Lê Hồng Hà** (tên khai sinh là Lê Văn Qui), **Nguyễn Xuân Tụ** (được biết dưới bút danh **Hà Sĩ Phu**), và 15 tháng tù treo đối với ông **Nguyễn Kiến Giang** (tên khai sinh là Nguyễn Thanh Viên). Chúng tôi đã gọi đó là một phiên toà *dấm dúi*, căn cứ vào thời điểm và bối cảnh phiên toà : ngày 22.8.96, cả nước đang khẩn trương chống bão và phòng lũ lụt (chính Văn phòng chính phủ đã ra chỉ thị hoãn mọi cuộc họp hành), thì toà án đã mở phiên xử “ công khai ”, nhưng báo chí không được vào theo dõi, còn thân nhân của 3 bị cáo thì tổng cộng có 9 người được giấy phép vào dự.

Những thông tin nhận được trong mấy tuần qua càng cho thấy tính chất phi pháp của phiên toà, phi pháp không chỉ so với công pháp quốc tế, mà ngay cả pháp luật hiện hành ở Việt Nam.

Tiêu biểu nhất là lá thư đề ngày 30.9.1996 của bà **Đặng Thị Thanh Biên**, vợ ông Nguyễn Xuân Tụ (xem toàn văn trang sau) và cuộc phỏng vấn mà ông Hoàng Minh Chính đã dành cho báo *Thiên Chí* (số 44, ra ngày 5.9.96).

Phiên toà diễn ra trong vòng một ngày 22.8, gói gọn tất cả các thủ tục hành chính, đọc cáo trạng, thẩm vấn, tranh luận, nghị giữa chúng, định án, nói lời cuối cùng rồi tuyên án.

Hai bị cáo **Lê Hồng Hà** và **Hà Sĩ Phu** bị bắt đầu tháng 12.1995 dưới tội danh “ có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật của nhà nước ”. Tội phiên xử, tội danh biến thành “ cố ý tiết lộ bí mật nhà nước ”.

Cụ thể, ông **Lê Hồng Hà** bị truy cáo là đã “ tán phát ” lá thư của ông **Võ Văn Kiệt** cho ông **Nguyễn Kiến Giang** và một nhân chứng là ông **Minh Ngọc**. Trước toà, ông **Lê Hồng Hà** bác bỏ lời buộc tội. Ông nói, khi công an tới khám nhà ngày 6.12.95, không hề có lá thư đó ở nhà ông và cũng không hề có tư liệu nào thuộc loại bị cấm cả. Ông chỉ được thấy lá thư của ông **Võ Văn Kiệt** trong một cuộc hội nghị, do mượn của người ngồi bên cạnh, và cũng chỉ đọc lướt qua vì thấy cũng không có vấn đề gì mới.

Ông **Lê Hồng Hà** yêu cầu ông chánh án xác định thế nào là “ bí mật của nhà nước ”. Lá thư của ông **Kiệt** chỉ mang trợ trợ ba chữ **Võ Văn Kiệt**, không có chức danh, không có dấu đỏ của một cơ quan nhà nước, không hề có một dấu hiệu hay

số công văn của nhà nước. Vả lại, đã có hàng nghìn người ở Hà Nội, ở thành phố **Hồ Chí Minh** đã chuyền tay nhau lá thư đó. Chính bà bồi thẩm **Đặng Thị Nga** và ông chánh án **Nguyễn Sơn** cũng thừa nhận điều đó, song ông chánh án tuyên bố chỉ truy tố những ai có lá thư và “ cố ý làm lộ bí mật nhà nước ”.

Vật chứng trung tâm và duy nhất của vụ án như vậy là lá thư của ông **Võ Văn Kiệt**. Mía mai thay, vật chứng ấy không có trong hồ sơ của toà, vì cơ quan an ninh đã rút nó ra khỏi hồ sơ ! Hai luật sư **Đàm Văn Hiếu** và **Nguyễn Hữu Nhuận** do đó đều nhấn mạnh : vật chứng là cơ sở quan trọng nhất để quy tội danh, ở đây chẳng ai biết nội dung của vật chứng là gì, nên không đủ căn cứ pháp lý để cấu thành tội phạm, luật sư thì chưa hề tiếp cận vật chứng, nên không thể nào bào chữa. Luật sư thứ ba, ông **Trần Lâm**, tuyên bố : đây thực chất là một vụ chính trị, mà đứng về mặt chính trị, thì không mang ra xử có lợi hơn là mang ra xử.

Đến phiên ông **Hà Sĩ Phu** phát biểu về bản cáo trạng (xem toàn văn bức thư của vợ ông, trang sau), cử toạ mới được biết ông bị bắt trong hoàn cảnh nào : ông **Hà Sĩ Phu** đến thăm ông **Nguyễn Kiến Giang**, mượn được lá thư **Võ Văn Kiệt**, cho vào túi xách tay mang về, trên đường phố trung tâm Hà Nội (khu **Hàng Bài**), bộ máy công an đã đàn cảnh một vụ cướp giật để có cơ đưa ông về đồn công an. Và tại đó, nhà khoa học **Nguyễn Xuân Tụ**, nạn nhân của vụ cướp giật, đã bị bắt giam vì tội “ chiếm đoạt ”, còn kẻ cướp giật thì bình yên vô sự. Xem chừng hai chữ “ chiếm đoạt ” tỏ ra không ổn, nên mấy tháng sau, người ta chuyển tội danh thành “ cố ý làm lộ bí mật nhà nước ”. Ông **Tụ** nói : ông chưa kịp đọc lá thư (mà mượn của ông **Giang**, chứ không hề chiếm đoạt) thì làm sao biết nó là bí mật, chưa kịp đọc thì đã bị cướp giật, thì tiết lộ cái gì, cho ai ?

Chỉ những chi tiết vừa kể trên cũng đủ cho thấy tất cả sự tùy tiện, phi pháp của vụ xét xử. Trong thư ngày 30.9, do đó, bà **Đặng Thị Thanh Biên** đã yêu cầu nhà cầm quyền “ huỷ bỏ vụ án ” và trả lại tự do cho chồng bà là ông **Hà Sĩ Phu**.

Về phần mình, ngày 9.8.1996, ông **Hoàng Minh Chính** đã gửi thư cho hai ông thẩm phán **Vũ Khắc Xương** và **Nguyễn Quang Đẩu**, chánh án của các phiên toà phúc thẩm và sơ thẩm ngày 18.12 và 8.11 năm 1995 của Toà án Nhân dân Hà Nội. Hai phiên toà này đã kết án ông 12 tháng tù, và ông **Đỗ Trung Hiếu** 15 tháng tù (ông **Chính** đã mãn hạn tù ngày 14.6.96 và ông **Hiếu** ngày 14.9.96).

Trong thư, ông **Hoàng Minh Chính** nói tới dư luận cho rằng vụ xử án nói trên là mờ ám và trái pháp luật. Vì vậy, ông đề nghị :

« 1. Công khai hoá toàn bộ nội dung hai phiên toà đó bằng cách mở cửa cho các nhà báo, các nhà nghiên cứu và bất kỳ ai cũng đều được tự do tiếp cận các bằng ghi âm và bằng hình mà toà án đã ghi lại đầy đủ từ A tới Z.

2. Công dân **Hoàng Minh Chính** sẵn sàng tranh luận công khai với ông thẩm phán **Nguyễn Quang Đẩu** đã ngồi ghế chánh án phiên toà sơ thẩm Hà Nội ngày 8.11.95 và ông thẩm phán **Vũ Khắc Xương** đã ngồi ghế chánh án phiên toà phúc thẩm tối cao kiêm chung thẩm ngày 18.12.1995. ».

Địa chỉ điện tử của Diễn Đàn :
106032.1560@compuserve.com

Kính gửi : – Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao
– Bộ Nội vụ, Cục An ninh Điều tra
– Toà án Nhân dân Hà Nội
– Cơ quan An ninh Điều tra Công an Hà Nội
– Cơ quan An ninh Điều tra Lâm Đồng

Tôi là **Đặng Thị Thanh Biên**, 53 tuổi, cán bộ nghỉ hưu. Là vợ ông **Nguyễn Xuân Tụ** tức **Hà Sĩ Phu** nguyên là cán bộ nghiên cứu khoa học, thuộc Viện Khoa học Việt Nam, phó tiến sĩ sinh học, nay đã nghỉ hưu.

Hai vợ chồng chúng tôi đều ngụ tại khu tập thể 4E đường Bùi Thị Xuân, Đà Lạt, Lâm Đồng.

– Ngày 22.11.1995 chồng tôi từ Đà Lạt đi Hà Nội và về Hà Bắc thăm gia đình và bạn bè.

– Ngày 04.12.1995 chồng tôi bị cơ quan an ninh điều tra công an Hà Nội bắt giữ, vì “*đã có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước*”.

– Ngày 22.8.1996, Toà án nhân dân Hà Nội đưa chồng tôi ra xét xử vì tội danh “*cố ý làm lộ bí mật nhà nước*”, tại toà án nhân dân Hà Nội, và bị kết án 12 tháng tù.

– Hiện nay chồng tôi đang bị giam giữ tại trại giam B14, Hà Nội.

Thưa các ông ! Đã hơn một tháng nay tôi sống trong tình trạng hoang mang lo lắng, mất hết lòng tin vào sự công minh chính trực của phiên toà và của cơ quan an ninh điều tra công an Hà Nội. Ai là người bảo vệ chúng tôi ? Cơ quan nào bảo vệ chúng tôi ? để bớt đi những nỗi đau, nỗi oan ức, vợ chồng chúng tôi đã phải chịu đựng gần một năm nay.

Ngày hôm nay, 30.9.1996, hồi 14g30 tại Trại giam B14 Hà Nội, tôi được gặp chồng tôi. Chồng tôi căn dặn tôi : «*Em ở ngoài đi đứng cẩn thận, không lại bị tông xe, va ké cắp giật túi*». Lúc đó có sự giám sát của ông quản giáo Tâm. Phải chăng hình ảnh bị tông xe giật túi do công an bày ra, rồi được kết thành tội “*đã có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước*”, đã thành dấu ấn, một nỗi đau, nỗi oan ức của chồng tôi : ông Hà Sĩ Phu, cán bộ nghiên cứu khoa học giàu lòng yêu nước, yêu nhân dân mà bị kết tội oan uổng như vậy.

Tôi không thể cầm lòng ngồi chờ đến khi chồng tôi hết hạn tù. Buộc tôi phải cầm bút viết lên những điều rất thật trong phiên toà xét xử chồng tôi để kính trình lên quý các cấp lãnh đạo xem xét, huỷ bỏ vụ án, trả lại ngay tự do cho chồng tôi là ông Hà Sĩ Phu.

1 – Tôi xin phép trình bày điều tôi ghi nhận trong phiên toà ngày 22.8.1996 :

– Ông chủ toạ Nguyễn Sơn gọi : Bị cáo Nguyễn Xuân Tụ cố ý kiến gì về bản cáo trạng đã đọc.

– Ông Nguyễn Xuân Tụ nói có, và ông nói : «*Ngay trang đầu của bản cáo trạng đã ghi bắt quả tang tôi có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật của nhà nước là sai hoàn toàn*

với thực tế. Lúc đó tôi đang đi xe đạp về phía bờ hồ thì có hai người ngồi xe gắn máy rượt sát tông vào xe làm tôi ngã. Tôi chưa kịp đứng dậy vững thì có người giật túi, tôi kêu lên, lúc đó thấy đông người trong đó có công an vây quanh. Công an dẫn tôi và người giật túi về đồn công an phường Hàng Bài. Kẻ giật túi được ngồi yên. Một người công an giằng túi tôi đòi xem có mất gì không. Tôi nói tôi không mất gì cả. Nhưng người công an vẫn giằng túi tôi lục soát và lập biên bản là tôi đã có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước. Thật là vô lý ! Cứ làm như tôi là gián điệp biệt kích bị bắt quả tang đang mở khoá kho lưu trữ hồ sơ quốc gia ». Ông Tụ khi nói thì quay mặt về phía chúng tôi, ông còn lấy tay làm động tác mở khoá.

– Ông chủ toạ Nguyễn Sơn rung chuông nói : «*Bị cáo Nguyễn Xuân Tụ quay mặt lên, không được kể dài dòng, chỉ được phép nói đồng ý hay không đồng ý với bản cáo trạng thôi*».

Cả phòng xử án mọi người ngó ra. Không ngờ sự việc vụ án xảy ra trở trêu như vậy.

Sau khi dự phiên toà, ngày 23.8.1996 hồi 8g30 tôi tới cơ quan an ninh gặp ông Trung tá Vũ Hiền là người ký lệnh bắt chồng tôi. Tôi nói : «*Thưa ông, ngày hôm qua trong phiên toà ông đã nghe rõ chồng tôi nói rồi chứ ? Các ông bày trò tông xe giật túi chồng tôi, và vu cáo trắng trợn cho chồng tôi thật vậy sao ? Tôi thấy thật xấu hổ, thật đau xót cho các ông, những người nắm quyền lực và pháp luật mà phải làm như thế ! Trong bản cáo trạng, các ông còn ghi thu giữ tại nhà tôi 32 đĩa vi tính, 3 băng cátxét, 265 tài liệu. Tại sao các ông lại ghi lập lờ như vậy ? Biên bản khám nhà, và biên bản khai mở niêm phong tôi đã trao tận tay cho các ông ngày 18.12.1995, không lẽ các ông không đọc ?! Thưa ông, 32 đĩa vi tính, có 30 đĩa là chương trình của máy như tệp tin, phong chữ, vân vân... Còn hai đĩa kia là ghi những lời bình về các bài viết của chồng tôi. Ba băng cátxét thì 1 băng là băng trắng, còn 2 băng ghi lời bình về bài viết của chồng tôi. Còn 256 tài liệu như trong bản cáo trạng đã ghi mập mờ thì trong biên bản khám nhà của cơ quan an ninh Lâm Đồng ghi rõ 3438 trang, nhưng tất cả không có tài liệu nào là tài liệu mật*»

Ông Trung tá Vũ Hiền nói : ngày hôm qua ông bạn, không có mặt dự phiên toà. Trong bản cáo trạng không có ghi “*đã có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước*”, mà chỉ ghi “*cố ý làm lộ bí mật nhà nước*”. Còn các con số ghi các hiện vật trong bản cáo trạng là để sau này trả lại chồng tôi.

Buổi khác, ngày 4.9.1996 tại cơ quan điều tra công an Hà Nội, ông Vũ Hiền còn đe dọa tôi nếu trả lời phỏng vấn
(xem tiếp trang 23)

Vài kỷ niệm về anh

Tạ Trọng Hiệp

(1933-1996)

Tối hôm qua một anh bạn thân cho tôi biết là anh Tạ Trọng Hiệp vừa qua đời. Tôi nghe tin mà bùi ngùi nhưng không bàng hoàng dù anh mất trẻ hơn bác Hoàng Xuân Hãn, vì thấy đáng kính của anh đến cả một phần tư thế kỷ...

Cách đây đúng hai tuần, được biết anh bị bệnh, tôi gọi điện thoại thăm anh. Nghe anh trả lời mà tôi cứ tưởng là người nào khác : giọng nói của anh thay đổi hẳn, như cứng lại nên hơi khó nghe. Có lẽ vì buồn nên anh kể đủ thứ chuyện, về bệnh tình cũng như về những dự định tương lai. Tôi nghe anh nói mà lòng xúc động. Rốt cuộc, tôi đề nghị anh cho phép tôi lái xe đến thăm anh ngay. Và anh vui lòng chấp thuận, chỉ gợi ý tôi đem theo một chai whisky để anh uống cùng tôi một ly cho vui : như vậy là anh còn sáng suốt lắm nên chưa quên là tôi đã có lần say đến độ ngủ quên ở nhà anh. Trong những lần gặp nhau trước đây, anh và tôi thường ngồi nói chuyện ở phòng làm việc hay phòng bếp, cả hai đều khá bề bộn. Đây là lần đầu tiên tôi vào phòng ngủ của anh, thực ra cũng là phòng (nằm) làm việc với bốn bức tường đầy những sách và tạp chí : chỉ khác là có thêm một chiếc giường hẹp và cũ kỹ.

Anh nằm ngửa trên giường tay mân mê chiếc ống điếu. Anh gầy tóp lại, xanh xao..., anh lại mặc quần đùi áo pyjama (vì hôm đó trời nắng ấm) nên càng thêm tiêu tụy.

Khi tôi rót cho anh, cho tôi và cho anh bạn đang trọ ở nhà anh mỗi người một ly rượu, anh chỉ nhấp một ngụm nhỏ, rồi đặt ly trên giá sách và không đụng đến nữa : không biết đó có phải là ngụm rượu whisky cuối cùng của anh chăng ?

Và có một lúc anh ngừng nói, bỏ một ít thuốc vào ống điếu rồi quẹt diêm châm lửa, bập một hơi yếu ớt nên chỉ thấy một thoáng khói bay lên. Tôi can anh không nên hút. Anh trả lời là muốn biết mùi vị của thuốc bây giờ ra sao.

Cho mãi đến đầu những năm 70 tôi mới gặp anh Hiệp khi vào dạy mấy giờ ở ban Việt học của trường đại học Paris 7. Lúc đó anh chưa đến 40, nhưng trông anh đã nghiêm trang, đạo mạo lắm như đang sống triền miên trong tháp ngà của học thuật. Sau này khi đã quen nhau hơn, tôi có nói với anh cảm tưởng đó của tôi, anh thừa nhận là đúng.

Anh bắt đầu xuống tháp, hay “ hạ san ” – như tôi đã nói đùa với anh trong lần gặp cuối cùng – mấy năm sau 75 : anh bắt đầu thảo luận về bóng bàn mà lúc đó anh chơi khá say mê, rồi anh giao du càng ngày càng rộng. Sự thay đổi đó nhanh và toàn diện đến mức giống như một cuộc đổi đời. Ta có thể xem bài “ *Góp phần nghiên cứu Lê Quý Đôn. Khảo đính văn bản Vân Đài loại ngữ và các bản dịch* ” đăng trong Tập san Khoa học xã hội từ số 5 (tháng 12.1978) như đã chính thức đánh dấu sự nhập cuộc của anh vào đời sống văn hoá Việt kiều. Rồi anh về nước hợp tác nghiên cứu ở Hà Nội và bắt đầu một câu chuyện tình khá éo le, gian truân, đã gây

chấn động trong giới khoa học xã hội Hà Nội và kéo dài trong mười mấy năm trời : rất tiếc là sự qua đời đột ngột của anh đã không cho phép anh viết tiếp đoạn kết của thiên tình sử này đẹp đẽ như anh mong ước khi tâm sự cùng tôi. Tôi có cảm tưởng là sự chân chất hiền hoà của chị Tuyết đã đem đến cho anh trong mấy năm sau này sự ổn định, êm ấm gần giống như hạnh phúc.

Anh Hiệp là một chuyên gia nghiêm túc về Hán Nôm được nhiều người nể trọng. Đây là một lãnh vực mà tôi không thạo nên không dám lạm bàn. Nhưng tôi cảm nhận là cái học của anh Hiệp công phu và tỉ mỉ lắm. Thật vậy qua mấy quyển sách về Việt Nam mà anh cho tôi mượn, tôi thấy anh đều đọc chúng rất kỹ : anh ghi ngay trên lề sách những nhận xét, phê bình, anh sửa những lỗi in và những ngày tháng ghi lầm hay những từ Hán Việt đọc sai... Anh có trí nhớ rất tốt. Mỗi khi có ai hỏi về một đề tài Việt học nào đó, anh đều có thể cho ngay một thư mục khá dài. Tôi nghĩ, nếu có điều kiện thuận lợi, anh đã có thể có những cống hiến tương tự như của Ứng Hoà Nguyễn Văn Tố trong các tạp chí Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Bulletin de l'Institut d'Etudes Indochinoises, Tri Tân, Thanh Nghị v.v... : tập trung phê bình, chỉnh lý những sai lầm, thiếu sót về sự kiện, văn bản học, thư mục học... đầy rẫy trong các bài báo và sách nghiên cứu về Việt Nam, đặc biệt từ mười năm nay.

Tôi không phải là bạn thân của anh Hiệp mà chỉ là bạn của anh thôi, nghĩa là một người thỉnh thoảng nghĩ đến anh với thiện cảm và sự quý mến về công phu học tập nghiên cứu cũng như về dáng dấp nhân vật tiểu thuyết khá phức tạp và mâu thuẫn (nên rất người) của anh trong mười mấy năm sau này. Nên chỉ tôi viết mấy dòng tưởng niệm này với sự bùi ngùi...

27.10.1996

Nguyễn Trọng Nghĩa

Thơ Lê Bi

Vết cửa

vết cửa trên mỗi trang thơ đôi khi chỉ là mảnh trăng
đã vỡ
trong mỗi cuộc đời có bao nhiêu dấu vỡ xa xăm
đọc thơ tôi lật lên từng chữ
sẽ thấy những vết bầm của ngàn vạn con trăng.

Sơ thảo

tóc đã bạc nhưng trang thơ lúc nào cũng là
trang sơ thảo
viết cả trăm trang nhưng chưa vừa ý một trang
vốn của cuộc đời là phù du, mà luôn có điều muốn sửa
cái dang dở của đời lại nằm ở từng trang.

(trích trong tập *Địa chỉ của một người*, nxb Tân Thư, California 1996)

Wisława SZYMBORSKA

Ngày 3.10.1996, Viện Hàn lâm Hoàng gia Thụy Điển đã quyết định trao giải thưởng Nobel về văn học năm 1996 cho nhà thơ nữ Ba Lan Wisława Szymborska (đọc là *Vixoaava Symborska*).

W. Szymborska — nhà thơ, nhà phê bình văn học, dịch giả nổi tiếng của Ba Lan — năm nay 73 tuổi. Bà ra đời ngày 2.7.1923 tại Kornik, ngoại ô thành phố Poznan và sống từ bé ở Kraków (Cracovie). Bà bắt đầu làm thơ từ năm 1945. Từ năm 1957 đến nay, bà đã cho xuất bản không quá 7 tập thơ mỏng, một số tuyển tập phê bình văn học và những tuyển tập dịch thơ Pháp (đặc biệt là thơ Baudelaire) được đánh giá rất cao.

Vì sự đa dạng trong cách tu từ, thơ bà rất khó dịch ra tiếng nước ngoài. Viện Hàn lâm Hoàng gia Thụy Điển trao giải Nobel cho bà “ vì những bài thơ mà, bằng sự chính xác đầy mỉa mai của mình, đã vén cất bức màn của những qui luật sinh học, của những vận hành lịch sử, trong các mảng đời thường nhật của con người”.

Thơ bà mang những nét hóm hỉnh đặc thù. Đây là kỹ xảo trí thức hoàn thiện và sâu sắc, là sáng tạo của con người luôn luôn nhìn thế giới với sự hoà trộn nỗi niềm vừa đắng cay vừa mê đắm.

Szymborska muốn nhận biết tình cảnh con người trong mỗi biểu hiện của nó. Thơ bà không viện đến các giá trị xưa cũ vốn đặc trưng cho sinh tồn của chúng ta. Nó là cầu nối giữa đức hạnh và hài hước. Đã nhiều năm nay bà chuyên viết về những việc thường tình, viết về mỗi chúng ta, về sự sống và cái chết. Ẩn dưới những từ ngữ giản dị là tài nghệ của bà, tài thơ và tài triết lí thường nhật. Ẩn sau sự mỉa mai và hài hước, thơ bà tải chuyển những tầm vóc khủng khiếp của cuộc đời. Phải nói thẳng ra rằng, thơ bà không nương ai, và cũng chẳng làm hài lòng ai. Bà cư xử với mỗi chúng ta như chính đối với bản thân mình.

Là một nhà thơ khiêm tốn và kín đáo, thơ bà được viết ra như thể một thoáng tình cờ, mặc mọi sự xáo trộn chính trị, lịch sử, bỏ ngoài mọi thứ mà thoát đầu ta tưởng là quan trọng, mà ta thường đề tựa bằng chữ hoa.

Thiên Nam
(Warszawa, Ba Lan)

Bầu trời

Phải bắt đầu từ đây — bầu trời
Ô cửa sổ không kính, không khung, không bệ đỡ
Chả có gì hơn, chỉ cái lỗ trống thôi
nhưng mà rộng mở
Để ngắm trời
Tôi chẳng cần chờ đêm ráo rạt
Chẳng cần ghéch đầu lên
Với tôi
Trời khoác sau lưng, trời nằm trong tay, trời trên mí mắt
Trời bao kín mọi chiều, trời nâng đỡ lên cao..

Thậm chí bạn ơi
Những đỉnh núi cao nhất
Cũng chẳng gần trời hơn những thung lũng thẳm sâu
Chẳng ở nơi đâu
Có nhiều trời hơn chỗ khác
Trời lạnh lùng phát tán mây như rắc những nắm mồi
Con chuột chũi cũng được trời bao như con cú mèo
đang vỗ cánh kia thôi.

Những thú rơi xuống vực sâu
là rơi từ trời cao vào trời thẳm.

Ơi những vật rạc rời, tuôn chảy, rần rần
những dạng vật chất bay hơi hay nóng đỏ
Hãy câu bắt lấy bầu trời
Hãy chop lấy những mẫu trời vụn vỡ
Hãy ôm thu những đồng đụn của trời, hơi thở của trời cao
Trời hiện hữu mọi nơi
Ngay trong bóng tối dưới làn da cũng có trời cu ngụ.

Tôi ăn trời, tôi ị ra trời
Tôi là cái bẫy nằm trong cái bẫy
là kẻ cu ngụ trong con người cu ngụ
là kẻ choàng ôm trong những vòng ôm
là câu hỏi trong lời đáp từ cho câu hỏi.

Cái sự phân chia ra trời, ra đất
Là cách nghĩ chẳng đúng đâu về cái thể thống nhất này
Đây chỉ là thủ cho phép tôi sống trải
dưới một địa chỉ đầy đủ hơn
Để nếu có ai đó muốn tìm tôi thì chóng thấy.

Dấu hiệu đặc thù của tôi
là sự đắm say và thất vọng

Thiên Nam
dịch từ nguyên bản tiếng Ba Lan

Bốn giờ sáng

Giờ của đêm qua ngày.

Giờ của sườn phải qua sườn trái.

Giờ của những kẻ ba mươi tuổi.

Giờ sẵn sàng cho tiếng gáy của con gà.

Giờ mà trái đất chối bỏ chúng ta.

Giờ mà một làn hơi lạnh đến từ những vì sao đã tắt.

Giờ mà "liệu-có-còn-lại-điều-gì-của-chúng-ta".

Giờ trống rỗng.

Giờ vô vọng.

Vực thẳm của mọi giờ.

Không ai được dễ chịu vào bốn giờ sáng.

Nếu loài kiến được dễ chịu vào bốn giờ sáng —
chúng ta hãy chúc mừng kiến. Và cầu cho năm giờ tới
— nếu chúng ta phải tiếp tục sống.

1960

Viện bảo tàng

Có những chiếc đĩa nhưng không có sự thèm ăn.
Có những chiếc nhẫn nhưng không có ái tình
từ ít nhất là từ ba trăm năm nay.

Có cây quạt, nhưng màu sắc đi đâu hết ?
Có thanh kiếm, nhưng đâu rồi nổi hờn căm ?
Cây huyền cầm không còn vang lên ban chiều
vào lúc nhá nhem.

Thiếu vịnh của người ta đã thu lượm
cả chục ngàn vật cũ kỹ.
Một người canh gác mốc meo mơ màng màng nhẹ
hàm râu mép sưng lại bên trên một tú kính.

Những món kim khí, đất nung, lông chim
lặng lẽ ca khúc khải hoàn trong thời gian.
Duy có cây trâm của người đàn bà Ai-cập hân hoan bật ra
một tiếng cười nhộn hoắt.

Vòng triều thiên đã sống còn sau mái đầu.
Bàn tay đã thua cuộc với cái bao tay.
Chiếc giầy bên phải đã thắng bàn chân.

Còn về tôi, tôi vẫn sống, hãy tin tôi đi,
Cuộc tranh đua của tôi với chiếc áo vẫn kéo dài.
Nhưng sao mà nó mới buồn bình !
Sao mà nó vẫn muốn tồn tại sau tôi !

1962

Thủy Trúc dịch

Diễn Đàn số 44 (tháng 9.95) đã đăng bài thơ **Bước ngoặt của thế kỷ** của Wislawa SZYMBORSKA (bản dịch của Diễm Châu). Lần này chúng tôi xin giới thiệu 5 bài thơ khác của tác giả. Xin cảm ơn nhà xuất bản Trình Bầy đã cho phép đăng bản dịch của Thủy Trúc và Hoàng Ngọc Biên ; và bạn Thiên Nam đã gửi bài giới thiệu và những bản dịch.

Những đứa con của thời đại này

Chúng ta là những đứa con của thời đại này,
thời đại này là thời đại chính trị.

Hết mọi công chuyện ngày đêm
của anh / chị, của hắn, của chúng ta
đều là chuyện chính trị.

Dù anh /chị có thích hay không,
các yếu tố di truyền của anh / chị vẫn có
một tương lai chính trị,

màu da của anh / chị vẫn là màu chính trị,
đôi mắt của anh / chị có một kích thước chính trị.
Bất cứ điều gì anh / chị nói đều có tiếng vang của nó,
bất luận điều gì anh / chị nín thính
cũng vẫn là chính trị.

Những bài thơ phi - chính trị cũng là chính trị nữa
Trăng trên trời trông không giống trăng.
Hiện hữu hay không hiện hữu ấy là vấn đề.
Vấn đề gì thế, hở cùng ?
Vấn đề chính trị.
Anh / chị cũng chả cần phải là người
Để có được tầm quan trọng chính trị.
Chỉ cần là xăng dầu
Cỏ khô cho thú vật ăn hoặc chất liệu có thể chế biến lại
Hay một cái bàn hội nghị, mà hình dạng
Có thể nằm trên danh sách những điều cần thảo luận
hàng tháng trời.

Trong lúc đó người ta vẫn bỏ mạng.
Thú vật vẫn banh thầy vì đói khát
Nhà cửa vẫn cháy
Đồng ruộng vẫn bỏ hoang
Hết như vào những thời đại xa lắc xa lơ
Ít chính trị hơn.

Việt Nam

Này mù, mù tên chi ? — Tui nỏ biết.
Mụ sanh năm nào, mụ từ đâu tới ? — Tui nỏ biết.
Tại sao mụ lại đào hầm dưới đất ? — Tui nỏ biết.
Mụ trốn ở đây bao lâu rồi ? — Tui nỏ biết.
Tại sao mụ lại bội nghịch với kẻ tới giúp đỡ ?
— Tui nỏ biết.
Mụ lại chẳng biết rằng chúng ta không có ý
làm hại mụ sao ? — Tui nỏ biết.
Mụ theo bên nào ? — Tui nỏ biết.
Đang lúc chiến tranh, mụ phải chọn lựa chú ?
— Tui nỏ biết.
Thế làng mụ có còn không ? — Tui nỏ biết.
Xấp nhỏ này là con mụ ? — Già *.

Hoàng Ngọc Biên dịch

* Dạ

Giải Nobel kinh tế học năm 1996

William Vickrey
James Mirrlees

Năm nay có đến hai nhà kinh tế được giải Nobel : William S. Vickrey, 82 tuổi, giáo sư đại học Columbia ở Mỹ và James Mirrlees, 60 tuổi, giáo sư đại học Oxford ở Anh. Hai người ở hai cực quan điểm chính trị khác nhau : người thứ nhất bảo thủ, người thứ hai thuộc cánh tả. Nhưng hai người đều rút ra kết luận giống nhau về ảnh hưởng của thuế lũy tiến với những công trình nghiên cứu độc lập từ những năm 60 đầu 70.

Ai cũng biết, thuế ảnh hưởng đến động cơ làm việc. Nhưng thuế suất phải như thế nào để không xảy ra tình trạng người lao động đáng lẽ ra có thể tăng gia hoạt động kinh tế của họ lên thì lại giảm hoạt động kinh tế xuống, như vậy đưa đến lợi ích chung của xã hội thấp hơn trước.

Lý do là người lao động luôn luôn chọn lựa giữa lao động và giải trí để tối ưu hoá thoả mãn (utility) cá nhân. Thời gian như vậy có giá trị khác nhau với từng cá nhân. Khi có lợi tức cao, giá trị của nhàn rỗi được đánh giá cao hơn so với lợi tức thấp. Như vậy nếu người có khả năng đóng góp cao vào lợi tức của nền kinh tế sẽ không làm thêm nếu họ thấy lợi tức thu thêm sau khi khấu trừ thuế tạo ra thoả mãn thấp hơn giá trị họ tự gán cho thời gian đó nếu họ nhàn rỗi.

Để tính đến lợi ích chung cho xã hội cũng phải tính cả đến phần tăng thoả mãn của người được hưởng lợi tức, nhận được qua phân phối lại, do đánh thuế ở mức cao người có lợi tức cao.

Đó là cơ sở để nghiên cứu thuế suất tối ưu của hai nhà nghiên cứu kinh tế.

James Mirrlees thuộc cánh tả đảng Lao động thấy rằng thuế lợi tức cao nhất ở Anh không nên quá 20%. Lúc đó thuế suất lũy tiến cao nhất là 83%. Ông viết : " Tôi phải thú nhận là phân tích nghiêm túc về thuế thu nhập chắc phải dẫn đến các lập luận bảo vệ thuế suất lũy tiến cao. Nó không phải thế ". Dĩ nhiên không phải nhà kinh tế nào cũng đồng ý với kết luận đó vì họ có thể bất đồng về các giả thiết đưa ra về đánh giá trị, về phương trình cung cầu, về nguyên tắc đo và cộng chung lại thoả mãn của từng cá nhân để tính thoả mãn chung hay lợi ích chung của xã hội... Nhưng đóng góp của ông không phải được đánh giá vì kết luận đưa ra mà vì phương pháp luận. Vickrey đặt vấn đề và đưa phương pháp luận trước Mirrlees, nhưng đơn giản và ít tính toán phức tạp hơn.

Đóng góp khác cũng được nhắc tới của Vickrey là đấu giá (auction). Đấu giá thông thường là người mua ghi giá sẵn sàng mua , bỏ vào phong bì kín, ai ghi giá cao nhất sẽ thắng. Vickrey cho rằng như vậy người bán sẽ không nhận được giá tối ưu, giá có thể ghi thấp mà vẫn thắng. Phương pháp của Vickrey, về nguyên tắc, không khác cách đấu giá thông thường, nhưng người đấu giá chỉ phải trả giá bằng giá của người thứ hai ghi. Chính vì vậy, người đấu giá có khuynh hướng viết ra giá cao nhất, tức đưa ra giá trị thực mà họ sẵn sàng cho vật được đem đấu giá.

Quan điểm về giá trị thực đối với người sử dụng đưa Vickrey đến chỗ nghiên cứu vấn đề giá của phương tiện chuyên chở công cộng. Tiền trả để sử dụng phương tiện chuyên chở công cộng thường thấp, gây ra lãng phí, quá tải, kẹt xe.

Mỗi người sử dụng đều gán cho một vật hoặc dịch vụ sử dụng một giá trị khác nhau vì con người-kinh tế đều lựa chọn sự thoả mãn tối ưu. Chính vì vậy người sử dụng dịch vụ công cộng như phương tiện chuyên chở không những phải trả giá, mà phải trả giá thực, gần với giá trị mà họ tự đánh giá.

Điều này đưa đến kết luận là để tối ưu hoá, giá phải cao trong thời điểm sử dụng cao (peak-load pricing). Chẳng hạn trong khoảng thời gian đi làm về, giá phương tiện chuyên chở phải cao hơn lúc ít người sử dụng, hoặc giá điện phải cao hơn trong thời gian sử dụng cao điểm so với lúc ít dùng.

Có người cũng đã đặt vấn đề là nếu áp dụng giá cao lúc đi làm và lúc đi về, thì chính người nghèo phải đi làm việc sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất, lợi ích chung của xã hội có thể giảm. Điều này có thể giải quyết bằng biện pháp trợ cấp lợi tức thẳng cho người nghèo. Nhưng dĩ nhiên không phải dễ thực hiện. Cũng chính vì vậy mà sau rất nhiều lần cố vấn, đề nghị với thành phố New York, giải pháp Vickrey vẫn chưa được thực hiện. Tuy vậy, phải nói là những quan điểm kinh tế này ngày càng được áp dụng rộng rãi.

➤ Nhà kinh tế Vickrey đã qua đời vì đau tim vào hôm thứ sáu 11 tháng 10, ba ngày sau khi được tin mình nhận giải Nobel đồng hạng. Ông bị đột quỵ trong lúc lái xe đi từ New York đi Boston trong đêm thứ năm. Một người qua đường đã phát hiện ông và đưa ông đến bệnh viện và ông đã nhắm mắt lìa trần vào lúc 0 giờ 45 sáng.

Các giải Nobel, từ kinh tế cho đến y học rồi vật lý sẽ được chính thức trao tặng tại Thụy Điển vào ngày 10 tháng 12 nhân kỷ niệm 100 năm ngày Alfred Nobel, cha đẻ của giải thưởng này, qua đời. Mỗi giải trị giá 1,12 triệu USD. Có lẽ phần của ông Vickrey sẽ do những người thừa kế nhận.

Vũ Quang Việt

số tay

☞ **Constes d'exil / Những mảnh đời lưu vong** là một vở kịch đã được Đoàn Trafic d'Arts dàn dựng từ mùa xuân ở Aix-en-Provence và Marseille, và trong suốt tháng 10 vừa qua, được diễn ở Paris (Théâtre de l'Opprimé, rue du Charolais). Tác giả kịch bản là **Michel Azama**, xuất phát và xây dựng từ sáng kiến, kinh nghiệm bản thân và những cuộc điều tra của bà **Henriette Nhung Pertus** (cũng là một trong 4 diễn viên).

Henriette Nhung Pertus sinh năm 1945 tại Việt Nam, năm 1958 sang Pháp cùng với mẹ, một phụ nữ Việt Nam. Nói cách khác, cô bé 13 tuổi ấy "về quê nội": cha cô là một thủy thủ Pháp, làm tàu viễn dương, về Pháp từ hai năm trước đó. *Sang Pháp hay về Pháp*: đó là vấn đề, là *số phận* của tất cả những con người mang hai dòng máu (và có lẽ, không phải chỉ riêng họ), suốt đời phải sống hai cuộc đời song song: trong (nhà) và ngoài (đời); ở đâu cũng thấy mình là người xa lạ.

Vở kịch đặc biệt thành công trong phần thứ nhì: một căn phòng nhỏ, ba thế hệ (bà ngoại, mẹ, con gái) sống cạnh nhau, mặt đối mặt, hay quay lưng lại nhau, cùng ăn bát bún bò, nhưng mỗi người sống trong thế giới, trong thời gian của mình. Quê hương là quá khứ, là hồi ức ngày ngày nhấm lại, đối với bà cụ. Quê hương là sự chọn lựa không thể nào chọn lựa, đối với người mẹ. Quê hương là cái gì hở mẹ? Đối với cô học sinh sống giữa khu bình dân Marseille, giữa ma tuý và bạo lực hàng ngày, quê hương là một câu hỏi, vĩnh viễn là một câu hỏi.

Phần thứ nhất của vở kịch cũng là câu chuyện của một mảnh đời lưu vong. Lưu vong trên chính mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình: mảnh đời của một thiếu niên bị đời ở Sài Gòn, con một lính Mỹ đen. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt vở kịch, nối liền hai phần, ngoài đề tài lưu vong, còn là: sự tìm kiếm bản sắc, sự tìm kiếm cội nguồn, tình yêu, cuộc sống và cái chết... Phần thứ nhất cũng có mặt mạnh của nó, nhưng khán giả vẫn thấy tiêng tiếc: giá như M. Azama tập trung vào phần thứ hai, khai triển thêm nữa (ông có thừa chất liệu để làm việc đó), thì chắc chắn *Contes d'exil* sẽ có một sự nhất quán và sức mạnh lớn hơn nhiều.

Song, như hiện có, với đạo diễn **Philippe Crubézy**, bốn diễn viên **Marjorie Currenti**, **Damien Dodane**, **Isabelle Mirova**, **Henriette Nhung Pertus** và nhóm kỹ thuật, *Contes d'exil* là một vở kịch khiêm tốn mà hiệu quả, giản dị mà sâu sắc.

☞ Khiêm tốn, hiệu quả và dễ thương là vở múa rối **La Grande Traversée (Vượt trùng dương)** do Đoàn Contre-Ciel diễn tại rạp Théâtre International de Langue Française (Parc de la Villette, Paris) trung tuần tháng 10. Nhạc kịch ngụ ngôn sử dụng những con rối và chiếu bóng (theo nghĩa *théâtre d'ombres* như truyền thống Indonesia) cho "công chúng mọi lứa tuổi, từ 6 tuổi trở lên" nghĩa là cho trẻ em (và cha mẹ, hay ông bà đi cùng). Nhưng đúng như đạo diễn **Luc Laporte** nói thẳng: « *Sở dĩ tôi dựng kịch cho trẻ em, có lẽ vì tôi cũng vẫn còn trẻ con. Nơi trẻ em, tôi muốn*

nói với con người lý trí ở mỗi em, còn nơi người lớn, tôi muốn nói với đứa trẻ đã bị xao lãng, với nhà thơ đã ngủ quên ở trong mỗi người ». *Vượt trùng dương* bắt đầu từ một đất nước xa xôi, từ một chú bé tên là **Kim Long**... Rồi, tiên... câu chuyện của **Lạc Long** và **Âu Cơ**. Đó là chuyện xưa. Nay thì một trong năm chục đứa con của **Lạc Long** lại lạc lõng ở một nước Tây phương, trong một nền kinh tế thị trường mà quên lãng cũng trở thành một thứ hàng hoá giá đắt. Lời dẫn chuyện của **Tánh** (một Việt kiều ở **Besançon**). **Patricia Lavigne** và đạo diễn **Luc Laporte** vừa là diễn viên, vừa điều khiển các con rối hình và rối bóng. **Phượng Oanh** và **Quỳnh Hạnh** phụ trách phần nhạc (đàn tranh) và hát.

☞ **Les Années Magnifiques / Những năm tháng đẹp**

Là tên một cuốn phim vừa hoàn thành tại Việt Nam, do một người Việt Nam sinh sống ở Mỹ và Pháp sản xuất: bà **Phạm Lan Vinh**. Bà cũng là tác giả kịch bản, hay đúng hơn, đã xây dựng kịch bản từ tập hồi ký 500 trang của bà.

Những năm tháng đẹp... đối với những thế hệ Việt Nam ở tuổi *tri thiên mệnh* trở lên, là những năm đầu kháng chiến, khi những khó khăn gian khổ chưa làm giảm nhiệt tình của mọi tầng lớp, và chủ nghĩa Mao chưa vạch ra những lần ranh oan nghiệt trong khối đoàn kết dân tộc. Cô **Linh**, con gái một gia đình nghị viên Hội đồng dân biểu Bắc Kỳ, đã tham gia kháng chiến trong những năm tháng đẹp đó, cho đến ngày bệnh nặng, phải rời vùng tự do cùng gia đình hồi cư về Hải Phòng... Sự tham gia của cô hoàn toàn trong sáng, tuy chẳng đơn giản chút nào. Không phải chỉ vì thành phần gia đình, mà vì cả cuộc sống tình cảm: bao chàng trai, bao cán bộ yêu cô, mà cô đã dành tình yêu của mình cho một bác sĩ quân y Trung Hoa (trong quân đội Tưởng Giới Thạch) mà cô gặp năm 1946... Chỉ nói vậy, bạn đọc cũng hiểu ngay rằng *Những năm tháng đẹp*... không phải là một cuốn phim "đúng lập trường" cho lắm, và có thể hình dung ra những khó khăn và những cửa ải mà cuốn phim đã trải qua từ khâu kịch bản đến khâu hậu kỳ.

Hai điểm son nổi bật: những tình cảm thành thực toát ra từ cuốn phim, và những cố gắng của đội ngũ làm phim cố gắng trung thực dựng lại khung cảnh, trang phục, không khí thời kỳ 46-49 (tất nhiên không phải mọi sự đều hoàn mỹ: chiếc áo dài cổ cao, và eo ơi, cả chiếc áo dài *cổ bà Nhu* xuất hiện trên màn ảnh như một lợn tóc *phi-dê* nổi lênh bênh trên bát cháo hoa hành lá).

Điều đáng tiếc, và lẽ ra có thể đề phòng từ trước: xưa nay những tình cảm cao đẹp, tự nó, không đủ để làm nên một tác phẩm hay. Đáng lẽ các đạo diễn phải dày công lao động ngay từ khâu kịch bản và phân cảnh để biến những hồi ức rất đẹp và rất thật của tác giả thành những tình huống cụ thể với tất cả những phức tạp và xung đột hiện thực, để một cuốn album quý thực sự trở thành một tác phẩm điện ảnh.

[Gặp trong buổi ra mắt cuốn phim: ông **Alain Jalladeau**, đồng giám đốc Liên hoan điện ảnh 3 lục địa. Được biết tháng 11, có ít nhất 3 phim Việt Nam sẽ được chiếu ở **Nantes**. Trong đó: **Thương nhớ đồng quê** của **Đặng Nhật Minh** và **Bụi hồng** của **Hồ Quang Minh**].

☞ **Bertrand de Hartingh (BdH)**: một cái tên đáng ghi nhớ nếu bạn quan tâm tới Việt học, hay tới lịch sử Việt Nam hiện đại. Cựu học sinh Trường cao đẳng sư phạm Paris (E.N.S. rue d'Ulm), **BdH** vừa bảo vệ luận án tiến sĩ về đề tài "*Indépendance et Dépendance, Puissance et Impuissance vietnamienne*"

(ngày 28.10.96 tại Trường đại học Paris I Panthéon-Sorbonne).
 Đằng sau hai cặp khái niệm trừu tượng mà biện chứng ấy (độc lập / lệ thuộc ; thế lực / bất lực) một đối tượng cụ thể : chính quyền Việt Nam dân chủ cộng hoà, trong một giai đoạn cụ thể : từ tháng 12.1953 đến tháng giêng 1957. Ba năm bản lề, hay nói như nhà sử học Daniel Hémerly (thành viên hội đồng giám khảo), một thời điểm ngã ba (*bifurcation*, một khái niệm then chốt của thuyết biến loạn / théorie du chaos) trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XX, cũng như, trước đó, thời điểm 1945-46 và sau đó, thời điểm 1975-76. Chỉ cần nêu lên mấy sự kiện chính : phát động cải cách ruộng đất, Điện Biên Phủ, Hiệp định Genève, cải cách ruộng đất, sai lầm và sửa sai, Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô, Phong trào Nhân văn Giai phẩm, các biến cố Hungari và Ba Lan, vấn đề thống nhất trong bối cảnh Mỹ và chính quyền miền Nam không chấp nhận tổng tuyển cử.

Những đề tài này, mặt này mặt kia, đã từng được một số nhà nghiên cứu đề cập (Bernard Fall, Christine White, Nguyễn Ngọc Lưu...), nhưng đây là lần đầu tiên, thời kỳ then chốt ấy được tiếp cận một cách tổng hợp, và quan trọng hơn cả, nó được nghiên cứu trên cơ sở khai thác kho văn khố 6 kỳ họp của Quốc hội VNDCCH (điều này giải thích tại sao luận án bắt đầu từ thời điểm 12.53 và chấm dứt ở thời điểm 1.57 : hai kỳ họp quốc hội).

Nói tới quốc hội, chắc ai cũng hoài nghi về tầm quan trọng của kho lưu trữ : trong định kiến của mọi người, quốc hội trong chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực chỉ là một cơ quan hữu danh vô thực, chắc chắn không phải là nơi quyết định, cũng chẳng phải là nơi các vấn đề quan trọng được đem ra thảo luận thẳng thắn, song phẳng. Điều này đã được kiểm nghiệm ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa, và ở Việt Nam, đó là sự thật hiển nhiên đối với các khoá Quốc hội từ năm 1960 cho đến những năm gần đây. Song ở thời kỳ đang nói (53-57), đó là Quốc hội được bầu ra từ đầu năm 1946, bao gồm hơn 400 đại biểu Bắc Trung Nam, trong đó Đảng cộng sản không nắm vai trò áp đảo và độc quyền như từ năm 1960 về sau. Tại đây, cộng sản hay không, không thiếu những con người có cá tính và mạnh miệng (thí dụ như các ông Dương Bạch Mai nổi tiếng hùng biện, Nguyễn Văn Trấn tác giả *Viết cho Mẹ và cho Quốc hội*...).

Bertrand de Hartingh còn quá trẻ, hậu sinh của thế hệ sử gia J. Chesneaux, G. Boudarel, D. Hémerly, P. Brocheux (Pháp), D. Marr (Mỹ), nên tuy có gắn bó tình cảm với đất nước và con người Việt Nam, song Việt Nam đối với anh là một đất nước, chứ không phải là một cuộc chiến tranh, một cuộc chiến đấu, những năm tháng đã đánh dấu thời thanh niên (nếu không nói cả cuộc đời). Anh lại được đào tạo chính quy về phương pháp luận sử học, và thông thạo tiếng Việt, nên có đủ điều kiện, khoảng cách cần thiết và sự cảm thông tối thiểu để làm một công việc cực kỳ khó là nghiên cứu một đề tài lịch sử của thời hiện tại.

Tôi không thể đi sâu hơn vào đề tài luận án, vì cho đến hôm nay, mới chỉ có tác giả và 4 giám khảo đã đọc 700 trang luận án. Song qua 4 tiếng đồng hồ nghe tác giả luận án, báo cáo viên và các giám khảo phát biểu và tranh luận, qua mấy giờ đối thoại với tác giả cách đây vài tháng về công việc của anh, tôi tin chắc đây là một công trình nghiên cứu giá trị. Và cũng như mọi luận án đáng kể, chắc rằng những vấn đề mà nó đã lý giải được sẽ ít hơn những vấn đề mà nó nêu lên hay để mở, mở đường cho những nghiên cứu khác. Mong sao nó sớm được in thành sách.

Kiến Văn

điểm sách

Đặng Văn Long, *Lính thợ O.N.S.*

tiểu thuyết, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội, 1996, 524 tr.

O.N.S., M.O.I. ... đối với người Việt Nam không sống ở Pháp, hay mới định cư ở Pháp, là những chữ tắt xa lạ. Ngay cả chữ *Lính thợ* nữa. *Lính thợ ONS* (ouvrier non spécialisé : công nhân không chuyên) là tên gọi thông thường của khoảng 20 000 người Việt Nam (hầu hết là nông dân) mà chính quyền thực dân đã đưa sang Pháp năm 1939-40 để phục vụ cuộc chiến tranh chống Đức. Họ được đặt dưới sự cai quản của sở M.O.I. (*Main d'œuvre indigène* : Nhân công bản xứ) thuộc Bộ thuộc địa — các bác lính thợ vẫn thường gọi là *Sở Mọi*.

Dưới dạng tiểu thuyết, *Lính thợ ONS* có thể coi là tự truyện của ông Đặng Văn Long, năm nay 77 tuổi xuân. Trong khi đa số các bạn lính thợ khác bị cưỡng bức sang Pháp (mỗi gia đình nông thôn Bắc Kỳ và Trung Kỳ có 2 con trai trưởng thành thì phải đi một), chàng trai 20 tuổi ấy đã tình nguyện thay thế cho một người bạn. Bằng một ngôn ngữ chân thật, tác giả kể lại đời sống cơ cực của mình và của các bạn đồng hương những năm đầu của thập niên 1940, với manh nha những cuộc đấu tranh đòi tối thiểu nhân phẩm, chùng nào báo hiệu cho cuộc đấu tranh đòi độc lập. Đó là câu chuyện về sau, khá phức tạp, với sự xung đột giữa khuynh hướng ủng hộ chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Minh và Đảng cộng sản, và khuynh hướng trốt-kít, chống thực dân, nhưng phản đối hiệp ước sơ bộ 6-3-1946.

Ông Đặng Văn Long là một người trốt-kít trung kiên, trong những thập niên vừa qua đã tận tụy, từ tư thế của mình, góp phần vào cuộc đấu tranh giành độc lập và dân chủ. Ngoài hoạt động chính trị, những người có dịp gần ông còn quý mến một con người giàu tình cảm và say sưa với thơ văn, nghệ thuật. Việc nhà xuất bản Lao Động ấn hành *Lính thợ ONS* là một việc đáng mừng.

TỪ ĐIỂN PHÁP-VIỆT

Dictionnaire Français-Vietnamien

Vũ Ngọc Đỉnh biên soạn, Cao Xuân Hạo và

Phan Trác Hiệu hiệu chỉnh và biên tập,

Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 1995, 1424 tr.

Đối tượng cuốn từ điển này, như viết ở bìa sau, là học sinh trung học lấy tiếng Pháp làm ngoại ngữ chính và sinh viên khoa Pháp văn những năm đầu đại học. Căn cứ vào cuốn *Petit Larousse*, các tác giả chọn khoảng 38 000 từ thông dụng trong sinh hoạt hàng ngày và sách báo phổ thông ; những thuật ngữ chuyên môn chỉ được đưa vào từ điển trong chừng mực chúng được sử dụng phổ biến trong các văn bản không chuyên môn.

Như vậy, cuốn từ điển này nhỏ bằng nửa cuốn từ điển do

ông Lê Khả Kế làm tổng biên tập (76 000 mục từ), do cơ quan ACCT xuất bản lần đầu cách đây khoảng 15 năm, từ đó được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản nhiều lần. Nó bắt hẵn những từ chuyên môn, cũng bắt đi những lớp từ cổ, không phải chỗ ở trong một cuốn từ điển song ngữ phổ thông. Do đó, bù lại, nó nhất quán và tương đối hiện đại hơn.

Chữ in đẹp, trình bày trang nhã sáng sủa, giấy tốt.

Về nội dung, trong khuôn khổ một cuốn từ điển nhỏ, các tác giả đã cố gắng cung cấp những thí dụ để minh hoạ những nghĩa và sắc thái khác nhau của mỗi từ.

Tuy nhiên, cũng như những cuốn từ điển Pháp-Việt đã xuất bản trước đây, *Từ điển Pháp-Việt* của nhà xuất bản Thế Giới còn khá nhiều sai sót.

Xin đơn cử vài thí dụ chúng tôi tìm thấy khi lần giở một số trang :

– động từ *congeler* được dịch đúng là *làm đông lạnh, làm đóng băng*, nhưng tiếc thay, lại bị chua thêm *ướp lạnh*, và *viandes congelées* trở thành *thịt ướp lạnh* là một sai lầm nguy hiểm.

– từ *jeu* có một nghĩa thông dụng là *bàn* (trong bóng bàn, quần vợt chẳng hạn) đã bị bỏ quên (Từ điển Lê Khả Kế không quên, nhưng lại để thêm *ván*, rồi ở mục từ *set* và *manche* cũng dịch là *ván* nốt).

– chưa thực sự là từ điển song ngữ : nhiều từ không được đề nghị từ tương đương mà chỉ giải nghĩa. Thí dụ : *concubin,e / người sống với nhau như vợ chồng nhưng không cưới xin*. Thiết tưởng cũng dễ tạo ra từ ngữ mới : *chồng (vợ) không giá thú*.

– điều đáng ghi nhận là các tác giả đã phân biệt hai khái niệm *erotique (tình dục)* và *pornographique (khiêu dâm)*

— trong khi Lê Khả Kế cho vào cùng một rọ *khiêu dâm*. Hơn thế, *littérature érotique* được đề nghị dịch rất hay là *văn chương huê tình* — Lê Khả Kế hơi quá đà khi ông gọi *poésie érotique* là *thơ tình*. Và tiếc thay, đến chữ *sensuel* thì cả hai cuốn đều truy vào tội *dâm dục, đa dâm*. Nhiều cuốn từ điển song ngữ của Trung Quốc xem ra lại chính xác và *thoảng* hơn khi họ dùng khái niệm *nhục cảm*.

– thiếu những từ mới nhưng đã trở thành thông dụng trong sinh hoạt xã hội như *clone, implosion...*

– đồng nhất hai khái niệm rất khác nhau *totalitarisme (chủ nghĩa toàn trị)* và *autoritarisme (chuyên quyền, cực quyền)* : các tác giả đều dùng những từ *chuyên quyền, độc đoán, độc tài...*

– *intégriste* (chúng tôi đề nghị : *toàn thủ*) lẫn lộn với *conservateur : bảo thủ*.

Mấy thí dụ cuối cho thấy công việc cần làm trước mắt của các nhà từ điển học Việt Nam : tạo ra những từ mới để thể hiện những khái niệm đã trở thành thông dụng trong đời sống nhân loại, như hai học giả Đào Duy Anh và Hoàng Xuân Hãn đã làm cách đây hơn nửa thế kỷ với ba bộ *Hán Việt từ điển, Pháp Việt từ điển, Danh từ Khoa học*.

Từ 10 năm trở lại đây, đã xuất hiện nhiều cuốn từ điển song ngữ phổ thông và từ điển thuật ngữ thuộc nhiều ngành nghề và lãnh vực. Đó là một bước tiến đáng kể và đáng mừng trong đời sống văn hoá, đáp ứng phần nào nhu cầu ngày càng tăng của công chúng trong nước và ngoài nước.

Ước mong sao chúng ta sớm có một cuốn từ điển song ngữ với một dung lượng từ ngữ như cuốn *Petit Robert*.

K.V.

Thư của bà Đặng Thị Thanh Biên

(tiếp theo trang 16)

các báo chí thì sẽ bị bắt. Và luôn luôn nhắc tôi, “*không được nói, không được nói*”.

Tôi thiết nghĩ, nếu theo hiến pháp và bộ luật tố tụng hình sự của nhà nước Việt Nam thì bên bắt người đã vi phạm vào điều khoản nào, xin các ông chỉ rõ cho tôi được biết !

2 – Còn cái kết tội là cố ý làm lộ bí mật nhà nước. Tôi xin được trình bày những ghi nhận rất thật trong phiên toà. Ba luật sư bào chữa cho các bị cáo đều đã phát biểu và cùng chung ý :

* Phiên toà xét xử không có vật chứng.

* Người giám định bức thư của ông Võ Văn Kiệt là tài liệu tối mật lại không có mặt tại phiên toà.

* Có 4 bản photô bức thư của công Võ Văn Kiệt thì công an đã thu lại cả, rồi lại rút ra khỏi hồ sơ vụ án đưa lên nộp cho văn phòng chính phủ.

* Độ thiệt hại của vụ án không có.

Các bị cáo cũng đã chứng minh không cố ý làm lộ bí mật nhà nước.

Bên công tố không bác bỏ được ý kiến nào của luật sư cũng như của bị cáo. Phía luật sư đã đề nghị bãi bỏ phiên toà, hoặc ngừng để tiếp tục điều tra, vì chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Luật sư Trần Lâm còn nói : “*Nếu xét về mặt chính trị, không có phiên toà ngày hôm nay thì có lợi hơn*”.

Kính thưa quý các cấp lãnh đạo,

Tôi là người vợ của một người chồng là một nhà trí thức nghiên cứu khoa học. Tôi thấy chồng tôi vô tội mà bị kết án oan như vậy, thật không đành lòng.

Kính đề nghị các cấp lãnh đạo xem xét lại, huỷ bỏ vụ án và trả lại tự do cho chồng tôi là Hà Sĩ Phu.

Hà Nội, ngày 30.9.1996

Kính đơn,

(ký tên)

Đặng Thị Thanh Biên

Thành tựu và giới hạn của hội họa Việt Nam trong quá khứ

Văn Ngọc



MAI THŨ, *La lecture* (tranh lụa), 1935

Một thời còn chưa xa, nghệ thuật dân gian với tranh Đông Hồ, tranh Hàng trống, vv... phong phú là như thế, nhưng phát triển đến một trình độ nào đó, rồi cũng đã bị ngưng đọng lại, vì từ người nghệ nhân cho đến người thưởng thức tranh đều chỉ biết dừng lại ở những giá trị truyền thống. Điều kiện kinh tế và xã hội đương thời cũng không cho phép họ vượt quá cái nhu cầu khiêm tốn về mặt sáng tạo cũng như về mặt thưởng thức nghệ thuật (1).

Thêm vào đó, sự thiếu giao lưu văn hoá đã không cho phép họ có được một sự so sánh với các nền nghệ thuật khác, để có những suy nghĩ mới, những thôi thúc mới.

Xuất phát từ một thực tế khách quan là trong hội họa, cũng như trong nhiều lãnh vực tư tưởng của con người, có những mẫu số chung, những quy luật phổ biến có giá trị cho tất cả mọi người, cho phép một dân tộc này có thể tiếp thu được cái đẹp, cái mới trong nền nghệ thuật của một dân tộc khác, chúng ta có thể khẳng định rằng giao lưu văn hoá là nhu cầu hàng đầu cần thiết cho sự sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt trong hội họa.

Sự thiếu giao lưu văn hoá, thiếu thông tin nghệ thuật, chính đã là một trong những nguyên nhân làm cho nền hội họa Việt Nam phiêu bạt chậm phát triển, kể từ khi trường

Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương được sáng lập vào năm 1925.

Mục đích của trường này lúc đầu thật ra cũng không phải là để đào tạo những nhà nghệ sĩ, theo nghĩa sáng tạo, mà chỉ để cung cấp những ông thầy dạy vẽ cho các trường học, trường dạy nghề trang trí, vv...Người ta còn nhớ, các họa sĩ như Mai Trung Thứ, Tô Ngọc Vân, ngay sau khi tốt nghiệp đã được (hay bị) gửi ngay đi dạy học ở Huế và ở Phnom Pênh. Thậm chí, sau khi Tardieu, người giám đốc đầu tiên được mọi người quý trọng mất đi (1937), Jonchère sang thay, đã tuyên bố trắng trợn rằng trường lập ra cốt chỉ để đào tạo những nghệ nhân, nhằm đẩy mạnh một số ngành mỹ nghệ mà nhà nước bảo hộ cần khai thác. Thế thôi.

Thật cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, khi người ta nhận thấy cả Đông Dương trong suốt thời kỳ bị đô hộ, không có lấy một viện bảo tàng nào cho phép tham khảo các nền nghệ thuật trên thế giới, ngay cả đến nền nghệ thuật của mẫu quốc ! Nhưng đây có lẽ cũng không phải chỉ là do chính sách của nhà nước bảo hộ, hoặc của Nha học chính Đông Dương, mà còn do cả trình độ hiểu biết giới hạn về mặt giáo dục nghệ thuật của những người có trách nhiệm đào tạo trực tiếp như các ông Tardieu, Inguimberty, không nói gì đến Jonchère là một tay bất tài và thủ cựu khét tiếng (2).

Dẫu sao, cho đến tận ngày nay, ở Việt Nam cũng vẫn chưa có được những viện bảo tàng văn hoá nghệ thuật thế giới, như kiểu Musée du Louvre, Musée de l'Homme, Musée des Traditions Populaires v.v... hoặc những viện bảo tàng ở đó người ta tổ chức những cuộc triển lãm định kỳ về các nền văn hoá, nghệ thuật trên thế giới, như Grand Palais, Petit Palais, hoặc nữa như Musée Guimet, Musée Cernusci, chuyên trưng bày về nghệ thuật Á đông.

Nhìn vào quan niệm nghệ thuật và phương pháp đào tạo của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, chúng ta thấy gì ?

Một mặt, học tập các kỹ thuật của hội họa phương tây : hình họa (*dessin*), phép vẽ phối cảnh (*perspective cavalière*), sơn dầu ; ngoài ra còn có những môn như : trang trí, lịch sử nghệ thuật, cơ thể học vv... Thế rồi, thầy trò kéo nhau đi vẽ cảnh, vẽ người, vẽ đình chùa ở nông thôn, với mục đích sao chép cái đẹp của thiên nhiên.

Các giáo sư như Tardieu và Inguimberty, thực ra, cũng chỉ dạy cho học trò của mình cái kỹ thuật sơn dầu của phương tây thôi, một thứ kỹ thuật khá kinh viện (*académique*), chứ các ông cũng không truyền cho họ một quan niệm nghệ thuật đặc thù của một trường phái nào cả. Bản thân Tardieu và Inguimberty cũng không đứng hẳn vào một trường phái nào : họ không hẳn là cổ điển, không phải là ấn tượng, mà cũng không phải là hiện thực (kiểu Courbet) (3).

Dẫu sao, đối với họ, cái đẹp, cái thật, chỉ có thể nằm trong thiên nhiên. Chỉ có thiên nhiên mới là mẫu mực đáng sao chép, học hỏi. Công việc của người họa sĩ là biến cái đẹp của thiên nhiên thành cái đẹp nghệ thuật trên bức tranh. Thời đó ở Việt Nam chưa mấy ai dám vẽ tranh khổ thân (trừ Nam Sơn vẽ ba con yêu tinh khổ thân nhảy múa trước mặt đức Phật vào năm 1929, và Lê Phổ với bức *La Toilette*, 1942,

có lẽ vẽ ở nước ngoài), nhưng người ta vẽ những bức chân dung thiếu nữ cũng với quan niệm đó, nghĩa là mượn cái đẹp của người phụ nữ để tạo nên cái đẹp trong hội họa.

Cũng phải thông cảm với những họa sĩ thời ấy là, nếu không vẽ đồng ruộng, làng quê, con trâu, con gà, cây đa, bụi tre, nếu không vẽ tranh thiếu nữ, bà mẹ, trẻ em, thì biết vẽ cái gì? Không lẽ những người như Tardieu, Inguimberty, lại dám gợi ý cho các học trò của mình đi vẽ những cảnh cùng khổ, tha hoá của người lao động thành thị, hay của người nông dân (theo phong cách của Courbet), hoặc những truyện tích trong lịch sử dân tộc Việt Nam (theo phong cách của Gustave Moreau, hay của các trường phái cổ điển, lãng mạn)?

Rõ ràng trong quan niệm về hội họa của Tardieu và Inguimberty, qua các tác phẩm của chính hai ông vẽ vào những năm 1925-1927, và của các môn đệ Việt Nam vào thời ấy, không có một cái gì liên quan đến cái quan niệm tả thực có tính chất phê phán của Courbet, người mà theo người ta nói đã có đôi chút ảnh hưởng đối với Tardieu vào thời kỳ ông đoạt Giải thưởng quốc gia ở Pháp năm 1902, khi ông 32 tuổi. Cũng chẳng có cái gì gợi cho người ta nghĩ đến Ingres và các trường phái cổ điển, hoặc lãng mạn. Những người như Nguyễn Phan Chánh, Lưu Văn Sìn là những trường hợp hiếm đã đi theo một hướng nghệ thuật có tính cách *hiện thực* cả từ nội dung đề tài đến hình thức diễn đạt, mặc dầu cái hiện thực đó không mang một ý đồ phê phán nào cả.

Có lẽ vì tránh những đề tài huý kỵ đối với nhà cầm quyền bảo hộ, cho nên trong những tác phẩm của các họa sĩ Việt Nam xuất thân từ trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, kể từ những khoá đầu tiên cho mãi đến sau này, người ta thấy thiếu vắng cả đến những bức tranh vẽ đám đông, thậm chí cả đến những nhân vật trong thế di động, hoặc trong một động tác nào đó. Tất cả đều đượm một không khí tĩnh lặng, từ các bức *Chân dung thiếu nữ* của Tô Ngọc Vân, Lê Phổ, đến bức *Trọi gà* của Vũ Cao Đàm. Cũng có thể, vẽ đám đông và vẽ nhân vật trong sự chuyển động đòi hỏi ở nơi người họa sĩ một ý thức về nhịp điệu và một trình độ kỹ thuật về hình họa cao, mà thời đó chưa ai có dịp tìm hiểu và nhất là luyện tay nghề để vẽ cho đạt. Nhưng cũng có thể đó là do cái *điều tâm hồn* của người thời đó, không thích những sự ồn ào chẳng?

Họa hoàn mới có được một bức tranh sinh động vẽ nhân vật trong một động tác nào đó: bản thân Tardieu đã vẽ những cảnh *Phố xá Hà Nội* (sơn dầu, 1925) và cảnh *Chợ bên sông* (sơn dầu, 1925) khá tấp nập. Inguimberty cũng đã vẽ rất đạt nhiều cảnh sinh hoạt ở nông thôn như bức tranh *Mùa gặt* (sơn dầu, 1927-1929), Lưu Văn Sìn với bức tranh *Thiếu nữ ngồi khâu lọng* rất sống động (tranh lụa, không rõ tựa chính xác và vẽ vào năm

nào) (3). Nguyễn Gia Trí với bức sơn mài lộng lẫy *Bên đầm sen* (1938), vv...

Phải mãi sau này, trải qua cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm rồi, người ta mới thấy xuất hiện những bức tranh vẽ cảnh đông người, như: *Giặc đốt làng tôi* (sơn dầu, 1954) của Nguyễn Sáng, *Gặp nhau* (bột màu, 1954) của Mai Văn Hiến, *Tát nước đồng chiêm* (sơn mài, 1958) của Trần Văn Cẩn, *Trái tim và nông súng* (sơn mài, 1960) của Huỳnh Văn Gấm, *Mùa Gặt* (tranh lụa, 1960) của Nguyễn Tiến Chung, *Đổi ca* (sơn mài, 1962) của Sĩ Ngọc, vv...

Nhìn chung, những cảnh đám đông trong hội họa Việt Nam vẫn còn thiếu sinh động, đây là chưa nói đến khía cạnh kỹ thuật hình họa. Nhiều bức vẽ không có *thần*, nghĩa là thiếu cái hồn, thiếu sự sống. Điều đó được thể hiện trên tranh bằng sự thiếu vắng *nhịp điệu* (rythmes). Mà chính nhịp điệu lại là một nhân tố quan trọng của cái đẹp (5).

Khâu quan trọng thứ hai trong chương trình đào tạo của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương là nghiên cứu những kỹ thuật, nghệ thuật truyền thống của Việt Nam và Á đông như tranh lụa, sơn mài, sơn khắc. Đây là một điểm son của chương trình, nhờ công lao của Tardieu và Inguimberty. Hai ông này sớm hiểu rằng cần phải khai thác vốn nghệ thuật cổ truyền của Việt Nam, nên họ đã khuyến khích các họa sĩ Việt Nam làm tranh lụa, sơn mài, sơn khắc và khắc gỗ. Một số họa sĩ đã dứt khoát đi chuyên về những kỹ thuật này, vô hình trung họ đã thoát ra được khỏi cái phong cách sơn dầu của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương thời ấy: Nguyễn Phan Chánh, Mai Trung Thứ, (Lê Phổ và Lê Văn Đệ vừa vẽ tranh lụa rất đạt, lại vừa vẽ cả sơn dầu), Lưu Văn Sìn, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Thị Nhung (lụa); Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đức Nùng, Hoàng Tích Chù, Nguyễn Sáng, Nguyễn Sỹ Ngọc, Huỳnh Văn Gấm, Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Khang, Dương Bích Liên, Phan Kế An, vv... (sơn mài); Công Văn Trung, Nguyễn Xuân Bái (sơn khắc); An Sơn Đỗ Đức Thuận, Phạm Văn Đôn, Trần Khánh Chương vv... (khắc gỗ).

Đáng chú ý là trong tất cả các họa sĩ thuộc những thế hệ đầu, chỉ có dăm ba người giữ được trọn cái phong cách của mình cho đến cùng. Trong số này, trước hết phải kể đến Nguyễn Phan Chánh và Mai Trung Thứ. Ngay cả Lưu Văn

Sìn, tác giả của bức tranh lụa *Thiếu nữ ngồi khâu lọng*, sau này đã đánh mất đi cái phong cách độc đáo đầu tiên của mình, để lại quay trở lại cái kỹ thuật sơn dầu nhạt nhẽo, vô thưởng vô phạt, mà tôi đã nói ở trên. Người ta có cảm tưởng như có những họa sĩ, ở một thời điểm nào đó trên con đường nghệ thuật của mình, đã tỏ ra rất sáng tạo, rất giàu cá tính, nhưng rồi sau đó không hiểu tại sao



NGUYỄN PHAN CHÁNH, *Chơi ô ăn quan* (tranh lụa), 1931

lại quay trở lại cái con đường mòn cũ kỹ của người khác để rồi không tìm lại được cá tính của mình nữa.

Trường hợp họa sĩ Nguyễn Tường Lân (mất năm 1947) cũng là một hiện tượng hiếm. Tôi không được biết tranh của ông vào những năm sau này như thế nào, nhưng bức tranh lụa *Hiện vẻ hoa* của ông vẽ năm 1943 (đã bị hư và mờ đi nhiều), cho ta thấy một quan niệm về bố cục và nhất là về hình thể khá mới mẻ, được thể hiện bằng một nét vẽ mềm mại, vững vàng, với màu sắc trang nhã, đượm một tinh thần rất Việt Nam.

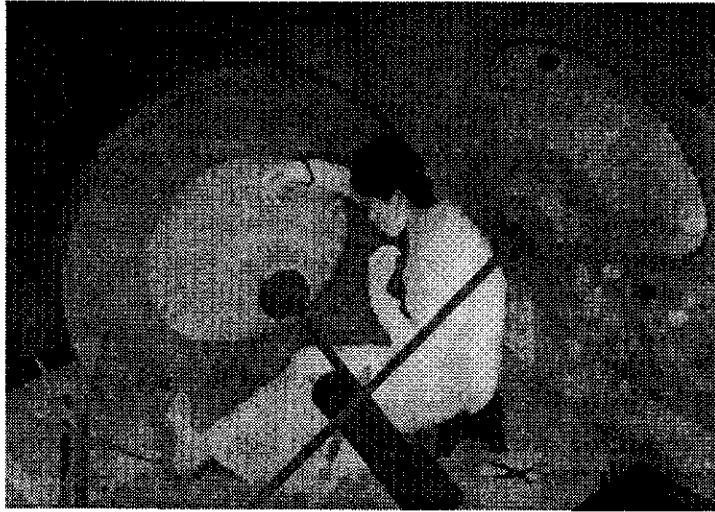
Nguyễn Gia Trí, người đi đầu trong nghệ thuật sơn mài, cũng là người đã sớm tìm ra được cho mình con đường đưa ngành nghệ thuật này lên một đỉnh cao mà sau này cũng chưa có người nào đạt tới. Điển hình nhất cho nghệ thuật của ông có lẽ là những bức sơn mài với bố cục chặt chẽ, nhưng lại rất phóng khoáng, như bức *Bên hồ sen* (1938), chẳng hạn, với chất liệu và màu sắc phong phú, đưa người ta vào một thế giới hư ảo, gần như trừu tượng.

Nói tóm lại, hội họa Việt Nam với những thế hệ họa sĩ đầu tiên xuất thân từ trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1925-1945), đã thu hoạch được một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, nó cũng đã gặp phải một số giới hạn và vướng mắc và những vướng mắc ấy hiện nay vẫn còn tồn tại bên cạnh những vướng mắc khác, mà chúng tôi tạm tổng hợp lại thành ba điểm gắn liền khăng khít với nhau :

1. thiếu thông tin nghệ thuật, thiếu giao lưu văn hoá
2. thiếu căn bản lý thuyết về nghệ thuật (về cách tiếp cận cái đẹp trong hội họa)
3. lẫn lộn nghệ thuật với chính trị (lẫn lộn trong sự xác định chức năng của hội họa đối với xã hội).

Không phải trong Kháng chiến lần thứ nhất và sau ngày hoà bình lập lại, vào những năm trước 60, mà hội họa Việt Nam đã gặp nhiều vướng mắc nhất. Người ta còn nhớ, cố họa sĩ Tô Ngọc Vân, người xứng đáng được coi là con chim đầu đàn của hội họa Việt Nam hiện đại, vào năm 1950, khi mở trường Mỹ thuật trung cấp ở Đại Từ, đã nói với các họa sĩ trẻ lúc đó câu này, sau khi trò chuyện với họ về thời kỳ nghệ thuật Phục Hưng Ý : “ *Chúng ta đồng tình với những bức tiền bối danh sư của hội họa cổ điển, đem nghệ thuật mà phục vụ một Đạo. Nhưng cái đạo của chúng ta là đạo làm một người của nhân dân* ”. Câu nói đó đã làm nhiều người lúc đó nức lòng, mặc dầu nó cũng hãy còn rất mơ hồ, nó có tình, nhưng chưa có lý.

Hội họa Việt Nam đi vào Kháng chiến với bao khó khăn gian khổ về vật chất, nhưng cũng đã gặt hái được nhiều. Tô Ngọc Vân và một số họa sĩ khác, trong thời kỳ này đã vẽ



LƯU VĂN SÌN, Thiếu nữ ngồi khâu lụa (tranh lụa)

nhều ký họa. Trong thời kỳ này, hội họa Việt Nam không gặp nhiều mâu thuẫn trong chức năng phục vụ kháng chiến. Nội dung, hình thức tranh cổ động, tuyên truyền, giáo dục, minh họa đều ăn khớp với nhau trong một lô gích chặt chẽ. Có vấp vấp chẳng chỉ là ở những khâu kỹ thuật và ở sự thiếu thông tin, thiếu giao lưu với bên ngoài. Điều ấy là đương nhiên.

1954, Tô Ngọc Vân hy sinh trên đường đi Chiến dịch Điện Biên Phủ và ông đã không tiếp tục cống hiến được tài năng và hiểu biết của mình cho hội họa Việt Nam đang lúc còn cần được những người nghệ sĩ lỗi lạc như ông dìu dắt. Sau ông, hầu như không có được một ý gì mới cho sự phát triển của hội họa từ ngày hoà bình lập lại ở miền Bắc.

Coi như cả ba điểm tôi nêu ở trên chưa bao giờ được đặt ra một cách nghiêm túc để giải quyết.

Trong suốt thời gian dài mấy chục năm, người ta đã phí nhiều hơi sức để bàn suông về cái gọi là *hiện thực xã hội chủ nghĩa*. Tôi nói bàn suông, bởi vì người ta chỉ nói thôi chứ chưa làm được gì. Trên thực tế, chỉ ngay tính chất *hiện thực* không thôi, không có cái đuôi theo sau là tính từ *xã hội chủ nghĩa*, cũng chưa thấy mấy họa sĩ làm được từ bấy đến nay.

Thực ra hiện thực cũng có năm bảy đường hiện thực. Phục Hưng, Cổ điển, Tân cổ điển (Lãng mạn), hay Chủ nghĩa tự nhiên, đều là hiện thực. Biểu hiện và ngay cả Lập thể cũng có thể là hiện thực được. Tại sao không ? Ta cứ nghiên cứu kỹ những trường phái này thì thấy rõ.

Đã nói hiện thực thì dù muốn hay không cũng có hàm ý phê phán. Tốt thì khen, xấu thì chê, mà khen hay chê phải cho đúng, chứ không phải chỉ mình họa, cung tụng; hay ngược lại bôi xấu, vv... Ngay cả cái *hiện thực* của Courbet, mà có người gọi là chủ nghĩa tự nhiên (Naturalisme), tuy không có dụng ý phê phán một cách lộ liễu, nhưng vì nó thực quá, nên cũng làm cho người đời suy nghĩ.

Nếu nói *hiện thực* theo kiểu tự nhiên chủ nghĩa như Courbet, mà một số người có trách nhiệm trong giới hội họa ở trong nước vẫn thường trầm trồ tán tụng, thì phải hiện thực từ nét vẽ, từ hình thể, màu sắc, từ phong cách trở đi. Không thể nào chấp nhận được những cách vẽ sơ lược, cường điệu (gồng mình), người không ra hình thù người, mà bảo đó là hiện thực được, ngay cả khi vẽ với phong cách biểu hiện đi nữa.

Còn cái tính từ *xã hội chủ nghĩa* thì quá mơ hồ, bởi vì nó chưa bao giờ thành hình, thành nếp gì cả, nay nó đã đang bị dẹp đi để nhường chỗ cho một cái gì khác, mà người ta cũng chưa xác định được.

Nghe nói bây giờ ở trong nước cũng chả ai động đến những vấn đề này nữa.



NGUYỄN SÁNG, *Thiếu nữ* (sơn mài), 1984

Người ta chấp nhận cả tranh trừu tượng. Miễn là không chống lại Đảng và nhà nước.

Bây giờ, đang ở giai đoạn chuyển tiếp, trong khi chờ đợi xác định lại cho rõ ràng chức năng của hội họa trong xã hội Việt Nam (nếu tách rời được nó ra khỏi chính trị thì càng tốt), tôi cho rằng trước hết hội họa hãy cố bám lấy cái chức năng muôn đời của nó, là làm sao cho mình ngày càng đẹp thêm, để đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của quần chúng ngày càng cao hơn.

Văn Ngọc

Tài liệu tham khảo :

- *Các họa sĩ trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương*, Nxb Mỹ thuật Hà Nội, 1993.
- *Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội 1925-1990* (sách in với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Cộng hòa Pháp tại Hà Nội), 1990.
- *Một số vấn đề mỹ thuật*, Nxb Văn Hoá, 1985.
- *L'Âme du Viet Nam*, Ed. Cercle d'Art, 1996.
- *Tạp chí Văn Nghệ*, những năm 60.
- *Tạp san Nghiên cứu Nghệ thuật*, những năm 70.

(1) Xem bài *Tranh Tết và Tranh thờ Việt Nam* (ĐĐ số 49, 50, tháng 2, 3-1996)

(2) Evariste Jonchère xuất thân là Prix de Rome về điêu khắc (không biết có phải là người đồ đầu hay đồ thứ nhì, vì 1er Grand Prix de Rome mới là người đồ đầu, trên các tài liệu chỉ thấy đề Prix de Rome). Các ông Prix de Rome, nói chung, thường thuộc phe bảo thủ, kinh viện, vì tất cả các hành trang hiểu biết về nghệ thuật của họ dùng để đi thi giạt giải, bỏ buộc phải là những hiểu biết có tính chất kinh viện (académique). Trừ một số trường hợp những người có thực tài như Ingres, trong hội họa, hoặc Debussy, trong âm nhạc vv... Các tác phẩm điêu khắc của Jonchère phục vụ cho cuộc Triển lãm Thuộc địa năm 1931 đủ nói lên điều này. Jonchère rất hận Tardieu vì ông này lúc còn sống đã chống lại việc gửi y sang Đông Dương. Đến khi Tardieu mất đi (1937), năm sau y được sang nhậm chức giám đốc để thay thế, đã trả thù bằng cách đem pha những người học trò được Tardieu quý trọng như Nguyễn Phan

Chánh, chẳng hạn (theo lời kể của NPC).

(3) Victor Tardieu (1870-1937) là học trò của Gustave Moreau (1826-1898). Cùng học một thầy với ông, còn có những họa sĩ nổi danh khác như Rouault, Matisse, Marquet, Manguin, vv... Gustave Moreau là một họa sĩ có tên tuổi trong lịch sử hội họa Pháp. Khó có thể xếp ông vào một xu hướng hoặc trường phái nào, tuy rằng ông đã chịu nhiều ảnh hưởng của Ingres. Ông sở trường trong loại tranh có tính chất thần bí, thể hiện những truyện tích trong thần thoại Hy Lạp hoặc trong Thánh kinh. Mặc dầu không được nhiều người đương thời hưởng ứng vì tranh của ông rất khó hiểu, nhưng ông lại được nhóm các nghệ sĩ của trường phái Tượng trưng (Symbolistes) và sau này nhóm nhà thơ siêu thực rất trọng vọng. Ông cũng đã có công đào tạo những họa sĩ xuất sắc, những người đã sáng lập ra trường phái Dã thú (Fauves) đã kể tên ở trên. Gustave Moreau có một quan niệm rất cởi mở về nghệ thuật. Có lẽ cũng nhờ thế, mà các học trò của ông đã rất xông xáo và trên thực tế đã tìm ra một hướng đi mới cho hội họa đương thời. Tardieu là một trường hợp đặc biệt trong số các học trò của ông. Tranh của Tardieu cũng không có cái gì làm cho người ta liên hệ được với tranh của ông thầy học của mình. Phong cách sơn dầu của ông khá chân thực, song hơi sơ lược, hơi chung chung và thiếu cá tính. Nếu đem so sánh với tranh của Inguimberty, giáo sư dạy sơn dầu, thì người ta thấy rằng tranh của ông này đẹp hơn nhiều và có hồn Á đông hơn. Dầu sao, phong cách sơn dầu của hai ông thầy dạy này đã có một ảnh hưởng sâu đậm đối với cả một thế hệ các họa sĩ Việt Nam ở những khoá đầu tiên : Lê Phổ, Lê Văn Đệ (1925-1930), Tô Ngọc Vân (1926-1931), Lê Thị Lựu (1927-1932), Nguyễn Đỗ Cung (1929-1934), Trần Văn Cẩn (1931-1936), Lương Xuân Nhị (1932-1937). Thậm chí, ảnh hưởng đó còn truyền mãi đến tận những thế hệ sau này như : Quang Phồng (1942-1945), Mai Văn Hiến (1943-1945), vv...

(4) Trong nhiều năm, bức tranh này thuộc quyền sở hữu của anh chị Đào Văn Châu. Chị Phương Tiếp vẫn định đem tặng Viện bảo tàng mỹ thuật Việt Nam, không biết sau này chị có thực hiện được ý nguyện đó không trước khi chị qua đời ?

(5) Xem bài *Cái đẹp trong hội họa* (ĐĐ số 56, tháng 10-1996)

Nhân đây, tôi xin kể một câu chuyện để minh họa thêm cho khái niệm *nhịp điệu*, đôi khi hơi khó hiểu. Hồi mới vào học trường Mỹ thuật Paris (khoa kiến trúc), tôi rơi đúng ngay vào một xưởng vẽ đương giương cao ngọn cờ nổi loạn lúc bấy giờ, chống lại tất cả cách học cũ, chống lại Giải thưởng Grand Prix de Rome, vv... Về hình họa, người ta chống lại cách ngồi vẽ bằng chì than (fusain) sao chép những pho tượng cổ Hy Lạp, hoặc vẽ đàn bà khoả thân trong những tư thế kinh viện (académique), nói chung là những tư thế tĩnh và không tự nhiên. Về kiến trúc, người ta chống lại cách sao chép những *thức* (ordres) của nền kiến trúc Hy Lạp - La Mã cổ, vì thấy rằng không còn phù hợp với thẩm mỹ hiện đại, cũng như thực tế đời sống ngày nay. Tối tối, tôi đi theo một lũ bạn học vẽ ở Nhà trụ sở trực thuộc trường Mỹ thuật (Maison des Beaux-Arts). Người hướng dẫn chúng tôi vẽ là một nhà điêu khắc tên là Jean Roux. Ông này thuộc những người cầm đầu cuộc nổi loạn trong giới điêu khắc và họa sĩ ở trong trường. Chúng tôi vẽ, không phải là vẽ đàn bà khoả thân (Nu), mà là vẽ một anh chàng người mẫu mặc bộ đồ đen nịt sát người như đồ những diễn viên múa hiện đại thường mặc. Anh này cũng dân học vẽ như chúng tôi, song lại biết thêm cái nghề bắt chước làm các điệu bộ (mime). Chúng tôi vẽ những điệu bộ và những động tác của anh ta, chỉ vẽ những nét chính thôi, rất nhanh, thể hiện cái nhịp điệu của mỗi động tác, chứ không vẽ cái hình dạng của anh ta. Ông Roux gọi đó là vẽ cái *schème*, tức là cái *cấu trúc bên trong* của cơ thể anh ta trong từng điệu bộ, từng tư thế. Cái cấu trúc bên trong đó chỉ lộ ra khi ta thể hiện đúng *nhịp điệu chuyển động* của nó.

(6) Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1925-1945) sau này đổi tên thành Trường Mỹ thuật trung cấp (1945-1954), rồi Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (1955-1975), rồi cuối cùng là Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội (từ 1975 đến nay).

Những còn những mất...

Lê Minh Hà

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi...
(Chinh Phụ Ngâm)

Người đàn bà ngồi lặng, nhìn ơ thờ. Vệt nắng cuối hè cứ lúi dần về phía cửa sổ, rồi mất hẳn. Hình như chị không nhận ra thời gian đang trôi.

Chị sống dật dờ. Như thế. Mấy hôm rồi. Thỉnh thoảng chị cũng ép mình nhúc nhắc làm việc nhà. Chẳng có gì nhiều. Rửa mấy cái bát rếch. Lau bụi. Là quần áo.

Hôm qua chị đã là quần áo. Nhân thể dọn lại đồ trong tủ. Bừa bộn và lạnh lẽo. Lâu rồi, làm chui ở quán, ăn rồi ngủ ở đó, đến năm ngày trong tuần, chẳng mấy khi chị động tay vào những việc này.

Áo và váy và quần...Nhàu nát. Đồ lót xông lên cái mùi sạch sẽ và âm ẩm vì lâu không dùng. Của chị. Của Dũng. Lẫn lộn. Chị tần mẩn nhặt đồ của Dũng, vuốt phẳng rồi gấp lại. Dũng liệu có về lấy không ?

Chị đã cãi nhau với Dũng. Vặt vã. Khóc lóc. Nhưng sự thế thì không xoay chuyển được nữa rồi. Chị biết thế. Cũng như biết rõ mình nếu có một cơ hội như Dũng thì cũng sẽ làm y vậy.

Thế mà chị cũng đã sống với Dũng năm năm. Năm năm. Không ít. Đời làm vợ của chị dài mười mấy năm, nhưng thực thì chị cũng chỉ được sống với chồng ngần ấy thời gian. Hết chồng đi bộ đội thì lại đến vợ đi làm culi xứ người. Tính ngày ra, có lẽ chị cũng chỉ được gần gũi chồng chừng năm năm, bằng thời gian cặp với Dũng.

Anh ấy và con bây giờ ra sao ? Bất chợt chị hết hoảng. Không thể nào hình dung nổi gương mặt con bé nữa. Cả vóc dáng của bố nó. Phải ! Chịu ! Thế mà chị vẫn nhớ là ngay dưới thắt lưng anh lệch về phía trái một chút có một nốt ruồi to nổi hẳn lên, giống như cái đầu tí của anh thường sẵn lại dưới lưỡi chị.

Cặp vợ chồng hàng xóm đã đi làm về. Loáng thoáng có tiếng phim chuông. Chắc cậu chồng đang nhâm nhi bia và dán mắt vào màn hình. Độ lát nữa, khi cô vợ đã thu vén xong mọi việc, những câu “*Hoàng thượng giá lâm*” và đại loại như thế sẽ được thay bằng những tiếng sục sịt, khúc khích của phim tâm lý tình cảm Hồng công. Chị hình dung rõ mồn một cảnh ấy. Chính chị cũng đã từng có những ngày sống cùng Dũng như thế. Kể từ khi liêu thân sang đây.

Nhưng bây giờ thì Dũng đã đi. Đến cả gọi về, giả dụ chỉ để báo sẽ tạt về lấy nốt đồ cũng không. Trước, chị và Dũng cùng đi làm chui, không mắc điện thoại. Có gì nhắn nhe thường gọi qua máy hàng xóm. Nhưng giờ, chị không đủ can đảm sang phòng họ, nhờ họ gọi nếu Dũng nhắn về. Họ biết là Dũng đã đi. Họ biết là Dũng bỏ chị. “*Nửa trôi sông chẳng dập thì gãy. Gái bị chồng rẫy không chúng nó cũng tạt kia*”.

Nhưng chị và Dũng có phải là vợ chồng dâu. Chị không có lỗi. Cả Dũng nữa. Dũng cũng không có lỗi.

Dũng đã làm được đăng ký giả với một cô người Đức. Cô ta hơn tuổi Dũng. Trạc lúa chị. Trông sò sè và hơi bẩn bẩn. Chẳng biết ai mai mối. Cô ta nhận lời đăng ký với Dũng để lấy hai mươi ngàn mác. Nhận trước nửa tiền rồi. Nhưng rồi không hiểu sao cô ta cứ thường xuyên gọi cho Dũng, bảo phải gặp, để bàn thêm về cái sự lấy nhau. Kết cục là tuần rồi Dũng điện cho chị về. Cãi vã tung bùng. Khóc lút nước. Rồi Dũng đến ở nhà cô vợ định lấy hồ kia.

Chị không đi làm nổi. Người cứ lừng lững lơ lơ. Vẫn biết quan hệ với Dũng năm năm vừa rồi không phải là tình chồng vợ. Chị đã có chồng con. Dũng cũng đã có vợ.

Dũng và chị vẫn âm thầm gửi tiền về. Để giúp nhà. Để nuôi con. Hình như còn để chuộc lỗi. Chị và Dũng không bao giờ cãi vã, ngăn cản nhau chuyện đó. Chấp nhận. Như là một chuyện dĩ nhiên.

Chị và Dũng cũng chưa bao giờ thề thốt. Gặp nhau lúc vào trại. Hỏi ra biết từng làm culi ở Nga, khai bậy là vợ chồng, về ở với nhau cho dịu những ngày cô quạnh. Đã xác định ngay từ đầu như thế. Vậy mà sao choáng váng khi còn lại một mình.

Ngoài kia mang mang nắng. Có một chiếc xe ào qua. Cái nhà chị ở là nhà cũ, xã hội thuê bao cho dân tỵ nạn, cửa kính chỉ có một lớp, mỗi bận như thế lại rung lên bần bật. Chị thấy lạnh. Có phải vì hình như mùa thu đã về ? Rừng quanh nhà chưa đỏ lá. Nhưng nắng sao mà vàng. Giống nắng hanh què nhà. Cái nắng lạ lùng, làm da thịt hâm hấp nóng mà lạnh lòng lạnh dạ. Tháng tám rồi. Con bé vậy là đã sắp hết hè. Thỉnh thoảng bố con nó viết thư cho chị. Thỉnh thoảng chị gọi điện về. Lạ thế. Xa mặt chứ đâu cách lòng. Vậy mà nhiều lúc chị không biết nói gì với con qua điện thoại. Chỉ những dặn dò với dặn dò. Quay cuồng trong óc chị lúc đó là cảm giác tội lỗi. Không thể nào hình dung được gương mặt con. Tại sao ? Cả với mọi người trong gia đình cũng thế, trừ mẹ. Nhưng mẹ thì đã chết. Từ khi chị mười một tuổi.

Chồng chị không biết có rõ sự chị ăn ở với Dũng bên này ? Chắc là cũng nghe phong thanh. Thì vẫn có người đi người về. Chị vẫn gửi thư tiền qua họ. Thế nhưng anh vẫn viết thư cho chị thật bình thản, thật ân tình. Tại sao lại là ân tình ? Khi đã là thư chồng gửi vợ. Chị từng hỏi mình như thế. Có lẽ mọi sự bắt đầu từ mặc cảm có tội nơi chị, từ ngày bỏ nước Nga chạy qua đây tỵ nạn và sống với Dũng. Mặc cảm càng lớn thì cái hạnh phúc thấm thiết chị có cùng Dũng càng bắt buộc chị. Nhưng Dũng đã gỡ nó ra rồi. Còn lại nơi chị là những quần áo những dép những giày những dao cạo râu mà Dũng không về lấy. Và những lá thư của chồng : “*Tiền em gửi về anh đã mua đất. Anh đồn tất tạt trong nhà dân mua mảnh ấy. Chờ ngày em về. May ra con có chỗ ở tương hơn. Chứ cái nhà xí công cộng cạnh nhà mình dạo này kinh khủng quá. Hai bố con thì sống bằng lương của anh. Con đi học thêm cũng tốn. Nhưng anh bỏ thuốc lá rồi. Cả bia. Chiều đi làm về anh không muốn tạt đâu, về ông bà đón con ngay sợ nó tui...*”

(xem tiếp trang 32)

Mẹ tôi

truyện ngắn

Nguyễn Quang Thân

Năm mười chín tuổi, cha tôi bỏ nhà vào dãy núi Ngân Éo, cách làng nửa ngày đường, chọn một quả đồi ưng ý, đào đất vỡ hoang. Năm năm sau trái đồi đã xanh om. Cha tôi vào rừng chặt gỗ, đóng bện, cho trâu kéo về dựng nhà. Rồi ông tự đến nhà bà ngoại tôi xưng tên, xin hỏi mẹ tôi làm vợ. Bà tôi bảo : “ Anh đã hỏi ý em nó chưa ? ”. Cha tôi đáp : “ Thưa bà, chưa bao giờ con làm cái gì mà phải hỏi ý ai ”. Lúc cha tôi về, bà tôi bảo mẹ tôi : “ Tính thẳng ấy táo bạo, khéo rồi con không kham nổi nó đâu ! ”. Hồi bấy giờ, nhờ vỡ hoang được quả đồi mà tiếng tốt của cha tôi đã nổi như cồn. Mẹ tôi im lặng. Nửa năm sau thì cưới.

Tôi lên bảy, chị Ngân tôi đã mười lăm. Chị đẹp người, đẹp nét, lại ham học. Nhà tôi cách trường nửa ngày đường thế mà chị không bỏ học bữa nào. Mẹ tôi cứng chiều chị hết sức. Cha tôi làm như trâu lặn suốt ngày. Đồi cây, mấy thửa ruộng, lại còn chặn thả đàn bò ba mươi lăm con, rồi đám người làm ruộng nữa. Mẹ tôi làm lũi mọi việc trong nhà theo sự cất đặt của cha tôi. Ông có dáng đi bặm trợn như gấu, nói thì hậm, hự và chẳng thấy bao giờ nhếch mép cười. Mỗi lần bước vào nhà, cha tôi lừ mắt nhìn vào chỗ nào đó là cả ba mẹ con tôi đều hồi hộp, ngực đập chân run. Đến cái chổi quét nhà dựng chỗ nào cũng phải theo ý ông, sai đi là không được. Những cái áo cánh mẹ tôi và chị Ngân mặc cũng đều do ông chọn vải, cắt rồi mới thuê người khâu theo ý mình.

Ông dựng lên cả một cơ nghiệp, nuôi ăn cả nhà, chăm lo cho mẹ tôi từng miếng cháo trong lúc ốm đau. Ông chỉ đòi hỏi một điều : không được cãi. Ông nói với mẹ : “ Thần đất, thần núi nơi này còn chịu tôi nữa là bà ! ” Và hằng thứ cãi lại ông một câu mà xem !

Cho đến một bữa cơm. Cả nhà vừa cầm đũa, cha tôi nói : “ Ngày mai con Ngân thôi học, theo tao ra làng may hai bộ quần áo. Hai mươi tháng này tao cho thằng Thạch đi ăn hỏi ! ”. Anh Thạch là người chặn bò được cha tôi tin tưởng và quý nhất trong số người vẫn đến làm thuê. Ông giao cho anh cả một đàn bò và bấy giờ tính cho luôn cả chị Ngân tôi nữa.

Tôi thấy mẹ tôi đặt đũa xuống mâm. Bà nhìn cha tôi, không cụp mắt xuống cam chịu như trước đây mà nhìn thẳng, ánh mắt như có lửa bên trong. Mẹ tôi nói : “ Ông định giết con tôi à ? Nó học giỏi nhất cả họ nhà ông đấy ”. Cha tôi nghiêng hai hàm răng, cục hầu chạy lên chạy xuống, như ông đang nhai và nuốt cón giận vào trong. Ông ngắc ngứ : “ Bà cãi ? ”. Đáng lẽ lúc đó mẹ tôi nín lặng thì câu chuyện buồn thảm này đã không xảy ra. Nhưng mẹ tôi nói ngay : “ Tôi cãi đấy ! ”. Cha tôi đứng bật dậy. Rồi ông thét to vào mặt mẹ tôi : “ Câm mẹ cái mồm đi ! ”.

Mẹ tôi đánh rơi cái bát xuống mâm, trôn trôn nhìn cha tôi, rồi nhìn chị em tôi đang run như ngọn cỏ trong cơn bão. Đôi mắt bà lạc đi như vừa trúng một cơn gió độc.

Mẹ tôi bị cầm tù bữa cơm ấy. Trong chín năm, cha tôi đón lần lượt chín ông thầy cúng đến nhà làm bùa phép, chạy chữa, vẫn vô ích.

Chị Ngân tôi bỏ nhà đi trước cái lễ hỏi một ngày. Mười bảy tuổi, tôi đi bộ đội rồi được chuyển ngành về một đoàn địa chất. Chỉ còn lại cha mẹ tôi ở lại trái đồi heo hút. Tôi quyết định dành cả thời gian rỗi của quãng đời còn lại đi tìm chị Ngân tôi mà không thấy. Ở với người vợ câm, cha tôi đã thoả mãn tính kiêu ngạo của mình. Chẳng còn ai cãi lại ông nữa ngoài những trận gió rừng thất thường rít qua ngọn cây đã thành cổ thụ trên mái đồi.

Ba mươi bảy năm sau kể từ bữa cơm định mệnh hôm ấy, tôi và vợ con may về kịp trong những ngày mẹ tôi hấp hối. Cha tôi làm li quét sơn cổ hậu sự ở nhà ngoài, vợ tôi về làng lo đám tang. Chỉ còn tôi với mẹ tôi trong buồng. Tôi sụp xuống, lạy mẹ tôi ba lạy. Tôi nói :

– Mẹ ơi, trước khi đi, mẹ cho con biết một điều. Đến bây giờ con vẫn không biết mẹ có bị cầm thật hay không ? Nếu không, xin mẹ dặn lại con cháu vài lời.

Mẹ nắm lấy tay tôi, lỏng lẻo vì bà không còn sức nữa. Rồi miệng mẹ tôi mấp máy. Bà nói với tôi những lời rành rọt :

– Mẹ phải câm đi để các con không bao giờ bị sỉ nhục.

Cha tôi chạy vào. Nhưng mẹ tôi đã ngừng thở. Ông chỉ chậm mất vài bước chân. Ba mươi bảy năm nay tôi biết ông vẫn thầm mong được nghe một vài lời thốt ra từ miệng con người đã có một thời xinh đẹp, nét na mà chắc là ông yêu mến suốt đời. Nhưng bây giờ thì... mãi mãi.

1994

Một trích đoạn cũ

truyện ngắn

Đỗ Phước Tiến

Chỉ là những đoạn đời dang sau một tấm màn sân khấu. Không thể gọi đó là buồn hay vui. Nhưng mỗi số phận ấy, hồ hững với nhau đến thế, cứ lặng thắm ràng buộc lẫn nhau trong những nỗi cô đơn được giấu kín, cả trong những niềm đau không thể nói thành lời... Và cái khát vọng tiềm tàng của tình yêu cứ cuộn lên sau mỗi dòng chữ. Đỗ Phước Tiến 39 tuổi, đang sống ở Đà Nẵng.

Cũng may cho Đát Kỷ, đó là ngọn đèn cuối cùng còn lại trong hậu đài, bởi vì cái kiểu ngồi lững lơ trên nắp thùng gỗ đựng đồ hoá trang mà khóc của cô trông rất quái dị. Trong bóng tối, nỗi lòng của mỹ nhân mặc sức tuôn tràn dưới chiếc áo choàng cũ còn để lại một góc bên bậc cửa. Đã hai lần tôi bắt gặp Đát Kỷ khóc. Một lần dưới ánh sáng và một lần trong bóng tối. Lần nào cũng đang ngồi trên nắp thùng gỗ, cứ như là chính ở đó cô sẽ tìm thấy nước mắt của mình. Tôi chưa thấy ai khóc như Đát Kỷ bao giờ, vừa quái dị lại vừa dữ, trách gì ngọn đèn đã lụn tắt. Tôi làm bộ rít lên : tránh ra cho người ta dọn dẹp. Góc áo choàng thụt vào : đồ ngu. Y hệt lần trước, khi vẫn u còn chưa kịp đi hết chiều dài bậc cửa, tôi đã bước một chân ra ngoài, và cười. Từ nay mỹ nhân muốn khóc cứ khóc, chẳng còn ngọn đèn nào nữa, chỗ tốt nhất để khóc sẽ mãi mãi ở trong bóng tối.

Trên sàn gỗ, thầy Lá đang cuốn tấm màn lớn để đón gió từ đầm nước thổi vào. Đầm nước ngay trước mặt, dài và hẹp, bờ bên kia là thị trấn với những ngôi nhà thấp, lặng ngắt và xanh biếc dưới ánh trăng. Lâu lâu thầy Lá lại cuốn tấm màn lên một lần, để đón gió và để đuổi kiến trên sàn gỗ. Lâu lâu thôi, và trong bóng tối mờ昧, khi đêm diễn đã tàn. Sáng ngày mai những người đi gỡ lưới trên đầm nước đã thấy tấm màn buông xuống như cũ. Tấm màn như chiếc áo choàng của Đát Kỷ, mỗi lần cuốn lên là bụi bay mù昧. Bụi sẽ bay trên lưng thầy Lá, bay trên những mẫu xương vai cong cong, nơi có xăm hình một con quạ đã bị nhổ trụi lông. Rồi bụi sẽ bay luẩn quẩn trên những cái ghế người ta bỏ lại để chiếm chỗ cho đêm diễn ngày mai. Những cái ghế bằng gỗ vụn, cao cao thấp thấp. Ban đầu nó được xếp kín đáo trong đám cỏ dại. Đát Kỷ diễn càng lâu, mấy cái ghế càng tiến gần lại sàn gỗ, từng đêm chiếm dần những chỗ tốt nhất. Những đêm mệt mỏi tôi hay thơ thẩn tới gần thị trấn, đem theo mấy cái ghế rồi quẳng thật xa ra giữa đầm nước. Chờ một lát để nghe động tĩnh, rồi tôi quay về, ngủ một giấc đầy sầu muộn. Chỉ một đêm thôi, chiều hôm sau những cái ghế đã kịp khô ráo, tự nhiên xếp thành hàng ngang trước sàn gỗ như chưa bao giờ ngủ qua đêm với mấy con rắn nước, với những con cá trắng vẩy xanh lấp lánh và những con chuột đồng dài thượt, lông vàng như những trái xoài tượng. Trong hậu đài, thầy Lá vừa bôi sáp lên mặt vừa đếm mấy cái ghế qua khe hở tấm màn : uống công mày. Rồi một đêm dang dặc bắt đầu khi sàn gỗ đã

giãn hết các thớ thịt, và kêu lên cọt két trong lúc nhận thêm lớp bụi mới từ mặt Đát Kỷ theo mồ hôi rớt xuống. Mồ hôi lòng ròng gói kín những hạt bụi rơi chầm chậm trong lúc có run rẩy trong chiếc áo choàng : ôi, gió đâu thổi lạnh ghê người. Bụi bắn tung toé khi thầy Lá vừa nhảy lưng tung vừa nhìn như muốn ăn tươi nuốt sống Đát Kỷ. Bên dưới những cái ghế nghiêng qua ngã lại. Ghế cao ngửa ra sau : cảnh này hồ ly phải cong đuôi lên chó, tối qua có cong mà. Ghế thấp chồm tới trước : Đát Kỷ bụng to quá rồi, to quá rồi. Tất cả âm thanh chói lói đó được gói kín trong khoảng không im vắng của đầm nước, bị dồn cục dưới hai ngọn đèn treo tít trên đỉnh màn. Hai ngọn đèn cuối cùng cho tất cả mọi người, một vàng như lông chuột đồng và một xanh biếc như ánh trăng.

Từ ngày dọn về diễn bên cạnh đầm nước, tôi chưa bao giờ thấy thầy Lá và Đát Kỷ tập võ. Lớp hồ ly nhập xác Đát Kỷ trên đường tới chỗ vua Trụ hai người diễn như cháo chảy, không cần tập nữa. Đêm diễn đầu tiên, cảnh Đát Kỷ nằm vắt trên vai thầy Lá để cho ông chạy lòng vòng quanh sàn gỗ làm người ta khoái ghê gớm. Lần này người ta chỉ để ý tới chi tiết, diễn lâu dần lại thấy nhợt. Cái bụng mới đầu còn lép kẹp của Đát Kỷ co giãn trên những mẫu xương vai của thầy Lá, nơi có năm hình con quạ, co giãn miệt mài. Cảnh đó gọi là phép đổi hồn, đêm nào cũng đổi hồn. Mỗi lần ông bầu từ thị trấn ghé qua, thầy Lá lại bóng gió xa xôi. Rằng ông già rồi, đâu có thể vác Đát Kỷ chạy hoài được. Ông bầu ậm ừ, ngó qua một lượt, rồi đi. Có lẽ tôi là người cuối cùng ông bầu kiểm được chuyện để nói. Sao mà mấy cái bậc đèn mau lụn quá vậy ? Đi mà đóng lại cái sàn cho chắc, nó kêu to vậy mà nghe được à ? Sao mà bột hoá trang mau hết quá vậy ? Ông hỏi đâu quên đó, chẳng ngó đâu tới hai lần, hết hỏi rồi đi, dẫn theo Đát Kỷ. Bao giờ cũng vậy, Đát Kỷ đi một lát rồi về, có khi đi tới sáng. Đi lặng lẽ về cũng lặng lẽ, hơi thở nặng hơn bước chân. Nhiều khi Đát Kỷ quay về, vừa thở phì phì vừa xĩa răng. Rõ ràng trong chuyện này ông bầu là đồ ngớ ngẩn. Không biết bao nhiêu lần tôi nhìn thấy Đát Kỷ chà rửa hàm răng giả của cô bên đầm nước, vào những buổi chiều rực sáng lấp lánh bởi những con cá trắng vẩy xanh nổi lên mặt nước tìm mồi. Chỉ có thầy Lá là người giận dữ nhiều nhất trong chuyện này. Ông đi lại chậm chạp trên sàn gỗ, tới nửa đêm thì cuốn tấm màn lên, rồi bắt đầu đuổi kiến.

Thầy Lá có bộ dạng của thằng ăn trộm, nhưng lúc nào cũng xử sự như kẻ bị mất cắp. Ông nổi giận dùm dùm khi buổi sáng thức dậy thấy tôi hay Đát Kỷ ngồi dật dờ trên sàn gỗ. Rồi ông lại cười hắc hắc như một con vượn khi thấy tôi đang ngấu nghiến cái gì đó, mồ hôi lòng ròng trong khi bên ngoài đang lác rắc giọt mưa ngâu. Đát Kỷ giải thích là nghề nó tạo ra người. Tôi không tin lắm. Lẽ nào con người ta chỉ làm mỗi một nghề cho tới già, tới chết ? Vậy thì chán lắm. Nhưng mà cứ thay đổi hình dạng liên miên, đến nỗi mình cũng không nhớ mình từng là cái gì thì còn tệ hơn là không làm gì hết. Đồ ngu, mỹ nhân lại rửa. Cũng được, đi là phải tới nơi, hoặc là đừng có đi. Hồi xưa, thầy Lá từng làm nghề thủy thủ, đi nhiều nơi lắm. Thời đó dầu còn nhiều lắm, chưa có khan hiếm như bây giờ. Tàu chở dầu của thầy Lá chạy rất xa, tới tận cái nơi mà nước biển còn mặn hơn cả muối. Nơi đó người ta làm nhà ở cũng thấp, nhưng trở bao nhiêu là cửa, làm một lần ở đến mấy đời người. Nơi đó đàn ông rìa thì vểnh lên còn đàn bà vừa mập vừa đen, không giống một chút nào

với Đất Kỷ vừa ốm vừa trắng. Những người đàn bà vừa mập vừa đen sống rất đầy đủ, những cái bắc đèn của họ không bao giờ lụn vì cạn dầu. Họ nấu nướng cũng bằng dầu, đuốt kiến cũng bằng dầu. Món ăn thường xuyên của họ là thịt quạ. Những con quạ mập ú vì được nuôi nấng tử tế. Chúng ngủ trên bực cửa, trên ống khói và trên đầu giường những ông râu vênh. Buổi sáng thức dậy, họ cứ chụp đại một con quạ nào đúng gần đó rồi nhổ từ từ từng cái lông một cho tới khi cái con vật bạc phước đó kiệt sức vì gào thét và tím tái cả người đi vì khủng khiếp. Những con quạ bị nhổ hết lông rồi được thả đi lảng quăng trong nhà cho tới chiều tối, trong lúc chủ của nó lo chuẩn bị sữa và ớt. Trong những quán ăn gần bến tàu, thầy Lá vẫn hay bắt gặp những con quạ bị nhổ trụ lông như vậy, nó đứng xo ro vì lạnh, ngó ngẩn nhìn mấy con quạ lông đen nhánh đang đứng oai vệ trên bực cửa. Thầy Lá giải thích rằng người ta làm vậy vì hai lý do. Một là để thịt quạ hết mùi hôi, hai là để khi ăn, họ không phải áy náy. Không bay được thì đậu còn là con quạ, đậu còn là thứ sinh vật quen thuộc vẫn từng ngủ chung giường với mình. Thịt quạ và ca hát, đó là hai thứ đam mê của những người đàn ông râu vênh, đam mê vô tận. Họ ca hát quanh năm suốt tháng thay vì đi ra biển lấy muối. Họ hát nhiều đến nỗi phải thường xuyên thay dây đàn để giữ giọng. Những dây đàn không ngân nữa được treo gọn gàng trong bếp, dành để siết cổ những con quạ đã bị nhổ trụ lông vào lúc chiều tối. Sau đó những con quạ sạch sẽ được thả vào nồi trong tư thế không có đầu. Dù sao nếu ăn thử vài lần nhất định phải ghiền, thầy Lá nói vậy, sườn quạ hầm nhừ với sữa, vừa ngọt vừa cay, ăn no rồi nhưng nhìn những con quạ khác còn đứng trên ống khói vẫn cứ chảy nước miếng. Ăn một tô thôi, người ta đã thấy bùng bùng, chỉ muốn kiếm cớ sờ mó những người đàn bà có cái hông mấn mà như biển, những người đàn bà vừa mập vừa đen, ở cạnh biển cả đời mà chẳng biết biển là cái gì. Cũng được, thầy Lá tắc lưỡi, rồi cũng qua hết đêm dài, rồi cũng trôi hết một đời trai. Tôi thờ dài, và thất cả ruột. Nhưng dù sao tôi cũng không thích ăn thịt quạ. Thầy Lá cười tươi rói : đâu có ai tự nhiên thích ăn, cốt là cho hết đói, chớ khi mà vật con Đất Kỷ ra, mà có thích không ?

Thầy Lá đã từng đi nhiều nơi, và từng đi rất xa. Rồi khi quay về, ông lại càng giống chính mình hơn cả lúc chưa đi. Bởi vì có những thứ không cần giữ vẫn còn, còn mãi mãi. Bởi vì ông nội và cha thầy Lá không từng đi đâu hết. Mỗi sáng họ chỉ đi từ nhà ra cánh đồng, miệt mài, xong việc rồi về. Thầy Lá kể vậy.

Tôi với Đất Kỷ thì khác. Chúng tôi ở gần nhau từ nhỏ, quen mùi nhau rất nhanh mà ghét nhau cũng quá là tàn tệ. Nhưng đó là chuyện bây giờ. Cái thời thầy Lá còn rong ruổi trên mấy cái tàu dầu, tôi với Đất Kỷ mới là hai đứa con nít. Chẳng biết làm gì, và để khỏi vướng chân người lớn, hai đứa chui rúc suốt ngày ở một góc hậu đài, vật lộn túi bụi cho phỉ sức. Hồi đó trong cái góc của chúng tôi còn có một ô cửa tròn nằm tít trên cao. Đối với hai đứa con nít, ô cửa quá cao mà chỉ vào những đêm trời thật xanh ánh trăng mới ghé vào được một lát. Một lát thôi, rồi trắng lại chậm rãi chui ra khỏi ô cửa, rồi đi, dù đang là một đêm mưa. Trời mưa càng lâu, càng mát, tôi với Đất Kỷ vật nhau càng dữ tợn, vì còn phải biết làm gì. Tạnh mưa, hai đứa thay phiên công nhau nhìn qua ô cửa. Những lúc đó bên ngoài rất đẹp, đẹp hơn cả lúc

chưa có mưa. Một khoảng không xanh nhạt, mát lạnh, không có nơi bắt đầu và cũng chẳng có điểm kết thúc. Bao giờ tối phiên Đất Kỷ công tôi là y như rằng sẽ có hai cha con người đàn ông đi gỡ lưới từ đầm nước trở về qua ô cửa. Ngày ấy đầm nước còn ở tít tận nơi xa và hai cha con người đàn ông phải đi rất xa, rất lâu, khi trận mưa mới tới hồi kịch liệt nhất. Ấy vậy mà có khi mưa lại không đủ sức đánh thức mấy con cá trắng vẩy xanh, có khi họ trở về với tấm lưới không. Họ đi rầu rĩ giữa khoảng không màu xanh nhạt vô hồ vô thanh, trên vai thẳng nhỏ vác một cái bao lớn nhốt những con chuột đồng mà họ đã bắt dọc đường trở về để thế mạng cho mấy con cá trắng lười biếng. Hai cha con người đàn ông cũng đi ngang qua ô cửa, và cũng đi chậm như ánh trăng. Rồi họ sẽ đi về hướng ngược lại với ô cửa của tôi, của Đất Kỷ, tôi đoán vậy. Bởi vì phía đó là rừng, là nơi những hàng cây thấp thấp cao cao đang chờ họ về, chất ngất âu sầu khi trời đã tạnh mưa. Ở đó họ sẽ nướng mấy con chuột đồng trên một gốc cây đang cháy, trong khi những túm lông vàng bay ngơ ngẩn quanh những gốc cây khác. Thằng nhỏ không thích ăn mấy con chuột còn quá nhỏ, lông chưa kịp đổi màu. Dọc đường trở về, thằng nhỏ lẳng lặng thả mấy con chuột nhỏ nhất trong bao ra bằng cách cho nó bò theo cánh tay. Mừng rỡ vì thoát chết, mấy con chuột lông màu đất bé xíu nhảy lung tung chung quanh thằng nhỏ, làm người đàn ông giật mình. Ông ta giận giữ giật cái bao trên vai thẳng nhỏ, thọc trọn cái đầu già khú của mình vào miệng bao và đếm. Trong khi ngọ nguậy cái đầu trong bao cùng lũ chuột, một tay người đàn ông sờ rầm trên đầu thằng nhỏ, và dừng ở đỉnh đầu nó. Phát hiện thiếu bao nhiêu chuột, mấy đốt xương tay của người đàn ông cắm chùng ấy lần xuống đỉnh đầu thằng nhỏ, đều đặn và hình như rất mạnh. Qua ô cửa, tôi thấy thằng nhỏ đang le lưỡi, và cười. Còn mấy cái cú trừng trừng của người đàn ông thì lại làm cho khoảng không xanh nhạt phía sau dọn sóng từng hồi. Tôi phiên tôi công Đất Kỷ, cứ nhớ lại cảnh đó phía dưới ngực của tôi lại đau thắt, chân tay bủn rủn. Cuối cùng hai đứa lăn đùng ra, đau đón thêm một lần nữa vì va đập xuống nền đất. Đất Kỷ vừa xoa trán vừa nhìn tôi trừng trừng, gần như là không hiểu : mà, đồ ngu.

Từ nhỏ, tôi với Đất Kỷ đã không có điều gì chung để chia sẻ. Từ khi có thầy Lá, mọi sự còn rắc rối thêm. Thầy Lá dạy cho tôi đủ thứ, dạy tất cả những gì không thuộc về tôi. Vì vậy, chỉ có mình tôi kêu ông bằng thầy. Còn Đất Kỷ thấy tôi phải học nhiều quá lại càng tin chắc rằng tôi rất ngu. Tôi căm ghét Đất Kỷ và cô cũng vậy, điều này cả hai đứa đều biết. Chỉ có điều này một mình tôi biết, rằng tôi thèm muốn Đất Kỷ ghê gớm, và chưa bao giờ nguôi. Tôi giữ kín được điều này rất lâu, kể cả với Đất Kỷ, bởi vì tôi sinh ra sau tấm màn ngăn sàn gỗ với đầm nước, với thị trấn và với mấy cái ghế cao cao thấp thấp kia. Đó là cái duy nhất thuộc về tôi, và thầy Lá không cần phải dạy. Mỗi buổi tối trước khi bước ra sàn gỗ, Đất Kỷ phải ngồi im rất lâu cho tôi đắp bột hoá trang lên những vết rỗ trên mặt cô. Sau đó là một lớp bột khác, màu đỏ đã được làm lạt bột bằng nước lạnh. Một ít mực trên chân mày và một ít sáp quanh miệng, vậy là mỹ nhân còn lộng lẫy hơn cả ban ngày. Công việc này kích thích tôi mỗi ngày. Lòng căm ghét và dục vọng giống như mấy cái cú của người đàn ông bị mất miếng ăn cứ giáng lên đầu tôi mỗi ngày, còn tôi lại chỉ có một mình giữa khoảng không màu xanh nhạt, cố

gắng cười khi bị đau. Sau khi được bôi tất cả các thứ cần bôi lên mặt, Đát Kỷ vẫn là Đát Kỷ, chỉ có tôi là thay đổi. Những con người ngồi chờ tắm màn cuốn lên mỗi đêm trên mấy cái ghế cao cao thấp thấp, đàn ông chẳng ra đàn ông, đàn bà chẳng ra đàn bà, làm sao biết được trên mặt Đát Kỷ có bao nhiêu vết rỗ. Còn tôi thì biết. Họ gào lên vì nhận ra bụng Đát Kỷ to lên mỗi ngày, tưởng đó chính là điều bí mật ly kỳ. Còn tôi lại chẳng muốn thấy, chẳng muốn biết Đát Kỷ đã làm gì tới nông nỗi vậy. Cái bụng lép kẹp của Đát Kỷ chà xát trên vai thầy Lá trong những cảnh đổi hồn trước kia mới là cái đáng lẽ thuộc về tôi, nhưng tôi đã không giữ được. Thầy Lá giỏi hơn tôi nhiều.

Ngày ông bầu dẫn Đát Kỷ ra thị trấn sinh, trời rất sáng và lác rác giọt mưa ngâu. Tôi giúp thầy Lá tháo tấm màn xuống, rồi đem ra giũ rất lâu trên đầm nước. Không cần thiết, đã tới lúc thay màn mới rồi. Nhưng phải làm một cái gì đó, còn hơn ngồi không và chờ đợi. Tôi đóng đi đóng lại mấy cây đinh trên sàn gỗ chán rồi lại sửa soạn cho mấy ngọn đèn. Rót cuộc cả buổi chiều tôi chẳng còn việc gì để làm. Tôi ngồi lì trên sàn gỗ một mình bởi thầy Lá cũng đi ra thị trấn mất rồi, cố gắng hãm bớt mấy cái hắt hơi vô duyên và ngóng cổ nhìn ra đầm nước. Có thể Đát Kỷ bắt ngờ trở về, với cái bụng lép kẹp, biết đâu. Tôi mong cô về ghé góp, dù với bộ mặt phờ phơ như trước kia mỗi lần ra thị trấn với ông bầu. Cô sẽ về với hai con mắt sáng quắc, miệng thở phì phì trong khi vẫn ngậm ve vẩy cây tằm. Rồi mỹ nhân sẽ nhìn tôi đang ngồi ủ rũ trên sàn gỗ, cười chế giễu : đồ ngu. Đó sẽ là điềm lành. Và mọi thứ đâu sẽ vào đó.

Buổi tối nhìn ra thị trấn chỉ thấy lờ mờ những đường kẻ ngang dọc, đứt đoạn và lổ chỗ. Đó là những ngôi nhà thấp đang tự phát sáng trên cái nền trời xanh thẫm mỏng manh mà chỉ một giọt mưa cũng đủ làm nó dợn sóng. Tôi mò mẫm tới gần thị trấn, đem theo hết số ghế còn để lại. Một buổi chiều mệt mỏi nhất đã đi qua. Tôi đứng chờ rất lâu, cố đoán thử Đát Kỷ đang ở đâu giữa cái nền xanh thẫm mỏng manh kia. Không đoán nổi. Tôi cởi áo và làm luôn công việc cuối cùng trong ngày. Lần này tôi lội một đoạn ra giữa đầm nước, rồi lấy hết sức lực quăng mấy cái ghế đi. Trong thình không, chẳng có động tĩnh gì ngoài tiếng rít của tôi vọng lại từng hồi : cút mẹ tụi mày đi.

Khi tôi trở về đã quá nửa khuya. Tôi đi thẳng ra sau hậu đài. Chắc chắn Đát Kỷ đang ở đó. Không còn ngọn đèn nào nữa và tôi đang nghe những giọt nước mắt rơi lộp bộp trên nắp thùng gỗ. Nghe quen lắm. Từ ngày những ngọn đèn thay nhau lụn tắt, tôi đã quen nghe mọi thứ chung quanh bằng cảm giác. Cũng dễ thôi, những thứ chung quanh một đời người có nhiều lắm đâu. Tự nhiên cái mất đi lại là cái chưa bao giờ được nghe, được thấy, và được nhận. Và tôi lại hớn hở như lần đầu tiên bắt gặp Đát Kỷ khóc : tránh ra cho người ta dọn dẹp. Những giọt nước mắt ngừng rơi. Không có áo choàng để thụt vào, chỉ có tiếng thầy Lá run run trên nắp thùng gỗ. Nghĩa là ông đã ngồi ở đó từ lâu rồi, và dĩ nhiên đang đợi tôi : một thằng cu, mày ơi, một thằng cu mà, trời ơi là trời !

Khi liệm thằng nhỏ, người ta chặn chung quanh nó bao nhiêu là giấy. Rồi đắp thêm bao nhiêu nữa ở trên. Mùa mưa

sắp tới rồi và ai cũng nghĩ thằng nhỏ sẽ khó chịu được hơi ẩm của đầm nước. Thầy Lá quyết định rất nhanh. Ông dựng luôn một cái chòi cho hai người, ông và thằng nhỏ, ở bên kia của đầm nước. Dĩ nhiên là thầy Lá bỏ nghề luôn. Tôi tập mãi cũng không vào được vai hồ ly tinh, vậy là *lớp đổi hồn Đát Kỷ* phải bỏ. Cũng không sao, ông bầu đã có vợ mới. Ông còn thay cả tấm màn và bắc đèn. Một tháng chờ cho Đát Kỷ lại người, tôi khởi sự vai diễn đầu tiên của mình với một cái áo vàng dài lượt thướt có đính những váy xanh to như vẩy cá. *Lớp Đát Kỷ, Trụ vương* không phải tập nhiều lắm, vì tôi với Đát Kỷ đã sắm vai này từ nhỏ, chỉ tiếc không còn cái ghế nào cho Trụ vương làm ngai vàng.

Đỗ Phước Tiến

Những còn những mất...

(tiếp theo trang 28)

Và : “ Em đi như thế anh biết cũng là vì con. Anh biết em khổ. Lẽ ra anh phải làm cái việc lang bạt ấy để cứu nhà... Tiên bạc thì chẳng biết thế nào cho vừa. Nếu nhà mình không có cơ đoàn tụ bên đó thì em thu xếp về với con. Nó học rất được. Giống bố nó ngày trước. Bà nội bảo thế...”

Lá thư ấy sáng nay chị vừa nhận được. Cùng thư của vợ Dũng gửi cho Dũng. Tự dưng chị muốn bóc nốt lá thư đó ra xem. Phải cố lắm chị mới dẫn được mình. Chắc cũng lại như thư chồng chị. Những chuyện tẩn tiện. Những chuyện mua đất xây nhà. Những chuyện ông bà con cái. Không dưng chị thương người đàn bà kia thất cả lòng. Dũng sẽ không về cùng chị ta được nữa. Năm năm nữa nếu cơm lành canh ngọt trong cuộc hôn nhân giả hoá thật với người đàn bà Đức béo sồ kia, Dũng có thể đổi Pass¹ Đức. Liệu lúc đó Dũng có thể tự giải thoát mình khỏi vụ cưới xin kỳ quái này để đón vợ con sang, như Dũng nghĩ lúc đầu ?

Nhưng dù sao thì trước mắt người Việt tỵ nạn lúc này Dũng đang là người khôn ngoan và vào cầu lửa. Lúc này, hiệp định hồi hương đã bắt đầu có hiệu lực. Tiến độ đưa người về được đẩy nhanh đến mức thô bạo sau những vụ bắn giết của mafia Việt Nam bên đông. Chị đã phải cầm Duldung² hơn một năm rồi. Chị không có một mối Tây già nào để liều thân một lần nữa trong cái kiếp này. Mà giá có ? Thì chị cũng chẳng thể nào moi đâu ra tiền trả cho dịch vụ. Giá dịch vụ lấy Tây nghe nói dạo này tăng rất nhanh.

Thì chị sẽ về. Và Dũng thì ở lại. Những ngày này Dũng sống ra sao nhỉ ? Lấy vợ Tây rồi, Dũng chắc sẽ thôi không làm chui quán Tàu nữa. Sẽ không được chắt bóp gửi về Việt Nam. Sẽ bánh mì sáng trưa chiều. Bất chợt chị nhớ Dũng thích món xào phải gia nước mắm. “ *Uớp muối dẫu có mi chính ăn nó vẫn cứng cứng thế nào ấy*”. Dũng bạo thế.

Chồng chị khẩu vị cũng thế. Nhưng liệu ngày về chị có còn được cơm nước hàng ngày cho chồng cho con ?

Lê Minh Hà

27-8-1996

¹ hộ chiếu

² giấy phép tạm trú